**ĐẶC TẢ (minh họa) ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 1 – LỚP 12**

| **TT** | **Nội dung**  **kiến thức/**  **Kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/Kĩ năng** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng**  **cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | **Tổng** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |  |
| 1 | ĐỌC HIỂU | Nghị luận hiện đại  (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa) | **Nhận biết:**  **-** Xác định thông tin được nêu trong văn bản/đoạn trích.  - Nhận diện phương thức biểu đạt, thao tác lập luận, phong cách ngôn ngữ, biện pháp tu từ,...  **Thông hiểu:**  - Hiểu được nội dung của văn bản/đoạn trích.  - Hiểu được cách triển khai lập luận, ngôn ngữ biểu đạt, giá trị các biện pháp tu từ của văn bản/đoạn trích.  - Hiểu một số đặc điểm của nghị luận hiện đại được thể hiện trong văn bản/đoạn trích.  **Vận dụng:**  - Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích; bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong văn bản/đoạn trích.  - Rút ra thông điệp/bài học cho bản thân. | 2 | 1 | 1 | 0 | 4 |
| Thơ Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến hết thế kỉ XX  (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa) | **Nhận biết:**  - Xác định được thể thơ, phương thức biểu đạt, biện pháp tu từ,... của bài thơ/đoạn thơ.  - Xác định được đề tài, hình tượng nhân vật trữ tình trong bài thơ/đoạn thơ.  - Chỉ ra các chi tiết, hình ảnh, từ ngữ,... trong bài thơ/đoạn thơ.  **Thông hiểu:**  - Hiểu được đề tài, khuynh hướng tư tưởng, cảm hứng thẩm mĩ, giọng điệu, tình cảm của nhân vật trữ tình, những sáng tạo về ngôn ngữ, hình ảnh của bài thơ/đoạn thơ.  - Hiểu được những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật thơ Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến hết thế kỉ XX được thể hiện trong bài thơ/đoạn thơ.  **Vận dụng:**  - Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của bài thơ/đoạn thơ; bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong bài thơ/đoạn thơ.  - Rút ra thông điệp/bài học cho bản thân. |
| Kí hiện đại Việt Nam  (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa) | **Nhận biết:**  - Xác định được đối tượng phản ánh; hình tượng nhân vật *tôi.*  *-* Nhận diện được phương thức biểu đạt, biện pháp tu từ, chi tiết, hình ảnh,...  **Thông hiểu:**  - Hiểu được những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích.  - Hiểu được đặc điểm cơ bản của kí hiện đại được thể hiện trong văn bản/đoạn trích: hình tượng nhân vật tôi, ngôn ngữ biểu đạt, bút pháp nghệ thuật,...  **Vận dụng:**  - Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích; bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong đoạn trích/văn bản.  - Rút ra thông điệp/bài học cho bản thân. |
| 2 | VIẾT ĐOẠN VĂN NGHỊ LUẬN XÃ HỘI  (khoảng 150 chữ) | Nghị luận về tư tưởng, đạo lí | **Nhận biết:**  - Xác định được tư tưởng đạo lí cần bàn luận.  - Xác định được cách thức trình bày đoạn văn.  **Thông hiểu:**  - Diễn giải về nội dung, ý nghĩa của tư tưởng đạo lí.  **Vận dụng:**  - Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận phù hợp để triển khai lập luận, bày tỏ quan điểm của bản thân về tư tưởng đạo lí.  **Vận dụng cao:**  - Huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về tư tưởng đạo lí.  - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; đoạn văn giàu sức thuyết phục. |  |  |  |  | 1\* |
| Nghị luận về một hiện tượng đời sống | **Nhận biết:**  - Nhận diện hiện tượng đời sống cần nghị luận.  - Xác định được cách thức trình bày đoạn văn.  **Thông hiểu:**  - Hiểu được thực trạng/nguyên nhân/ các mặt lợi - hại, đúng - sai của hiện tượng đời sống.  **Vận dụng:**  - Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận phù hợp để triển khai lập luận, bày tỏ quan điểm của bản thân về hiện tượng đời sống.  **Vận dụng cao:**  - Huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về hiện tượng đời sống.  - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; đoạn văn giàu sức thuyết phục. |
| 3 | VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VĂN HỌC | Nghị luận về một tác phẩm, đoạn trích văn chính luận: *Tuyên ngôn độc lập* của Hồ Chí Minh | **Nhận biết:**  - Nhận biết được kiểu bài nghị luận; vấn đề cần nghị luận.  - Giới thiệu tác giả, tác phẩm, đoạn trích.  - Nêu nội dung khái quát của văn bản/đoạn trích.  **Thông hiểu:**  - Diễn giải những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích: luận điểm - tư tưởng, cách lập luận chặt chẽ, sắc bén, cách đưa dẫn chứng sinh động, thuyết phục, sử dụng ngôn ngữ chính xác, gợi cảm.  - Lí giải được một số đặc điểm cơ bản của văn chính luận được thể hiện trong văn bản/đoạn trích.  **Vận dụng:**  - Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích nội dung, nghệ thuật của văn bản/đoạn trích.  - Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích; vị trí và đóng góp của tác giả.  **Vận dụng cao:**  - So sánh với các tác phẩm chính luận khác, liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận.  - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; bài văn giàu sức thuyết phục. |  |  |  |  | 1\* |
| Nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ:  *- Tây Tiến* của Quang Dũng  *- Việt Bắc* (trích) của Tố Hữu  - *Đất nước* (trích trường ca *Mặt đường khát vọng*) của Nguyễn Khoa Điềm  - *Sóng* của Xuân Quỳnh  - *Đàn ghi ta của Lorca* của Thanh Thảo | **Nhận biết:**  - Xác định được kiểu bài nghị luận; vấn đề cần nghị luận.  - Giới thiệu tác giả, bài thơ, đoạn thơ.  - Nêu được nội dung cảm hứng, hình tượng nhân vật trữ tình, đặc điểm nghệ thuật,... của bài thơ/đoạn thơ.  **Thông hiểu:**  - Diễn giải những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của các bài thơ/đoạn thơ theo yêu cầu của đề bài: hình ảnh hai cuộc kháng chiến và những tình cảm yêu nước thiết tha, những suy nghĩ và cảm xúc riêng tư trong sáng; tính dân tộc và những tìm tòi về thể loại, từ ngữ, hình ảnh,...  - Lí giải một số đặc điểm cơ bản của thơ Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám 1945 đến hết thế kỉ XX được thể hiện trong bài thơ/đoạn thơ.  **Vận dụng:**  - Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích, cảm nhận về nội dung, nghệ thuật của bài thơ/đoạn thơ.  - Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của bài thơ/đoạn thơ; vị trí và đóng góp của tác giả.  **Vận dụng cao:**  - So sánh với các bài thơ khác, liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận.  - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; bài văn giàu sức thuyết phục. |
| Nghị luận về một tác phẩm/ đoạn trích kí:  - *Người lái đò Sông Đà* (trích) của Nguyễn Tuân  - *Ai đã đặt tên cho dòng sông?* (trích) của Hoàng Phủ Ngọc Tường | **Nhận biết:**  - Xác định được kiểu bài nghị luận; vấn đề cần nghị luận.  - Giới thiệu tác giả, văn bản, đoạn trích.  - Xác định được đối tượng phản ánh và hình tượng nhân vật *tôi*.  **Thông hiểu:**  - Hiểu những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích: vẻ đẹp và sức hấp dẫn của cuộc sống, con người và quê hương qua những trang viết chân thực, đa dạng, hấp dẫn.  - Hiểu một số đặc điểm của kí hiện đại Việt Nam được thể hiện trong văn bản/đoạn trích.  **Vận dụng:**  - Vận dụng kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích, cảm nhận về nội dung, nghệ thuật của văn bản/đoạn trích.  - Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích; vị trí và đóng góp của tác giả.  **Vận dụng cao:**  - So sánh với các bài kí khác, liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận.  - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; bài văn giàu sức thuyết phục. |
| **Tổng** | | |  |  |  |  |  | **6** |
| **Tỉ lệ %** | | |  | **40** | **30** | **20** | **10** | **100** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **70** | | **30** | | **100** |

LUYỆN TẬP NGHỊ LUẬN XÃ HỘI

PHẦN I: CÁCH VIẾT ĐOẠN VĂN NLXH

Yêu cầu chung:

– Với dung lượng khoảng 200 chữ ( khoảng 01 trang giấy thi) quỹ điểm là 2 và vấn đề nghị luận đã được khai thác sâu kỹ ở phần Đọc- Hiểu, đoạn viết nghị luận xã hội nên dành thời gian nhiều nhất là 20-25 phút, tránh lan man dài dòng ở câu hỏi này, làm ảnh hưởng tới quỹ thời gian cho câu nghị luận văn học có quỹ điểm nhiều nhất trong đề.

– Khi viết đoạn văn 200 chữ, cần chú ý trình bày đúng quy tắc một đoạn văn là không ngắt xuống dòng.

– Trong phạm vi một đoạn văn ngắn, chỉ nên chọn một dẫn chứng mang tính tiêu biểu, điển hình và phù hợp làm nổi bật vấn đề nghị luận. Tuyệt đối tránh kể chuyện lan man dông dài.

Dàn ý gợi ý:

1. Dạng nghị luận về một tư tưởng, đạo lí

\* Bàn về một vấn đề mang tính khái quát

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Mở đoạn | Nêu tư tưởng, đạo lí cần bàn | Giới thiệu thẳng vấn đề cần bàn luận bằng một câu tổng quát |
| Thân đoạn | Giải thích (Là gì?) | Giải thích ngắn gọn nội dung tư tưởng, cách hiểu (1-2 câu) |
| Phân tích, chứng minh (Tại sao? Như thế nào?) | Phân tích tác dụng, ý nghĩa của tư tưởng, chứng minh. |
| Bàn luận, mở rộng vấn đề | – Lật ngược vấn đề  – Phê phán những tư tưởng, biểu hiện trái ngược |
| Kết đoạn | Rút ra bài học nhận thức và hành động | – Nhận thức ý nghĩa, tính đúng đắn, tác dụng của tư tưởng.  – Hành động.(1-2 câu) |

 VD: Viết một đoạn văn “Tình người là sống tử tế với nhau”

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Mở đoạn | Nêu tư tưởng, đạo lí cần bàn | *Nhân loại đã sản sinh ra nhiều giá trị, chuẩn mực với mục đích làm cho xã hội trở nên văn minh hơn, trong đó có lối sống tử tế* |
| Thân đoạn | Giải thích (Là gì?) | – Tử trong *tử tế* có nghĩa là *nhỏ nhất; tế*trong *tử tế*có nghĩa là *cẩn trọng.*  - *Tử tế* trong ứng xử nghĩa là từ những điều nhỏ nhất cũng phải cẩn trọng, ý tứ. |
| Phân tích, chứng minh (Tại sao? Như thế nào?) | – Không tuân thủ những nguyên tắc đó ta sẽ trở nên dễ dãi, không chú ý đến hành vi,cử chỉ của mình; không hiểu thói quen, tập quán,sở thích của người khác sẽ dẫn đến thất bại trong giao tiếp.  – Sống tử tế tình người sẽ trở nên ấm áp, con người sẽ trở nên tin cậy lẫn nhau  – Con người sẽ tránh xa được sự đố kị, dối trá, oán ghét, hoài nghi, chỉ còn lại là sự chân thành, tôn trọng, đối đãi lịch thiệp với nhau… |
| Bàn luận, mở rộng vấn đề | – Tử tế không đồng nghĩa với hạ mình.  – Phê phán những người cẩu thả, thô bạo trong cách hành xử,thiếu quan tâm đến người khác từ những việc làm nhỏ nhất. |
| Kết đoạn | Rút ra bài học nhận thức và hành động | – Tử tế là một trong những chuẩn mực có giá trị muôn thuở trong ứng xử  – Cần trau dồi nhân cách để hoàn thiện. |

2. Dạng nghị luận về một hiện tượng đời sống

\* Bàn về vấn đề mang tính khái quát

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Mở đoạn | Nêu hiện tượng đời sống cần bàn | Giới thiệu thẳng hiện tượng cần bàn luận bằng một câu tổng quát |
| Thân đoạn | Giải thích (Là gì?) | Giải thích ngắn gọn hiện tượng |
| Biểu hiện, thực trạng | Diễn ra ntn? ở đâu? Tính phổ biến? |
| Phân tích nguyên nhân/ tác hại hoặc tác dụng (nếu là hiện tượng tốt) | – Nguyên nhân: chủ quan, khách quan; con người; thiên nhiên… |
| Biện pháp khắc phục/biện pháp nhân rộng hiện tượng | Giải pháp khắc phục/thực hiện việc đó ntn? |
| Kết đoạn | Rút ra bài học nhận thức và hành động |  |

PHẦN II: LUYỆN ĐỀ

ĐỀ SỐ 1: Nghị luận về câu nói: Ôi sống đẹp là thế nào hỡi bạn?( Tố Hữu)

DÀN Ý

\* Nêu vấn đề: Câu nói là sự băn khoăn, trăn trở về một lẽ sống đẹp, đó là câu hỏi cả nhiều người không riêng gì nhà thơ Tố Hữu.

**\* Bàn luận: Thế nào là sống đẹp?**

- Sống đẹp là sống thật con người mình, sống là mình một cách chân thành, sống không trái với lương tâm của một con người.

- Sống đẹp là sống yêu thương, trân trọng, sẻ chia với mọi người, trân trọng những gì mình có, đồng thời cũng biết căm ghét những điều xấu xa

- Sống đẹp là biết cố gắng, nỗ lực hoàn thiện bản thân, có ước mơ, có nghị lực thực hiện ước mơ.

- Sống đẹp không chỉ là sống cho riêng mình mà là dùng tài năng, công sức của mình để cống hiến làm cho xã hội trở nên tốt đẹp hơn.

**\*. Ý nghĩa của việc sống đẹp**

- Sống đẹp khiến cuộc sống trở nên ý nghĩa, “sống” theo đúng nghĩa chứ không phải sự tồn tại đơn thuần: đời sống tinh thần phong phong phú hơn.

- Khi ta có một cách sống đẹp, bản thân mới thực sự có giá trị, ta sẽ nhận được sự yêu thương, giúp đỡ từ người khác.

- Nếu mỗi người đều có một lối sống tích cực thì sẽ không còn khoảng cách giữa người nữa.

**\*. Bàn luận, mở rộng**

- Bên cạnh những người có lối sống đẹp lại có những người sống tiêu cực: ích kỉ, chỉ quan tâm đến lợi ích của mình, sống vô cảm, thờ ơ, sa vào tệ nạn, ...

- Sống đẹp không phải chỉ ngày một ngày hai có thể làm được, nó thể hiện ở nhũng hành động nhỏ nhất trong suốt đời người.

**\* Bài học và liên hệ bản thân**

**4. Liên hệ bản thân**

ĐỀ SỐ 2: Viết đoạn văn bàn về bản lĩnh của con người.

DÀN Ý

\* Mở đoạn:

-  Cuộc sống không phải lúc nào cũng êm xuôi tốt đẹp mà còn có những thời điểm đầy rẫy những khó khăn bủa vây. Để có thể vượt qua và vươn lên những nghịch cảnh hướng tới điều tốt đẹp hơn, hoàn thiện hơn thì mỗi người cần phải có chỗ mình một bản lĩnh sống.

**\*. Thân đoạn:**

**-** Giải thích:

+ Bản lĩnh là sống vững vàng trước sóng gió, dám đương đầu với mọi khó khăn, thử thách không chùn bước hay lo sợ.

+ Người sống bản lĩnh là người kiên cường, dám nghĩ, dám làm và tin vào khả năng của chính mình.

- Các biểu hiện: Gặp thất bại, có người chán nản, buông xuôi, cố gắng vươn đến những thành quả, lối sống có trách nhiệm, biết phê phán những hành vi xấu, tiêu cực, sống có ước mơ, có lí tưởng

- Ý nghĩa của sống có bản lĩnh:

+ Khi sống bản lĩnh, sẽ dễ dàng thành công hơn

+ Khẳng định được vị trí của bản thân trong các mối quan hệ xã hội

+ Mang lại cho những người thân, mọi người xung quanh niềm tin tưởng

+ Giữ được nhân cách cao quý trong mọi hoàn cảnh

- Muốn trau dồi bản lĩnh nhất thiết phải rèn luyện từng ngày

- Mở rộng vấn đề:

+ Phê phán lối sống thiếu bản lĩnh.

+ Là học sinh, cần có bản lĩnh thật tốt để học tập và rèn luyện một cách tốt nhất.

**\*. Kết đoạn**

Khó khăn trau dồi cho ta bản lĩnh, bản lĩnh giúp ta vượt qua mọi khó khăn, vì vậy hãy sống thật có ích, sống và cống hiến, sống với niềm tin và lòng quyết tâm sắt đá.

ĐỀ SỐ 3: Nghị luận về các hành động nhỏ làm nên người anh hùng giữa đời thường.

DÀN Ý

**\*. Khái niệm:**

- "Các hành động nhỏ" tức là những việc làm bình dị, diễn ra xung quanh chúng ta trong đời sống thường ngày, không có ý nghĩa tạo tiếng vang hay sự nổi tiếng.

- ”Anh hùng giữa đời thường" được hiểu là những con người đã có đóng góp, cống hiến có ích cho xã hội dưới nhiều hình thức.

\* **Bàn luận:**

- Trong cuộc sống thiết nghĩ rằng không tất cả những điều đẹp, điều tốt đều mang trong mình dáng vẻ hào nhoáng, kỳ vĩ và lớn lao, trái lại những sự kiện ấy chỉ chiếm một phần rất nhỏ và không phải lúc nào cũng có thể xảy ra.

- Ngày nay chúng ta vẫn có thể trở thành những anh hùng tí hon giữa đời thường, mà không cần công trạng kinh thiên động địa.

**c. Biểu hiện:**

+ Giúp đỡ người già qua đường, tuy chỉ là một hành động nhỏ, thế nhưng có lẽ trong mắt bà cụ bạn đã trở thành ân nhân, trở thành người anh hùng có tấm lòng lương thiện.  
+ Nhặt một chú mèo con yếu ớt bị vứt bỏ, mang về chăm sóc, nuôi nấng hoặc tìm cho nó một người chủ tốt, giải cứu được một sinh mạng, đã cứu rỗi cuộc đời của một con vật tội nghiệp và trở thành một anh hùng tí hon.

+ Nhân viên ngành y tế, hay lực lượng vũ trang công an, quân đội, dân phòng đang tích cực khoanh vùng dập dịch Covid 19,... Họ đều là những người anh hùng đang ngày đêm lao động trong thầm lặng, ngay lúc này đây họ đang hành động bằng tất cả tinh thần, trách nhiệm, ý chí quyết tâm "chống dịch như chống giặc".

+ Hành động đóng góp của cải vật chất của các mạnh thường quân cũng là những hành động mang ý nghĩa tích cực ủng hộ tuyến đầu đương đầu với khó khăn, và nghiễm nhiên họ cũng xứng đáng được gọi là anh hùng.

=> Anh hùng chính là những người sẵn sàng hy sinh lợi ích cá nhân của mình để giúp đỡ cộng đồng, giúp đỡ người khác bằng tấm lòng lương thiện, không kể đó là việc nhỏ hay việc lớn.

**\*. Liên hệ bản thân học sinh:**

- Mỗi chúng ta cần làm tốt bổn phận học tập của mình, tích cực rèn luyện tư cách đạo đức, sống nhân hậu, lương thiện, sẵn lòng giúp đỡ những người xung quanh bằng khả năng của mình và bằng tấm lòng tự nguyện.

- Mỗi một hành động có ích nó sẽ giúp ta trở nên tự hào, phấn chấn, trở thành động lực khiến chúng ta muốn cho đi nhiều hơn, muốn cống hiến nhiều hơn.

ĐỀ SỐ 4: **Nghị luận về hiện tượng nghiện Internet trong giới trẻ hiện nay.**

**DÀN Ý**

\* Giới thiệu về vấn đề cần nghị luận: Bên cạnh những mặt tốt mà Internet mang lại, việc lạm sử dụng nó sẽ dẫn đến hiện tượng nghiêm trọng đó là hiện tượng nghiện Internet trong giới trẻ hiện nay.

\* Giải thích: Internet là gì? là một loại phương tiện công nghệ của xã hội. Tại đó, con người có thể trao đổi thông tin, tìm kiếm thông tin, dùng nó cho nhiều mục đích khác nhau.

\* Thực trạng: Nó trở thành một căn bệnh khó chữa của giới trẻ hiện nay  
+ Quên ăn, quên ngủ, xao nhãng trong mọi công việc

+ Nhiều người trẻ hiện nay lâm vào tình trạng nghiện game.

\* Nguyên nhân:

+ Internet có nhiều tính năng tiện dụng

+ Do con người không kiểm soát được bản thân khi sử dụng Internet..

\* Hậu quả:

+ Bỏ học, dẫn đến nhiều hành vi xấu khác như cướp vặt, đánh nhau...

+ Ảnh hưởng đến sức khỏe: gây cận thị, bệnh tự kỷ...

\* Biện pháp: Cần định hướng đúng đắn cho giới trẻ về Internet để tận dụng lợi ích của nó mang lại.

\* Bài học: Bản thân cần biết sắp xếp thời gian học tập, giải trí cho phù hợp...  
========================

KHÁI QUÁT VĂN HỌC VIỆT NAM

TỪ CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945 ĐẾN HẾT 1975

**I. Khái quát văn học Việt Nam từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến năm 1975**

Cách mạng tháng Tám năm 1945 đã mở ra kỉ nguyên mới cho dân tộc Việt Nam, đây cũng là khoảng thời gian khai sinh ra nền văn học mới, gắn liền với lí tưởng độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội.

Nội dung của bài học khái quát về các chặng đường phát triển, những thành tựu chủ yếu và những đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến năm 1975 và những đổi mới bước đầu của văn học Việt Nam giai đoạn từ năm 1975, nhất là từ năm 1986 đến hết thế kỉ XX.

1. Vài nét về hoàn cảnh lịch sử, xã hội, văn hóa

Văn học Việt Nam từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến năm 1975 là nền văn học của chế độ mới, đường lối văn nghệ thời kỳ này mang khuynh hướng nhà văn – chiến sĩ.

Từ năm 1945 đến năm 1975, Việt Nam diễn ra nhiều sự kiện lớn như: Cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc kéo dài 3 thập kỷ; công cuộc xây dựng cuộc sống, con người mới ở miền Bắc… không có điều kiện giao lưu văn hóa, chỉ giới hạn trong nước nhưng văn học giai đoạn này vẫn phát triển và đạt được nhiều thành tựu.

2. Quá trình phát triển và những thành tựu chủ yếu

a) Chặng đường từ năm 1945 đến năm 1954

Văn học giai đoạn từ năm 1945 – 1954 phản ánh không khí hồ hởi, vui sướng của dân tộc khi đất nước giành được độc lập và cuộc kháng chiến chống Pháp, gắn bó sâu sắc với đời sống cách mạng và kháng chiến. Văn học giai đoạn này tập trung khám phá sức mạnh và những  phẩm chất tốt đẹp của quần chúng nhân dân. Thể hiện niềm tự hào dân tộc và niềm tin vào tương lai tất thắng của cuộc kháng chiến.

Với hình thức thể hiện phong phú, đa dạng như truyện ngắn, kí, thơ, văn xuôi, kịch, lí luận phê bình… nhưng hầu hết đều các tác phẩm đều thiên về khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn.

- Những tác phẩm và tác giả tiêu biểu trong lĩnh vực văn xuôi gồm: Một lần tới Thủ đô, Trận phố Ràng của Trần Đăng; Đôi mắt, Nhật ký ở rừng của Nam Cao; Làng của Kim Lân; Vùng mỏ của Võ Huy Tâm; Kí sự Cao Lạng của Nguyễn Huy Tưởng; Đất nước đứng lên của Nguyên Ngọc…

- Những tác phẩm và tác giả tiêu biểu của lĩnh vực thơ kháng chiến gồm: Cảnh Khuya, Rằm tháng giêng của Hồ Chí Minh; Bên kia sông Đuống của Hoàng Cầm; Tây Tiến của Quang Dũng; Đất nước của Nguyễn Đình Thi; Đồng chí của Chính Hữu; đặc biệt là tập thơ Việt Bắc của Tố Hữu.

- Ngoài văn xuôi và thơ, đây cũng là giai đoạn phát triển của các thể loại kịch (Bắc Sơn, Những người ở lại của Nguyễn Huy Tưởng; Chị Hòa của Học Phi). Riêng mảng lí luận, nghiên cứu, phê bình văn học tuy chưa phát triển mạnh nhưng cũng có một số tác phẩm có ý nghĩa quan trọng ra đời.

b) Chặng đường từ năm 1955 đến năm 1964

Giai đoạn từ năm 1955 – 1964 là chặng đường văn học xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất đất nước.

- Những tác phẩm văn xuôi tiêu biểu gồm: Mùa Lạc của Nguyễn Khải; Sống mãi với Thủ đô của Nguyễn Huy Tưởng; Vợ nhặt của Kim Lân; Vỡ bờ của Nguyễn Đình Thi; Cái sân gạch của Đào Vũ.

- Đây là thời kỳ phát triển mạnh mẽ của thơ ca với những tác phẩm tiêu biểu như: Gió lộng của Tố Hữu; Ánh sáng và phù sa của Chế Lan Viên; Quê Hương của Giang Nam…

c) Chặng đường từ năm 1965 đến năm 1975

Văn học giai đoạn từ năm 1965 – 1975 tập trung vào chủ đề ca ngợi tinh thần yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng.

- Những tác phẩm văn xuôi tiêu biểu gồm: Người mẹ cầm súng của Nguyễn Đình Thi; Rừng xà nu của Nguyễn Trung Thành; Hòn Đất của Anh Đức; Chiếc lược ngà của Nguyễn Quang Sáng; Mẫn và tôi của Phan Tứ; Dấu chân người lính của Nguyễn Minh Châu; Bão biển của Chu Văn.

- Thơ ca chống Mĩ cũng có nhiều tác phẩm tiêu biểu như: Ra trận, Máu và hoa của Tố Hữu; Đầu súng trăng treo của Chính Hữu; Gió Lào cát trắng của Xuân Quỳnh…

- Đây cũng là giai đoạn rực rỡ của kịch và những công trình nghiên cứu, lí luận, phê bình… như công trình của các tác giả Đặng Thai Mai, Hoài Thanh, Xuân Diệu, Chế Lan Viên.

Trong giai đoạn từ 1945 đến 1975, cần lưu ý tới văn học vùng địch tạm chiếm, trong đó có nhiều xu hướng như chống cộng, đồi truỵ, tiến bộ, yêu nước và cách mạng. Những tác phẩm tiêu biểu như Hương rừng Cà Mau của Sơn Nam, Thương nhớ mười hai của Vũ Bằng.

3. Những đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1975

a) Nền văn học chủ yếu vận động theo hướng cách mạng hóa, gắn bó sâu sắc với vận mệnh chung của đất nước.

Mục tiêu chung của toàn dân tộc, văn học giai đoạn từ năm 1945 đến năm 1975 vận động theo hướng cách mạng hoá, gắn bó với vận mệnh đất nước. Đề tài chủ yếu của văn học giai đoạn này là Tổ quốc (bảo vệ đất nước, đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước), CNXH (đề cao phẩm chất người lao động trên mặt trận sản xuất và xây dựng đất nước). Những tác giả tiêu biểu viết về đề tài này gồm: Tố Hữu, Chế Lan Viên, Giang Nam, thanh Hải, Thu Bồn, Lê Anh Xuân, Phạm Tiến Duật, Nguyễn Thi, Anh Đức, Nguyên Ngọc, Nguyễn Khải, Đào Vũ, Chu Văn…

b) Nền văn học hướng về đại chúng

Đại chúng vừa là đối tượng phản ánh, vừa là nguồn cảm hứng sáng tác của các tác giả, hình thành trong họ một quan niệm mới, đất nước của nhân dân. Quần chúng trở thành hình tượng của văn học như hình ảnh, thân phận người mẹ, chị phụ nữ, em bé… với ngôn ngữ biểu đạt bình dị, trong sáng, dễ hiểu.

c) Nền văn học chủ yếu mang khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn

Văn học Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1975 mang đậm chất sử thi, tập trung phản ánh những vấn đề cơ bản, những sự kiện có ý nghĩa lịch sử, chủ nghĩa yêu nước và anh hùng. Nhân vật trong các tác phẩm là đại diện cho lí tưởng của dân tộc, gắn bó số phận cá nhân với số phận đất nước, thể hiện những phẩm chất cao đẹp của cộng đồng.

Những tác phẩm nổi tiếng cho khuynh hướng văn học này gồm: Người mẹ cầm súng, Đất nước đứng lên, Rừng xà nu, Đất quê ta mênh mông.

**II. Vài nét khái quát văn học Việt Nam từ năm 1975 đến hết thế kỉ 20**

1. Hoàn cảnh lịch sử, xã hội và văn hóa

Chiến thắng ngày 30/4/1975 đã mở ra thời kì độc lập, tự do và thống nhất cho đất nước nhưng sau đó là một thập kỉ đầy khó khăn, thử thách do hậu quả chiến tranh kéo dài suốt 30 năm.

Từ năm 1986, nhờ công cuộc đổi mới, kinh tế đất nước chuyển sang nền kinh tế thị trường và văn hóa cũng có điều kiện tiếp xúc với văn hóa nhiều nước trên thế giới.

2. Những chuyển biến và một số thành tựu ban đầu

Giai đoạn sau năm 1975, thơ không còn phát triển mạnh mẽ như trước mà nở rộ những tác phẩm trường ca. Khuynh hướng chung của trường ca là tổng kết, khái quát về chiến tranh, những tác phẩm tiêu biểu gồm: Những người đi tới biển của Thanh Thảo, Đường tới thành phố của Hữu Thỉnh, Trường ca sư đoàn của Nguyễn Đức Mậu…

- Những tác phẩm văn xuôi tiêu biểu gồm: Đứng trước biển, Cù lao Tràm của Nguyễn Mạnh Tuấn; Mùa lá rụng trong vườn của Ma Văn Kháng; Thời xa vắng của Lê Lựu; Bến không chồng của Dương Hướng; Nỗi buồn chiến tranh của Bảo Ninh.

- Những tác phẩm kịch tiêu biểu gồm: Hồn Trương Ba, da hàng thịt, Tôi và chúng ta của Lưu Quang Vũ; Mùa hè ở biển của Xuân Trình.

Văn học giai đoạn từ năm 1975 đến năm 1986 là chặng đường chuyển tiếp, trăn trở, tìm đường đổi mới. Từ sau năm 1986 là chặng đường đổi mới toàn diện theo khuynh hướng dân chủ hóa,  mang tính nhân bản, nhân văn sâu sắc; có tính hướng nội, quan tâm tới số phận cá nhân trong những hoàn cảnh đời thường, phức tạp với sự đổi mới về nghệ thuật.

**III. Kết luận**

- Văn học từ năm 1945 -1975 chứa đựng chủ nghĩa nhân đạo, chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa anh hùng. Văn học giai đoạn này có nhiều thành tựu ở những thể loại thơ trữ tình, truyện ngắn.

- Văn học từ năm Từ năm 1975 – 1986, văn học bước vào đổi mới, vận động theo khuynh hướng dân chủ hóa, phát huy tính sáng tạo với những tìm tòi, thể nghiệm mới.

**TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP – Hồ Chí Minh**

PHẦN I: CUỘC ĐỜI- SỰ NGHIỆP

1. Tiểu sử

- Hồ Chí Minh (19/05/1889 – 02/09/1969) tên khai sinh là Nguyễn Sinh Cung.

- Quê quán: Kim Liên – Nam Đàn – Nghệ An.

- Sinh ra trong một gia đình nhà Nho nghèo, yêu nước

- Người là một vị lãnh tụ tài ba, vĩ đại, người đã đưa dân tộc Việt Nam thoát khỏi cảnh nô lệ, lầm than.

- Được UNESCO công nhận là danh nhân văn hóa thế giới.

2. Sự nghiệp văn học

a. Quan điểm sáng tác:

- Coi văn học là một vũ khí chiến đấu phục vụ cho sự nghiệp cách mạng.

- Luôn chú trọng tính chân thực và tính dân tộc.

- Luôn chú ý đến mục đích và đối tượng tiếp nhận để quyết định nội dung và hình thức của tác phẩm.

b. Tác phẩm chính

- Bản án chế độ thực dân Pháp (1925), Tuyên ngôn độc lập (1945), Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến (1946), Không có gì quý hơn độc lập tự do (1966), Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu (1925), Nhật kí trong tù,...

c. Phong cách nghệ thuật:

- Thống nhất:

+ Về mục đích sáng tác, quan điểm sáng tác, nguyên tắc sáng tác.

+ Về cách viết ngắn gọn.

- Đa dạng:

+ Văn chính luận: ngắn gọn, súc tích, lập luận chặt chẽ, lý lẽ đanh thép, bằng chứng thuyết phục, giàu tính luận chiến, kết hợp nhuần nhuyễn mạch luận lý với mạch cảm xúc, giọng điệu uyển chuyển.

+ Truyện và kí hiện đại, giàu tính chiến đấu, nghệ thuật trào phúng sắc bén, nhẹ nhàng, hóm hỉnh nhưng thâm thúy, sâu cay.

+ Thơ ca: thơ tuyên truyền cách mạng mộc mạc, giản dị, dễ nhớ, dễ thuộc; thơ nghệ thuật kết hợp hài hòa giữa yếu tố cổ điển với yếu tố hiện đại, cô đọng, súc tích.

**3. Tác phẩm Tuyên ngôn độc lập**

a. Hoàn cảnh ra đời:

- Thế giới:

+ Chiến tranh thế giới thứ hai sắp kết thúc.

+ Nhật đầu hàng Đồng minh.

- Trong nước: Cả nước giành chính quyền thắng lợi.

+ 26/8/1945: Hồ chủ tịch về tới Hà Nội.

+ 28/8/1945: Bác soạn thảo bản Tuyên ngôn độc lập tại tầng 2, căn nhà số 48, phố Hàng Ngang, Hà Nội.

+ 2/9/1945: đọc bản Tuyên ngôn độc lập tại quảng trường Ba Đình, khai sinh nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

b. Mục đích sáng tác:

- Khẳng định quyền độc lập tự do của dân tộc trước quốc dân và thế giới.

- Tuyên bố chấm dứt chế độ thực dân, phong kiến; khai sinh nước Việt Nam dân chủ cộng hòa và bày tỏ quyết tâm bảo vệ nền độc lập, tự do của dân tộc.

c. Giá trị nội dung:

- Vạch trần tội ác của thực dân Pháp cướp nước ta; tuyên bố nền độc lập dân tộc; khai sinh nước Việt Nam dân chủ cộng hoà và thể hiện ý chí quyết tâm bảo vệ nền độc lập tự do của dân tộc.

- Là văn kiện lịch sử tuyên bố trước quốc dân đồng bào và thế giới về việc chấm dứt chế độ thực dân, phong kiến ở nước ta.

- Đánh dấu kỉ nguyên độc lập, tư do của nước Việt Nam mới.

d. Giá trị nghệ thuật:

- Là một áng văn chính luận mẫu mực.

- Lập luận chặt chẽ.

- Lý lẽ đanh thép.

- Ngôn ngữ hùng hồn.

- Dẫn chứng xác thực, lấy ra từ lịch sử cụ thể.

PHẦN II: LUYỆN ĐỀ

*(Hồ Chí Minh)*

ĐỀ SỐ 1:

Câu 2. (5,0 điểm)

Mở đầu bản *Tuyên ngôn độc lập* - Hồ Chí Minh viết:

*Hỡi đồng bào cả nước,*

*“Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc".*

*Lời bất hủ ấy ở trong bản Tuyên ngôn Độc lập năm 1776 của nước Mỹ. Suy rộng ra, câu ấy có nghĩa là: tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do.*

*Bản Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Cách mạng Pháp năm 1791 cũng nói: “Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi; và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi.”*

*Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được.*

(Trích SGK Ngữ văn 12 tập 1- NXB Giáo dục Việt Nam 2016)

    Anh chị hãy phân tích đoạn trích trên. Từ đó liên hệ tới bài thơ *Chiều tối*- *trích Nhật kí trong tù* (SGK Ngữ văn 11 tập 2 - NXB Giáo dục Việt Nam 2016) để nhận xét về sự đa dạng và thống nhất trong phong cách nghệ thuật của Hồ Chí Minh.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

a. Mở bài:

*- Giới thiệu ngắn gọn về tác giả, tác phẩm, đoạn trích*

*b. Thân bài*

*\* Khái quát chung về hoàn cảnh sáng tác, mục đích...tác phẩm*

*\* Phân tích đoạn trích*

Thí sinh có thể cảm nhận theo nhiều cách nhưng cần đáp ứng các yêu cầu sau:

\*.1. Nội dung: Mọi người, mọi dân tộc trên thế giới đều bình đẳng, có quyền sống, quyền sung sướng, quyền tự do.

- Cách thức thể hiện nội dung.

    + Trích dẫn “Tuyên ngôn độc lập của Mỹ” năm 1776 và “Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Pháp” năm 1791, làm cơ sở pháp lí.

    + Dùng phép suy luận tương đồng *Suy rộng ra…*

    + Dùng câu văn khẳng định : *Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được.*

    + Cách viết ngắn gọn, súc tích, khôn khéo, thông minh, sáng tạo và đầy sức thuyết phục.

- Hiệu quả.

    + Khẳng định quyền tự do độc lập là của mọi dân tộc chứ không riêng bất cứ quốc gia nào, đó là lẽ phải là chân lí.

    + Thủ pháp *gậy ông đập lưng ông* đã bác bỏ một cách hiệu quả luận điệu dối trá của thực dân Pháp.

    + Một cách kín đáo thể hiện niềm tự hào dân tộc thông qua việc đặt nền độc lập của Mỹ và Pháp ngang với nền độc lập của Việt Nam.

    + Từ quyền bình đẳng tự do của con người, Hồ Chí Minh phát triển thành quyền bình đẳng tự do của dân tộc, một đóng góp to lớn với lịch sử tư tưởng nhân loại và phong trào giải phòng dân tộc trên thế giới.

\*.2. Liên hệ tới bài thơ Chiều tối

- Nội dung: Mượn hình ảnh cánh chim,chòm mây, cô gái xay ngô và lò than rực hồng, HCM đã khắc họa vẻ đẹp bức trang thiên nhiên và bức tranh cuộc sống con người lúc chiều muộn. Cảnh thiên nhiên đang chuyển vào đêm tối, ánh sáng ban ngày lụi dần và tắt hẳn. Nhưng khi màn đêm buông xuống thì ánh sáng của con người trở thành trung tâm chi phối cái nhìn và cảm xúc của nhân vật trữ tình. Bài thơ cho ta gặp tâm hồn cao đẹp của Hồ Chí Minh: Nhạy cảm trước thiên nhiên, cuộc sống; lòng nhân ái đến mức quên mình, tinh thần lạc quan cách mạng luôn hướng về sự sống ánh sáng của một thi sĩ – chiến sĩ.

- Bút pháp nghệ thuật: vừa đậm màu sắc cổ điển vừa thể hiện tinh thần thời đại:

\*. Nhận xét về phong cách nghệ thuật Hồ Chí Minh

*- Tính đa dạng:*

Mỗi thể loại Hồ Chí Minh đều tạo được những nét riêng độc đáo và hấp dẫn:

    + Văn chính luận: Thường ngắn gọn, súc tích, lập luận chặt chẽ, bằng chứng thuyết phục, thấm đượm tình cảm lại giàu hình ảnh, giọng điệu đa dạng, khi ôn tồn thấu tình đạt lý, khi đanh thép mạnh mẽ, hùng hồn.

    + Thơ ca nghệ thuật hầu hết là thơ tứ tuyệt với bút pháp cổ điển kết hợp hài hòa với tinh thần hiện đại

*- Tính thống nhất:*

Phong cách nghệ thuật của Bác đa dạng ở các thể loại nhưng lại thống nhất ở cách viết ngắn gọn, trong sáng, giản dị, sử dụng linh hoạt các bút pháp và thủ pháp nghệ thuật, thể hiện nhuần nhị và sâu sắc tư tưởng, tình cảm của người cầm bút; đồng thời, từ tư tưởng tới hình tượng nghệ thuật đều luôn luôn vận động một cách tự nhiên nhất quán, hướng về sự sống, ánh sáng và tương lai.

c. Kết bài

“Tuyên ngôn Độc lập” xứng đáng là một áng “thiên cổ hùng văn”. Nó đã kế tục truyền thống vinh quang của “Nam quốc sơn hà” và “Bình Ngô đại cáo“. Nó là lời nước non cao cả và thiêng liêng, thể hiện sâu sắc tư tưởng vĩ đại: “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”. Đọc đoạn văn cuối bản “Tuyên ngôn độc lập“, chúng ta càng thấm thía tự hào về độc lập, tự do mà dân tộc ta đã giành được bằng xương máu của bao thế hệ, của bao anh hùng liệt sĩ đã ngã xuống cho chúng ta được tự do như ngày hôm nay.

ĐỀ SỐ 2:

## Phân tích đoạn văn sau:

“ Vì những lí lẽ trên, chúng tôi.....độc lập ấy”

( Tuyên ngôn độc lập- Hồ Chí Minh)

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

**a. Mở bài:**

- Giới thiệu tác phẩm: Tuyên ngôn độc lập là áng văn chính luận xuất sắc, là bản tuyên ngôn độc lập khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

- Đoạn cuối để lại ấn tượng sâu sắc cho người đọc.

**b. Thân bài:**

**\* Khái quát chung:...**

**\* Phân tích đoạn văn:**

**\*.1. Nội dung:**

– Lời tuyên bố của chủ tịch Hồ Chí Minh cuối tác phẩm là kết tinh sáng ngời của tình yêu nước, ý thức tự lực, tự cường và khát vọng độc lập, tự do cho dân tộc.

– Lập luận vô cùng trí tuệ và sắc sảo khi dẫn hai bản tuyên ngôn của Pháp và Mỹ đầu tác phẩm tạo cơ sở lập luận để khẳng định quyền hưởng độc lập, tự do là quyền lợi chính đáng, hợp với đạo lý và pháp lý của dân tộc Việt Nam.

– Độc lập, tự do của ngày hôm nay chính là thành quả đấu tranh đoàn kết, kiên trì, lâu dài của toàn đảng, toàn dân ta.

– Mục đích của lời tuyên bố:

+ Lời tuyên bố hùng hồn, đanh thép đã khẳng định sức mạnh và quyết tâm mạnh mẽ của toàn dân tộc trong công cuộc bảo vệ và giữ vững nền độc lập thiêng liêng mà gian khổ, hy sinh lắm chúng ta mới giành lại được.

+ Lời tuyên bố của chủ tịch Hồ Chí Minh còn là lời cảnh cáo nghiêm khắc đối với thực dân Pháp, với những thế lực bạo tàn phản cách mạng đang âm mưu xâm chiếm, thôn tính Việt nam một lần nữa.

+ Lời tuyên bố của Bác đã khơi dậy tinh thần yêu nước, ý thức đoàn kết sức mạnh của toàn dân, toàn quân trong việc bảo vệ nền độc lập và chính quyền non trẻ vừa được thành lập.

\*.2. Nghệ thuật:

Lập luận chắt chẽ, lí lẽ thuyết phục, ngôn ngữ đanh thép...

\* Đánh giá chung:

Đoạn cuối của TNĐL, chủ tịch Hồ Chí Minh đã mạnh mẽ tuyên bố nền độc lập, tự chủ trong niềm tự hào, đồng thời khẳng định sức mạnh và quyết tâm của cả dân tộc trong việc bảo vệ, duy trì nền độc lập ấy

**c. Kết bài:**

  -  Đọc đoạn văn cuối bản "Tuyên ngôn Độc lập", chúng ta càng thấm thía tự hào về độc lập, tự do mà dân tộc ta đã giành được bằng xương máu của bao thế hệ, của bao anh hùng liệt sĩ.

* "Tuyên ngôn Độc lập" xứng đáng là một áng "thiên cổ hùng văn". Nó đã kế tục truyền thống vinh quang của "Nam quốc sơn của hà", "Bình Ngô đại cáo". Nó là lời Non Nước cao cả và thiêng liêng, thể hiện sâu sắc tư tưởng vĩ đại: "Không có gì quý hơn độc lập tự do", biểu lộ ý chí và sức mạnh Việt Nam.

**TÂY TIẾN- QUANG DŨNG**

PHẦN I: TÁC GIẢ- TÁC PHẨM

1. Tác giả

- Quang Dũng là một nghệ sĩ đa tài: làm thơ, viết văn, vẽ tranh, soạn nhạc.

- Một hồn thơ lãng mạn, tài hoa: nhà thơ của xứ Đoài mây trắng, thơ giàu chất nhạc, họa...

- Các tác phẩm chính: Rừng về xuôi; Mây đầu ô....

2. Tác phẩm

*a. Hoàn cảnh ra đời bài thơ*

- Tây Tiến là một đơn vị quân đội thành lập năm 1947, có nhiệm vụ phối hợp với bộ đội Lào bảo vệ biên giới Việt – Lào và đánh tiêu hao lực lượng quân đội Pháp ở Thượng Lào và miền Tây Bắc của Tổ quốc. Địa bàn hoạt động của đơn vị Tây Tiến chủ yếu là vùng rừng núi hiểm trở. Đó cũng là nơi sinh sống của đồng bào các dân tộc Mường, Thái với những nét văn hoá đặc sắc. Lính Tây Tiến phần đông là thanh niên Hà Nội, trong đó có nhiều học sinh, sinh viên. Họ sinh hoạt và chiến đấu trong điều kiện thiếu thốn, gian khổ nhưng vẫn rất lạc quan và dũng cảm.

- Quang Dũng là một người lính trong đoàn quân Tây Tiến. Cuối năm 1948, ông chuyển sang đơn vị khác. Một năm sau ngày chia tay đoàn quân Tây Tiến, nhớ về đơn vị cũ ông viết bài thơ Tây Tiến tại làng Phù Lưu Chanh (một làng thuộc tỉnh Hà Đông cũ, nay là Hà Nội). Bài thơ được in trong tập “Mây đầu ô”(1986)

b. Cảm xúc chủ đạo của bài thơ:

Bài thơ được viết trong nỗi nhớ da diết của Quang Dũng về đồng đội, về những kỉ niệm của đoàn quân Tây Tiến gắn liền với khung cảnh thiên nhiên miền Tây Bắc hùng vĩ, hoang sơ nhưng cũng rất trữ tình, thơ mộng.

\* Cảm hứng chủ đạo trong bài thơ Tây Tiến.

*- Cảm hứng lãng mạn:* Thể hiện ở cái tôi tràn đầy tình cảm, cảm xúc của nhà thơ. Nó phát huy cao độ trí tưởng tượng, sử dụng nhiều biện pháp tu từ để tô đậm cái phi thường, tạo ấn tượng mạnh mẽ về cái hùng vĩ, tuyệt mỹ của núi rừng miền tây.

+ Bức chân dung kiêu hùng của người lính Tây Tiến.

+ Sự hoang dại, bí ẩn của núi rừng và những hình ảnh ấm áp, thơ mộng.

+ Cảnh đêm liên hoan, cảnh sông nước như được phủ lên màn sương huyền thoại.

*- Tinh thần bi tráng:*

+ Nhà thơ không che giấu cái bi, nhưng bi mà không lụy. Cái bi được thể hiện bằng một giọng điệu, âm hưởng, màu sắc tráng lệ, hào hùng để thành chất bi tráng.

+ Người lính Tây Tiến luôn hiên ngang, bất khuất mặc dù chịu mất mát, đau buồn. Cái chết cũng được tác giả bao bọc trong không khí hoành tráng. Trên cái nền thiên nhiên hùng vĩ tráng lệ, người lính xuất hiện với tầm vóc khác thường.

- Cảm hứng lãng mạn và tinh thần bi tráng luôn gắn bó với nhau, nâng đỡ nhau, cộng hưởng với nhau để làm nên linh hồn, sắc diện của bài thơ, tạo nên vẻ đẹp độc đáo của tác phẩm.

*c. Nội dung*

*c.1. Đoạn 1: Những cuộc hành quân gian khổ của đoàn quân Tây Tiến và khung cảnh thiên nhiên miền Tây hùng vĩ, hoang sơ, dữ dội.*

*“Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi*

*.....*

*Mai Châu mùa em thơm nếp xôi”*

*\* Đoạn mở đầu bằng những dòng thơ chan chưa nối nhớ, lời thơ như chợt thốt lên đầy nhớ nhung và tiếc nuối:*

*“ Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi*

*Nhớ về rừng núi, nhớ chơi vơi”*

- Từ láy “chơi vơi”, hiệp vần “ơi” mở ra một không gian vời vợi của nối nhớ đồng thời diễn tả tinh tế một cảm xúc mơ hồ, khó định hình nhưng rất thực.

- Điệp từ “nhớ” tô đậm cảm xúc toàn bài, không phải ngẫu nhiên mà nhan đề ban đầu của bài thơ tác giả đặt là Nhớ Tây Tiến. Nỗi nhớ trở đi trở lại trong toàn bài thơ tạo nên giọng thơ hoài niệm sâu lắng, bồi hồi. Nỗi nhớ tha thiết, niềm thương da diết mà nhà thơ dành cho miền Tây, cho đồng đội cũ của mình khi xa cách chan chứa biết bao.

*\* Nỗi nhớ về thiên nhiên Tây Bắc hùng vĩ, dữ dội nhưng cũng thật êm đềm thơ mộng.*

- Nhớ những địa danh mà đoàn quân Tây Tiến đã đi qua, Sài Khao, Mường Lát, Pha Luông, Mường Hịch, Mai Châu những địa danh khi đi vào thơ Quang Dũng nó không còn mang màu sắc trung tính, vô hồn trên bản đồ nữa mà gợi lên không khí núi rừng xa xôi, lạ lẫm, hoang sơ và bí ẩn.

- Nhớ con đường hành quân gập ghềnh, hiểm trở, đầy sự hiểm nguy giữa một bên là núi cao với một bên là vực sâu thăm thẳm: Dốc khúc khuỷu, dốc thăm thẳm, Heo hút, sương lấp. Không gian được mở ra ở nhiều chiều: chiều cao đến chiều sâu hút của những dốc núi, chiều sâu của vực thẳm, bề rộng của những thung lũng trải ra sau màn sương. Các từ láy giàu sức tạo hình khiến người đọc hình dung những con đường quanh co, dốc rồi lại dốc, những đỉnh đèo hoang vắng khuất vào mây trời; Cách ngắt nhịp 4/3 của câu thơ thứ ba tạo thành một đường gấp khúc của dáng núi; ba dòng thơ liên tiếp sử dụng nhiều thanh trắc gợi sự vất vả nhọc nhằn.

- Nhớ những những ngôi nhà nơi xóm núi như cánh buồm thấp thoáng trên mặt biển trong không gian bình yên và êm ả của mưa giăng đầy biến thung lũng thành ‘xa khơi”.

- Nhớ âm thanh “gầm thét” của thác dữ, tiếng gầm gào của loài hổ dữ rình rập vồ người mỗi khi chiều đến, đêm về. Thời gian buổi chiều, về đêm lại càng nhấn mạnh thêm cảm giác hoang sơ của chốn “sơn lâm bóng cả cây già”. Những từ ngữ và hình ảnh nhân hóa được nhà thơ sử dụng để tô đậm ấn tượng về một vùng núi hoang vu dữ dội. Nơi đây thiên nhiên hoang dã đang ngự trị và chiếm vai trò chúa tể.

-> Bức tranh của núi rừng miền Tây giàu được vẽ bằng bút pháp vừa hiện thực, vừa lãng mạn, vừa giàu chất họa lại giàu chất nhạc. Nét vẽ vừa gân guốc, mạnh mẽ, dữ dội nhưng lại cũng rất mềm mại tạo nên vẻ đẹp hài hòa cho bức tranh thiên nhiên.

*\* Nỗi nhớ về đồng đội và những kỉ niệm trên đường hành quân:*

- Nhớ cái tếu táo, lạc quan trong gian khổ với vẻ đẹp hồn nhiên qua cách nói hóm hỉnh “súng ngửi trời”. Nếu viết “súng chạm trời”, nhà thơ sẽ chỉ tả được độ cao của đỉnh dốc mà khi đứng trên đó, mũi súng của người lính Tây Tiến như chạm cả vào nền trời. Còn ở đây, Quang Dũng đã gợi được “chất lính” trẻ trung, vẻ tươi mới, sức sống dạt dào trong tâm hồn của người lính Tây Tiến vốn xuất thân từ những thanh niên trí thức trẻ Hà Nội.

- Nhớ những người đồng đội đã ngã xuống nhưng không bi luỵ. Nỗi mất mát, niềm cảm thương được nói bằng giọng thơ ngang tàng, kiêu hãnh gục bên súng mũ bỏ quên đời”.

- Nhớ tình cảm quân dân giữa những người lính Tây Tiến và đồng bào Tây Bắc “Nhớ ôi… thơm nếp xôi”. Họ dừng chân nơi xóm núi sau chặng đường dài vất vả, họ quây quần trong niềm vui ấm áp, niềm hạnh phúc bên những nồi cơm còn thơm làn gạo mới. Nhớ ôi!- nỗi nhớ da diết, đằm thắm, sự gắn kết tình nghĩa thủy chung, giữa những con người miền Tây Bắc của tổ quốc với bộ đội kháng chiến.

- Nhận xét: Đoạn thơ chỉ là khúc dạo đầu của một bản nhạc về nối nhớ, song cũng đã kịp ghi lại những vẻ đẹp rất riêng của thiên nhiên núi rừng Tây Bắc trên nền của bức tranh thiên nhiên dữ dội ấy, những người lính Tây Tiến hiện lên thật đẹp. Sự gắn bó của nhà thơ với thiên nhiên và con người nơi ấy là biểu hiện của tấm lòng gắn bó với quê hương, đất nước. Đồng thời là tấm lòng trĩu nặng yêu thương với những người đồng đội, đồng chí của mình.

c.2*. Đoạn 2: Những kỉ niệm đẹp về tình quân dân trong đêm liên hoan và cảnh sông nước miền Tây thơ mộng.*

*“Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa*

*.....*

*Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa*

*\* Những kỉ niệm về tình quân dân thắm thiết qua những đêm liên hoan văn nghệ đậm màu sắc lãng mạn, trữ tình*

- Đêm liên hoan được miêu tả bằng những chi tiết lãng mạn:

+ Đêm liên hoan như đêm hội giao duyên, đêm tân hôn của những cặp tình nhân (hội đuốc hoa)

+ Nhân vật trung tâm của đêm hội là những thiếu nữ Tây Bắc trong những bộ trang phục và vũ điệu vừa lộng lẫy, vừa e thẹn, tình tứ.

+ Cái nhìn trẻ trung, ngỡ ngàng, ngạc nhiên, say mê sung sướng của những người lính Tây Tiến trước vẻ đẹp phương xa.

- Bằng bút pháp tài hoa, lãng mạn, thi trung hữu nhạc,tác giả đã làm nổi bật vẻ đẹp giàu bản sắc văn hoá, phong tục của đồng bào vùng biên giới cùng tình cảm quân dân thắm thiết và tâm hồn lạc quan yêu đời, yêu cuộc sống của người lính Tây Tiến

\**. Vẻ đẹp của con người và cảnh vật miền Tây Bắc trong chiều sương trên sông nước Châu Mộc*

- Không gian trên dòng sông, cảnh vật Châu Mộc hiện lên thật mờ ảo, thơ mộng nhuốm màu sắc cổ tích, huyền thoại.

- Nổi bật lên trên bức tranh sông nước là cái dáng mềm mại, uyển chuyển của các cô gái Thái trên con thuyền độc mộc.

- Những bông hoa rừng cũng như đang đong đưa làm duyên trên dòng nước lũ.

- Những bông lau ven rừng như có hồn và gợi nhớ da diết.

c*.3. Đoạn 3: Bức tượng người lính Tây Tiến bất tử với thời gian*

- Đoạn thơ tập trung vào khắc họa hình ảnh người lính Tây Tiến bằng bút pháp lãng mạn nhưng không thoát ly hiện thực với cảm xúc bi tráng.

*- Vẻ đẹp lẫm liệt, kiêu hùng, hào hoa, lãng mạn:*

+ Sẵn sàng đối mặt với những khó khăn, thiếu thốn, bệnh tật: Thân hình tiều tuỵ vì sốt rét rừng của người lính Tây Tiến : không mọc tóc, xanh màu lá

+ Trong gian khổ, hình tượng người lính Tây Tiến vẫn hiện ra với dáng vẻ oai phong, lẫm liệt, vẫn toát lên cốt cách, khí phách hào hùng, mạnh mẽ: xanh màu lá, dữ oai hùm

+ Trong gian khổ nhưng vẫn hướng về nhiệm vụ chiến đấu, vẫn “mộng qua biên giới” - mộng chiến công, khao khát lập công;*“mơ Hà Nội dáng kiều thơm”* - mơ về, nhớ về dáng hình kiều diễm của người thiếu nữ đất Hà thành thanh lịch.

- Những hình ảnh thơ thể hiện tâm hồn mộng mơ, lãng mạn của người lính - những chàng trai ra đi từ đất Hà Nội thanh lịch. Những giấc “mộng” và “mơ” ấy như tiếp thêm sức mạnh để các anh vượt gian khổ để lập nên nhiều chiến công.

*- Vẻ đẹp bi tráng:*

+ Những người lính trẻ trung, hào hoa đó gửi thân mình nơi biên cương xa xôi, sẵn sàng tự nguyện hiến dâng “Đời xanh” cho Tổ Quốc mà không hề tiếc nuối.

+ Hình ảnh “áo bào thay chiếu” là cách nói sang trọng hóa sự hy sinh của người lính Tây Tiến.

+ Họ coi cái chết tựa lông hồng. Sự hy sinh ấy nhẹ nhàng, thanh thản như trở về với đất mẹ: “anh về đất”.

+ “Sông Mã gầm lên khúc độc hành” : Linh hồn người tử sĩ đó hoà cùng sông núi. Con sông Mã đã tấu lên khúc nhạc độc tấu đau thương, hùng tráng để tiễn người lính vào cõi bất tử: âm hưởng dữ dội tô đậm cái chết bi hùng của người lính Tây Tiến.

+ Hàng loạt từ Hán Việt: Biên cương, viễn xứ, chiến trường, độc hành… gợi không khí tôn nghiêm, trang trọng khi nói về sự hi sinh của người lính Tây Tiến.

=> Hình ảnh người lính Tây Tiến phảng phất vẻ đẹp lãng mạn mà bi tráng của người tráng sĩ anh hùng xưa.

*c.4. Đoạn 4: đoạn thơ còn lại*

- Khẳng định vẻ đẹp tinh thần của người lính Tây Tiến đối với thời đại và đối với lịch sử:

+ Vẻ đẹp tinh thần của người vệ quốc quân thời kì đầu kháng chiến: một đi không trở lại, ra đi không hẹn ngày về.

+ Vẻ đẹp của người lính Tây Tiến sẽ còn mãi với thời gian, với lịch sử dân tộc, là chứng nhân đẹp đẽ của thời đại chống thực dân Pháp.

- Cụm từ người đi không hẹn ước thể hiện tinh thần quyết ra đi không hẹn ngày về. Hình ảnh đường lên thăm thẳm gợi lên cả một chặng đường gian lao của đoàn quân Tây Tiến. Vẻ đẹp bất tử của người lính Tây Tiến được thể hiện ở âm hưởng, giọng điệu của cả 4 dòng thơ. Chất giọng thoáng buồn pha lẫn chút bâng khuâng, song chủ đạo vẫn là giọng hào hùng đầy khí phách.

*d. Nghệ thuật*

+ Cảm hứng lãng mạn, bi tráng

+ Sử dụng ngôn từ đặc sắc: từ địa danh, từ tượng hình, từ Hán Việt

+ Kết hợp chất nhạc và họa.

*e. Chủ đề:*

- Qua bài thơ, Quang Dũng đó ngợi ca vẻ đẹp hùng vĩ và trữ tình, dữ dội mà mĩ lệ của thiên nhiên núi rừng miền Tây Bắc của Tổ quốc, đặc biệt khắc vào thời gian một bức tượng đài bất tử về người lính Tây Tiến anh dũng, hào hoa.

PHẦN II: LUYỆN ĐỀ

ĐỀ SỐ 1: Phân tích bài thơ Tây Tiến của nhà thơ Quang Dũng

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

### **a. Mở bài**

- Quang Dũng là một nghệ sĩ tài hoa về nhiều lĩnh vực nhưng ông đạt được thành công nhất ở thơ ca.Thơ ông thể hiện một tâm hồn nhạy cảm, giàu chất lãng mạn, khả năng cảm nhận tinh tế về vẻ đẹp của thiên nhiên và tình người.

- "Tây Tiến" là một trong những bài thơ đặc sắc của Quang Dũng sáng tác cuối năm 1948 , khi chia tay với đơn vị cũ của mình là đòan quân Tây Tiến.Bài thơ thể hiện một cảm hứng lãng mạn và tinh thần bi tráng bất tuyệt của nhà thơ về những người chiến sĩ Tây Tiến một thời gian khổ, hào hùng.

### **b. Thân bài**

**\*. Một số nét khái quát**

- Tây Tiến: là tên một đoàn quân được thành lập năm 1947, có nhiệm vụ kết hợp với bộ đội Lào để bảo vệ biên giới Việt - Lào, làm hao mòn lực lượng giặc Pháp.

- Xuất thân lính Tây Tiến: phần đông là người Hà Nội, trong đó có nhiều học sinh, sinh viên.

- Cảm hứng sáng tác: Quang Dũng viết bài thơ để bày tỏ nỗi nhớ với đoàn quân Tây Tiến sau khi chuyển sang công tác ở đơn vị khác.

**\*. Đường hành quân của đoàn quân Tây Tiến giữa thiên nhiên Tây Bắc**

- Hai câu thơ đầu: nỗi nhớ thốt lên thành lời "Tây Tiến ơi" là tiếng gọi thân thương, "nhớ chơi vơi"là nỗi nhớ thường trực, bao trùm không gian.

- Bức tranh thiên nhiên Tây Bắc hoang sơ và dữ dội:

+ Địa danh Sài Khao, Mường Lát gợi sự hẻo lánh, xa xôi;

+ Các từ láy giàu tính tạo hình: "khúc khuỷu", "thăm thẳm", "heo hút", điệp từ "dốc", nghệ thuật điệp "Dốc lên ... dốc lên" gợi địa hình hiểm trở, quanh co, gập ghềnh.

+ Hình ảnh "súng ngửi trời" thể hiện tầm cao của núi non mà người lính phải vượt qua nhưng cũng có cái hóm hỉnh của người lính trong đó.

+ Nhịp thơ bẻ đôi "Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống" gợi tả sự nguy hiểm tột cùng.  
+ Hình ảnh nhân hóa: "cọp trêu người", "thác gầm thét" gợi sự hoang sơ, man dại; thời gian: "chiều chiều", "đêm đêm" những người lính phải thường xuyên đối mặt với điều hiểm nguy chốn rừng thiêng nước độc.

+ Sử dụng phần lớn các thanh trắc nhằm nhấn mạnh sự trắc trở, ghập ghềnh của địa hình.  
- Khung cảnh thiên nhiên cũng có lúc êm dịu, mang đậm hương vị cuộc sống: "nhà ai Pha Luông ...", "cơm lên khói", "Mai Châu mùa em ...", thanh bằng tạo cảm giác nhẹ nhàng, yên bình.

- Hình ảnh bi hùng về người lính Tây Tiến "dãi dầu không bước nữa", "gục lên súng mũ bỏ quên đời": có thể hiểu hai câu thơ đơn thuần miêu tả khoảnh khắc nghỉ ngơi của người lính sau cuộc hành quân dài, cũng có thể hiểu đó là sự nghỉ ngơi vĩnh viễn.

- Nhận xét: Thiên nhiên Tây Bắc hùng vĩ nhưng đầy rẫy những hiểm nguy, đó chính là những thử thách đối với những người lính Tây Tiến trên chặng đường hành quân.

**\*. Kỉ niệm đẹp về tình quân dân, vẻ đẹp của thiên nhiên Tây Bắc**

- Kỉ niệm đêm liên hoan thắm tình quân dân:

+ Không khí đêm liên hoan tưng bừng với mà sắc rực rỡ, lộng lẫy: "bừng lên", "hội đuốc hoa", "khèn lên man điệu"; con người duyên dáng: "xiêm áo", "nàng e ấp".

+ Tâm hồn người lính bay bổng, say mê trong không khí ấm áp tình người: "Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ".

- Khung cảnh sông nước, con người vùng Tây Bắc:

+ Đẹp huyền ảo, hoang dại, thiêng liêng: "Chiều sương", "hồn lau nẻo bến bờ"  
+ Con người lao động bình dị, mộc mạc: "dáng người trên độc mộc", cảnh vật duyên dáng, đầy sức sống: "trôi dòng nước lũ hoa đong đưa"

- Nhận xét: nhờ bút pháp lãng mạn, Quang Dũng đã vẽ nên bức tranh thiên nhiên thơ mộng, cuộc sống sinh hoạt đầm ấm và hình ảnh con người duyên dáng của vùng Tây Bắc.

**\*. Hình tượng người lính Tây Tiến**

- Chân dung người lính được miêu tả chân thực: "đoàn binh không mọc tóc", " xanh màu lá", họ sống và chiến đấu trong điều kiện khắc nghiệt, thiếu thốn, gian khổ nhưng vẫn mạnh mẽ "dữ oai hùm".

- Họ là những con người có tâm hồn lãng mạn, trái tim yêu thương "Mắt trừng gửi mộng"/ "Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm", lấy hình bóng người thương nơi quê nhà làm động lực chiến đấu.

- Vẻ đẹp bi tráng thể hiện qua sự hi sinh anh dũng của họ:

+ Sẵn sàng công hiến tuổi trẻ của mình cho đất nước "rải rác biên cương mồ viễn xứ", "chẳng tiếc đời xanh", "anh về đất", ra đi thanh thản, nhẹ nhàng.

+ Cái chết đã được lí tưởng hóa như hình ảnh những tráng sĩ xưa: "áo bào", "khúc độc hành"; thiên nhiên cũng đau đớn thay cho nỗi đau họ phải chịu.

- Nhận xét: Dù trong hoàn cảnh khó khăn những người lính Tây Tiến vẫn có những nét lãng mạn, hào hoa. Họ mang vẻ đẹp kiêu hùng, sẵn sàng hi sinh cho tổ quốc.

**\*. Lời hẹn ước, gửi gắm tình cảm của tác giả**

- Câu thơ nhắc nhớ lại ý nguyện, quyết tâm ra đi một thời của đoàn quân Tây Tiến: "người đi không hẹn ước", còn là sự tiếc thương những đồng đội đã hi sinh "thăm thẳm một chia phôi".

- Niềm thương, nỗi nhớ, tình cảm gắn bó của tác giả luôn gửi lại nơi đoàn quân Tây Tiến: và vùng rừng núi Tây Bắc "Ai lên Tây Tiến ... / Hồn về Sầm Nứa chẳng về xuôi"

**c. Kết bài**

- Giá trị nghệ thuật: bút pháp lãng mạn, những sáng tạo trong việc sử dụng ngôn ngữ, hình ảnh thơ

- Tổng kết giá trị nội dung: bài thơ đã tái hiện vẻ đẹp vừa hùng vĩ, vừa thơ mộng của núi rừng Tây Bắc; hình tượng người lính kiên cường, dũng cảm không ngại hi sinh nhưng cũng lãng mạn, mộng mơ.

ĐỀ SỐ 2: Cảm nhận của anh/chị về đoạn thơ sau trong bài thơ “Tây Tiến” của Quang Dũng:

“Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi!

Nhớ về rừng núi nhớ chơi vơi

Sài Khao sương lấp đoàn quân mỏi

Mường Lát hoa về trong đêm hơi

Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm

Heo hút cồn mây súng ngửi trời

Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống

Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi

Anh bạn dãi dầu không bước nữa

Gục lên súng mũ bỏ quên đời!

Chiều chiều oai linh thác gầm thét

Đêm đêm Mường Hịch cọp trêu người

Nhớ ôi Tây Tiến cơm lên khói

Mai Châu mùa em thơm nếp xôi”

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

a. Mở bài

Quang Dũng là nghệ sĩ đa tài: viết văn, làm thơ, vẽ tranh, soạn nhạc… nhưng thành công nhất vẫn là thơ ca. Các tập thơ tiêu biểu của Quang Dũng được bạn đọc biết đến nhiều như “Mây đầu ô”, “Mùa hoa gạo”, “Tuyển tập thơ văn Quang Dũng”. Nhưng tên tuổi của Quang Dũng có lẽ đã gắn liền với bài thơ Tây Tiến. Bài thơ ra đời vào năm 1948 in trong tập “Mây đầu ô” là bài thơ tiêu biểu nhất của thơ ca kháng chiến chống Pháp. Bài thơ có giá trị nội dung và nghệ thuật đặc sắc mà tiêu biểu là đoạn thơ sau đây:

“Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi!

…

Mai Châu mùa em thơm nếp xôi”

b. Thân bài:

\* Khái quát chung:

- Tây Tiến là một phân hiệu bộ đội được thành lập đầu năm 1947, thành phần chủ yếu là thanh niên trí thức Hà Nội. Nhiệm vụ của họ là phối hợp với bộ đội Lào bảo vệ biên giới phía Tây. Năm 1948, Tây Tiến giải thể để thành lập trung đoàn 52. Quang Dũng cũng chuyển sang đơn vị khác. Sau khi rời đơn vị cũ chưa được bao lâu Quang Dũng đã sáng tác bài thơ này. Đoạn thơ là mười bốn câu thơ đầu của bài thơ “Tây Tiến”.

\* Phân tích đoạn thơ:

- Đoạn thơ mở đầu bằng hai câu thơ mang cảm xúc chủ đạo của toàn đoạn thơ. Cảm xúc ấy là nỗi nhớ:

Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi

Nhớ về rừng núi nhớ chơi vơi

Đối tượng của nỗi nhớ ấy là con Sông Mã, con sông gắn liền với chặng đường hành quân của người lính. Đối tượng nhớ thứ hai là nhớ Tây Tiến, nhớ đồng đội, nhớ bao gương mặt một thời chinh chiến. Nỗi nhớ ấy được bật lên thành tiếng gọi tha thiết “Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi” gợi lên bao nỗi niềm lâng lâng khó tả. Đối tượng thứ ba của nối nhớ đó là “nhớ về rừng núi” . Rừng núi là địa bàn hoạt động của Tây Tiến với bao gian nguy, vất vả nhưng cũng thật trữ tình, lãng mạn. Nhưng nay, tất cả đã “xa rồi”. “Xa rồi” nên mới nhớ da diết như thế. Điệp từ nhớ được nhắc lại hai lần như khắc sâu thêm nỗi lòng của nhà thơ. Đặc biệt tình cảm ấy được Quang Dũng thể hiện bằng ba từ “Nhớ chơi vơi”, cùng với cách hiệp vần “ơi” ở câu thơ trên làm nổi bật một nét nghĩa mới: “Chơi vơi” là trạng thái trơ trọi giữa khoảng không rộng, không thể bấu víu vào đâu cả. “Nhớ chơi vơi” có thể hiểu là một mình giữa thế giới hoài niệm mênh mông, bề bộn, không đầu, không cuối, không thứ tự thời gian, không gian. Đó là nỗi nhớ da diết, miên man, bồi hồi, bâng khuâng, sâu lắng làm cho con người có cảm giác đứng ngồi không yên.

- Sáu dòng thơ tiếp theo là nỗi nhớ về cuộc hành quân giữa núi rừng miền Tây vừa hùng vĩ , hiểm trở lại vừa thơ mộng trữ tình được cảm nhận bằng cảm hứng lãng mạn và tâm hồn lãng mạn hào hoa:

Sài Khao sương lấp đoàn quân mỏi

Mường Lát hoa về trong đêm hơi

Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm

Heo hút cồn mây súng ngửi trời

Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống

Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi

+ Thiên nhiên hùng vĩ, dữ dội, hiểm nguy nhưng không ngăn nổi bước chân người lính:

> Thiên nhiên khắc nghiệt: “Sài Khao sương lấp đoàn quân mỏi”. Trên đỉnh Sài Khao, sương dày đến độ “lấp” cả đoàn quân. Đoàn binh hành quân trong sương lạnh giữa núi rừng trùng điệp. Chữ “mỏi” làm hiện lên trước mắt ta hình ảnh của một đoàn quân mệt mỏi rã rời.

- Con đường hành quân với cảnh vượt dốc, đường đi nguy hiểm với dốc cao, vực thẳm: Dưới ngòi bút của Quang Dũng, con đường hành quân mở ra với biết bao nhiêu khó khăn gian khổ. Đường đi toàn dốc cao, vực thẳm được diễn tả với nhiều từ láy tạo hình: “khúc khuỷu” (quanh co khó đi), “thăm thẳm” (diễn tả độ cao, độ sâu), “heo hút” (xa cách cuộc sống con người). Câu thơ sử dụng nhiều thanh trắc đi liền nhau “dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm” (bảy chữ mà đã có tới 5 chữ là thanh trắc) khiến khi đọc lên ta có cảm giác trúc trắc, mệt mỏi như đang cùng hành quân với đoàn binh vậy. Có thể hình dung người lính Tây Tiến vừa leo lên được đỉnh dốc đã mệt nhoài lại phải đổ xuống một con dốc khác và cứ thế cuộc hành quân kéo dài với dốc cao vực thẳm.

> Câu thơ “Heo hút cồn mây súng ngửi trời” sử dụng phép nhân hóa “súng ngửi trời” làm hiện lên hình ảnh: núi cao heo hút, mây nổi thành cồn trên đỉnh núi, người lính đi trên đỉnh núi mà như đi trên mây. Mũi súng đeo sau vai như chạm đến trời xanh “ngửi trời”. Thật là một hình ảnh ngạo nghễ có chút gì rất hóm hỉnh đùa vui kiểu lính. Chính vì chất lính trẻ trung ấy mà trước thiên nhiên dữ dội người lính Tây Tiến không bị mờ đi mà nổi lên đầy thách thức.

> Thiên nhiên không còn là đối tượng để thưởng thức ngắm nhìn nữa mà là đối thủ: “Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống”. Hết lên lại xuống, xuống thấp lại lên cao, đèo nối đèo, dốc tiếp dốc, không dứt. Câu thơ được tạo thành hai vế tiểu đối: “Ngàn thước lên cao // ngàn thước xuống”, làm câu thơ như bị bẻ đôi, diễn tả con dốc với chiều cao, sâu rợn ngợp: nhìn lên cao chót vót, nhìn xuống sâu thăm thẳm.

+ Thiên nhiên Tây Bắc bên cạnh cái hùng vĩ, hiểm trở là những nét vẽ đầy thơ mộng trữ tình:

> Có cảnh đoàn quân đi qua bản Mường Lát vào ban đêm và phát hiện ra vẻ đẹp trữ tình “hoa về trong đêm hơi”. “Hoa về” nghĩa là hoa nở. “Đêm hơi” là đêm sương. Hai hình ảnh ấy đặt cạnh nhau tạo nên một không gian thơ mộng. Có thể hiểu người lính hành quân trong gian khổ nhưng tâm hồn lúc nào cũng luôn lạc quan, yêu đời làm bạn với hoa rừng, sương núi.

> Có cảnh đoàn quân đi trong mưa vừa hùng vĩ lại rất nên thơ: “Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi”. Câu thơ được dệt bởi những thanh bằng liên tiếp, gợi tả sự êm dịu, tươi mát của tâm hồn những người lính trẻ, trong gian khổ vẫn lạc quan yêu đời. Nhịp thơ cũng chậm lại, âm điệu nhẹ nhàng như phút nghỉ chân hiếm hoi của người lính. Trong màn mưa rừng, tầm nhìn của người chiến binh Tây Tiến vẫn hướng về những bản mường, những mái nhà dân hiền lành và yêu thương. Tất cả nhạt nhòa trong màn mưa rừng dày đặc mang cái lãng mạn của núi rừng miền Tây vừa có cái dữ dội hiểm nguy nhưng lại có cái trữ tình đáng nhớ.

- Bốn câu thơ tiếp theo nhà thơ miêu tả sự hi sinh gian khổ của người lính đồng thời tô đậm thêm sự dữ dội của chốn đại ngàn:

+ Sự dữ dội của núi rừng cũng vắt kiệt sức người, Quang Dũng không hề né tránh hiện thực: “Anh bạn dãi dầu không bước nữa/ Gục lên súng mũ bỏ quên đời”. Người lính Tây Tiến trong cuộc hành quân gian khổ ấy đã có người ngã xuống vì kiệt sức. “Dãi dầu” là dầm mưa dãi nắng, vất vả khó nhọc. “Không bước nữa” là kiệt sức. “Gục lên súng mũ” là ngã xuống. “Bỏ quên đời” là hi sinh, mất mát. Nghệ thuật nói giảm nói tránh đã làm cho câu thơ giảm đi đau thương mà thay vào đó là sự bi tráng, hào hùng. Người lính ra đi mà như đi vào giấc ngủ bởi họ đã khoác lên mình đôi cánh của lý tưởng “Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh”.

+ Gian khổ không chỉ là núi cao dốc thẳm, không chỉ là mưa lũ thác ngàn mà còn có tiếng gầm của cọp beo nơi rừng thiêng nước độc, nơi đại ngàn hoang vu:

Chiều chiều oai linh thác gầm thét

Đêm đêm Mường Hịch cọp trêu người

“Chiều chiều” rồi “đêm đêm” (thời gian gợi sự hiểm nguy rình rập). Những âm thanh ấy, “thác gầm thét”, “cọp trêu người”, luôn khẳng định cái bí mật, cái uy lực khủng khiếp ngàn đời của chốn rừng thiêng nước độc.

- Sau chặng đường dài hành quân mỏi mệt, các chiến sĩ có dịp dừng chân lại ở một bản làng có tên gọi rất đỗi yêu thương – Mai Châu. Hai câu cuối đoạn thơ, cảm xúc bồi hồi tha thiết.

Nhớ ôi Tây Tiến cơm lên khói

Mai Châu mùa em thơm nếp xôi

+ “Nhớ ôi!” từ cảm thán mang tình cảm dạt dào. Khung cảnh đậm đà tình quân dân. Sau một thời gian dài hành quân vất vả giữa núi rừng phải chịu đói, chịu khát. Nay các anh được đồng bào tiếp đón bằng “cơm lên khói” cùng mùi hương “thơm nếp xôi” thật là ấm bụng. Chính nơi đây, mọi khó khăn gian khổ như bị đẩy lùi mà thay vào đó là niềm lạc quan và tình thơ đong đầy.

\* Đánh giá chung:

- Đoạn thơ để lại một dấu ấn đẹp đẽ về thơ ca kháng chiến mà sự thành công là kết hợp hài hòa giữa khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn. Bên cạnh đó còn có các yếu tố nghệ thuật: Sử dụng nhiều từ láy tạo hình, cách sử dụng thanh trắc, điệp từ, nhân hóa, đối lập…tất cả đã tạo nên một bài thơ hay và giàu giá trị.

c. Kết bài:

Tóm lại, mười bốn câu thơ trên đây là phần đầu bài Tây Tiến, một trong những bài thơ hay nhất viết về người lính trong chín năm kháng chiến chống Pháp. Bức tranh thiên nhiên hoành tráng, trên đó nổi bật lên hình ảnh chiến sĩ can trường và lạc quan, đang dấn thân vào máu lửa . Xin được mượn bốn câu thơ của Giang Nam thay cho lời kết:

”Tây Tiến biên cương mờ lửa khói

Quân đi lớp lớp động cây rừng

Và bài thơ ấy, con người ấy

Vẫn sống muôn đời với núi sông”.

### ĐỀ SỐ 3:

*Tây Tiến đoàn bình không mọc tóc*

*Quân xanh màu lá dữ oai hùm*

*Mắt trừng gửi mộng qua biên giới*

*Đêm mơ Hà Nội đáng kiều thơm.*

*Rải rác biên cương mồ viễn xứ*

*Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh*

*Áo bào thay chiếu anh về đất ,*

*Sông Mã gầm lên khúc độc hành*

(Quang Dũng - *Tây Tiến*, Ngữ văn 12, Tập 1, NXB Giáo dục, 2008, tr.89)

Anh/chị hãy phân tích đoạn thơ trên, từ đó nhận xét cảm hứng lãng mạn và tính bi tráng trong cách thể hiện của tác giả.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

a. Mở bài

- Quang Dũng là một nghệ sĩ đa tài: viết văn, làm thơ, vẽ tranh và soạn nhạc. Nhưng Quang Dũng trước hết là một nhà thơ mang hồn thơ phóng khoáng, hồn hậu, lãng mạn và tài hoa – đặc biệt khi ông viết về người lính Tây Tiến và xứ Đoài (Sơn Tây) của mình.

- *Tây Tiến* là bài thơ tiêu biểu cho đời thơ Quang Dũng, thể hiện sâu sắc phong cách nghệ thuật của nhà thơ, được in trong tập Mây đầu ô (1986).

- Khổ thơ 3 khắc họa thành công hình tượng người lính Tây Tiến cũng như cảm hứng lãng mạn và tinh thần bi tráng trong cách thể hiện của tác giả.

b. Thân bài

\* Khái quát chung:.....................

\* Phân tích đoạn thơ

*\*.1. Ngoại hình (bi thương):* được khắc hoạ bằng một nét vẽ rất gân guốc, lạ hoá nhưng lại được bắt nguồn từ hiện thực:

*Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc*

*Quân xanh màu lá dữ oai hùm*

- Không mọc tóc, quân xanh màu lá đều là hậu quả của những trận sốt rét rừng khủng khiếp mà người nào cũng phải trải qua. Trong hồi ức của những người lính Tây Tiến trở về, đoàn quân tử vong vì sốt rét rừng nhiều hơn là vì đánh trận bởi rừng thiêng nước độc mà thuốc men không có.

- Quang Dũng không hề che giấu những gian khổ, khó khăn…, chỉ có điều nhà thơ không miêu tả một cách trần trụi. Hiện thực ấy được khúc xạ qua bút pháp lãng mạn của Quang Dũng, trở thành cách nói mang khẩu khí của người lính Tây Tiến, cách nói rất chủ động: không mọc tóc chứ không phải tóc không thể mọc vì sốt rét tạo nên nét dữ dội, ngang tàng, cứng cỏi của người lính Tây Tiến; cái vẻ xanh xao vì đói khát, vì sốt rét của những người lính qua ngòi bút Quang Dũng lại toát lên vẻ oai phong, dữ dằn của những con hổ nơi rừng thiêng “quân xanh màu lá dữ oai hùm”.

*\*.2. Ẩn sau ngoại hình ấy là sức mạnh nội tâm (hào hùng):*

- *Đoàn binh* gợi lên sự mạnh mẽ lạ thường của *"Quân đi điệp điệp trùng trùng*" (Tố Hữu), của "*tam quân tì hổ khí thôn ngưu*" (ba quân mạnh như hổ báo nuốt trôi trâu) (Phạm Ngũ Lão).

- Dữ oai hùm là khí phách, tinh thần của đoàn quân ấy, như mang oai linh của chúa sơn lâm rừng thẳm.

- Mắt trừng là chi tiết cực tả sự giận dữ, phẫn nộ, sôi sục hướng về nhiệm vụ chiến đấu.

→ Thủ pháp đối lập được sử dụng đắc địa trong việc khắc hoạ sự tương phản giữa ngoại hình ốm yếu và nội tâm mãnh liệt, dữ dội, ngang tàng.

*c/ Thế giới tâm hồn đầy mộng mơ thể hiện qua nỗi nhớ (lãng mạn):*

*Mắt trừng gửi mộng qua biên giới*

*Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm*

- Những người lính Tây Tiến không phải là những người khổng lồ không tim, bên trong cái vẻ oai hùng, dữ dằn của họ là những tâm hồn, những trái tim rạo rực, khát khao yêu đương “Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm”. Dáng kiều thơm gợi vẻ đẹp yêu kiều, thướt tha thanh lịch của người thiếu nữ Hà thành, là cái đẹp hội tụ sắc nước hương trời. Những giấc mơ mang hình dáng kiều thơm đã trở thành động lực để giúp người lính vượt qua mọi khó khăn, gian khổ; đã thúc giục họ tiến lên phía trước; và cũng là sợi dây thiêng liêng của niềm tin mang họ vượt qua bom đạn trở về.

*\*.3. Lí tưởng, khát vọng:*

*Rải rác biên cương mồ viễn xứ*

*Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh*

- Câu thơ thứ nhất nếu tách ra khỏi đoạn thơ sẽ là một bức tranh hết sức ảm đạm:

+ Rải rác đây đó nơi biên cương của Tổ quốc, nơi rừng hoang lạnh lẽo xa xôi là những nấm mồ vô danh không một vòng hoa, không một nén hương tưởng niệm. Hai chữ “rải rác” gợi vẻ hiu hắt, quạnh quẽ thật ảm đạm và thê lương.

+ Trong một câu thơ mà tác giả sử dụng tới hai từ Hán Việt biên cương, viễn xứ mang màu sắc trang trọng cổ kính như để bao bọc cho những nấm mồ xa xứ ấy một bầu không khí thiêng liêng đượm vẻ ngậm ngùi, thành kính

- Mặc dù khung cảnh ấy hàng ngày vẫn trải ra trên các cung đường hành quân của người lính Tây Tiến nhưng nó không đủ sức làm các anh nản chí sờn lòng, mà trái lại càng nung nấu quyết tâm “Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh”

+ Đời xanh là tuổi trẻ, là bao mơ ước, khát vọng đang ở phía trước. Nhưng không gì quý hơn Tổ quốc, không có tình yêu nào cao hơn tình yêu Tổ quốc. Nên hai chữ “chẳng tiếc” vang lên thật quyết liệt, dứt khoát như một lời thề chém đá.

*\*.4. Đoạn thơ khép lại bằng sự hi sinh của họ:*

*Áo bào thay chiếu anh về đất*

*Sông Mã gầm lên khúc độc hành*

- Trong bài thơ, Quang Dũng không hề né tránh hiện thực khắc nghiệt, dữ dội. Trong chặng đường hành quân, nhiều người lính không thể vượt qua đã gục lên súng mũ bỏ quên đời. Dọc đường Tây Tiến cũng là vô vàn những nấm mồ liệt sĩ mọc lên “Rải rác biên cương mồ viễn xứ”… Và bây giờ, một lần nữa tác giả nhắc đến sự ra đi của họ “Áo bào thay chiếu anh về đất”. Người lính Tây Tiến gục ngã bên đường không có đến cả mảnh chiếu để che thân, đồng đội phải đan cho họ những tấm nứa, tấm tranh…

- Thế nhưng tác giả đã cố gắng làm giảm đi tính chất bi thương của những mất mát:

+ Áo bào (áo mặc ngoài của các vị tướng thời xưa) đã khiến họ trở thành những chiến tướng sang trọng:

*Áo chàng đỏ tựa ráng pha*

*Ngựa chàng sắc trắng như là tuyết in*

+ Về đất là cách nói giảm nói tránh, cái chết lại là sự tựu nghĩa của những người anh hùng, thanh thản và vô tư sau khi đã làm tròn nhiệm vụ (liên hệ câu thơ của Tố Hữu: Thanh thản chết như cày xong thửa ruộng…)

+ Sông Mã gầm lên khúc độc hành vừa dữ dội vừa hào hùng, khiến cái chết, sự hi sinh của người lính Tây Tiến không bi luỵ mà thấm đẫm tinh thần bi tráng. Sông Mã tấu lên bản nhạc dữ dội của núi rừng như loạt đại bác đưa tiễn những anh hùng của dân tộc về nơi vĩnh hằng.

*\* Đánh giá chung về bút pháp lãng mạn và màu sắc bi tráng:*

- Bút pháp lãng mạn ưa khám phá những vẻ đẹp dữ dội, phi thường, hay sử dụng thủ pháp đối lập mạnh mẽ. Bút pháp này chủ yếu được bộc lộ qua bốn câu thơ đầu. Tác giả nhiều lần viết về cái bi, sự mất mát, song buồn mà không uỷ mị, cúi đầu, mất mát mà vẫn cứng cỏi, gân guốc.

- Màu sắc bi tráng chủ yếu được thể hiện trong 4 câu thơ còn lại. Cái bi hiện ra qua hình ảnh những nấm mồ hoang lạnh dọc đường hành quân, người chiến sĩ hi sinh chỉ có manh chiếu tạm. Nhưng cái tráng của lí tưởng khát vọng cống hiến đời xanh cho Tổ quốc, của áo bào thay chiếu, của điệu kèn thiên nhiên gầm lên dữ dội đã nâng đỡ hình ảnh thơ và truyền cảm xúc bi tráng vào lòng người

c. Kết bài:

- Khẳng định giá trị của đoạn trích, tác phẩm.

- Liên hệ mở rộng.

**VIỆT BẮC- TỐ HỮU**

PHẦN I: TÁC GIẢ- TÁC PHẨM:

*1. Con đường thơ Tố Hữu*

Con đường thơ của Tố Hữu bắt đầu cùng một lúc và song hành với sự nghiệp cách mạng của dân tộc.

\* Từ ấy (1937-1946):

- Nội dung: Tập thơ đầu tay, thể hiện một hồn thơ sôi nổi, say mê lí tưởng từ khi giác ngộ cách mạng đến lúc trưởng thành của người thanh niên cách mạng. Tập thơ chia làm 3 phần: “Máu lửa”; “Xiềng xích”; “Giải phóng” .

- Nghệ thuật: giọng thơ thiết tha, chân thành, sôi nổi, chất lãng mạn trong trẻo.

\* Việt Bắc (1947-1954):

- Nội dung: là bản anh hùng ca về cuộc kháng chiến chống Pháp gian lao, anh dũng và thắng lợi vẻ vang; thể hiện những tình cảm lớn của người Việt Nam trong kháng chiến: tình yêu quê hương đất nước, tình đồng bào, đồng chí, tình quân dân, tình cảm với lãnh tụ. Tác phẩm tiêu biểu: “Việt Bắc”; “Hoan hô chiến sĩ Điện Biên”; “Ta đi tới”*.*

- Nghệ thuật: Giọng điệu ngợi ca, giàu cảm hứng lãng mạn.

\* Gió lộng (1955-1961):

- Nội dung: Với cảm hứng lãng mạn, lạc quan, tập thơ ca ngợi công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc; thể hiện tình cảm đối với miền Nam ruột thịt, bộc lộ ý chí đấu tranh thống nhất đất nước. Tác phẩm tiêu biểu: *Bài ca mùa xuân 61;Người con gái Việt Nam…*

- Nghệ thuật*:* Giàu cảm hứng lãng mạn, mang khuynh hướng sử thi

\* Ra trận (1962-1971), Máu và hoa (1972-1977):

-Nội dung: Là khúc ca ra trận nhằm cổ vũ, động viên, kêu gọi chiến đấu ở cả hai miền Nam Bắc; ngợi ca cuộc kháng chiến chống đế quốc Mĩ cứu nước vĩ đại, ngợi ca đất nước và con người Việt Nam anh hùng. Tác phẩm tiêu biểu: “Chào xuân 67”; “Theo chân Bác”; “Việt Nam- Máu và hoa”…

- Nghệ thuật: Giàu tính chính luận, sử thi và âm hưởng anh hùng ca

Ngoài năm tập thơ trên, Tố Hữu còn có hai tập thơ: Một tiếng đờn (1992), Ta với ta (1999). Đây là hai tập thơ viết sau 1975, bộc lộ những chiêm nghiệm cña nhµ th¬ về lẽ đời, niềm tin vào lí tưởng, con đường cách mạng. Giäng th¬ trầm lắng, giµu suy tư.

2 *.Những đặc điểm cơ bản của phong cách thơ Tố Hữu*

a.Tố Hữu là nhà thơ của lí tưởng cộng sản, thơ Tố Hữu tiêu biểu cho khuynh hướng thơ trữ tình chính trị:

-Lí tưởng cách mạng, quan điểm chính trị chi phối cách nhìn nhận và cảm xúc về mọi phương diện kể cả đời sống riêng tư.

- Mọi vấn đề chính tri, mọi sự kiện của đời sống cách mạng đều trở thành nguồn cảm hứng nghệ thuật, tạo sự thống nhất giữa tuyên truyền cách mạng và cảm hứng trữ tình.

- Nhà thơ của lẽ sống lớn, tình cảm lớn, niềm vui lớn.

b. Thơ Tố Hữu gắn liền với khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn.

- Tập trung thể hiện ở những vấn đề lớn lao, trọng đại của cách mạng, dân tộc.

- Nhân vật trữ tình tập trung những phẩm chất của giai cấp, của dân tộc mang tầm vóc thời đại, lịch sử.

-Thơ luôn hướng tới tương lai, khơi dậy niềm tin tưởng lạc quan vào sự nghiệp tất thắng của dân tộc.

c.Thơ Tố Hữu có giọng điệu tâm tình, ngọt ngào, tha thiết- giọng của tình thương mến.

- Nhiều vấn đề chính trị, cách mạng đã được thể hiện như những vẫn đề của tình cảm muôn đời.Lối xưng hô thân mật.

- Chất giọng Huế ngọt ngào.

- Quan niệm của Tố Hữu về thơ: thơ là tiếng nói đồng ý, đồng tình, tiếng nói đồng chí.

d.Thơ Tố Hữu đậm đà tính dân tộc:

- Về nội dung:

+ Thể hiện những nét đặc sắc của đất nước, con người Việt Nam.

+ Những tình cảm chính trị, đạo lí cách mạng được tiếp nối và hoà nhập với truyền thống tình cảm và đạo lí dân tộc.

- Về nghệ thuật:

+ Thơ Tố Hữu đặc biệt thành công với các thể thơ dân tộc (Thơ bảy chữ, thơ lục bát)

+ Thơ Tố Hữu sử dụng lối ví von, so sánh gần gũi với ca dao, dân ca.

+ Thơ Tố Hữu thể hiện thành công vẻ đẹp của âm thanh ngôn ngữ tiếng Việt.

3. Bài thơ Việt Bắc

*a. Hoàn cảnh sáng tác*

- Việt Bắc là khu căn cứ đầu não của cuộc kháng chiến chống Pháp

- Tháng 7 năm 1954 hiệp định Giơ-ne-vơ được ký kết, hòa bình lập lại ở miền Bắc. Tháng 10 năm 1954, ngay sau cuộc kháng chiến chống TDP kết thúc thắng lợi, các cơ quan trung ương của Đảng và chính phủ từ Việt Bắc về lại thủ đô Hà Nội. Tố Hữu cũng là một trong số những cán bộ kháng chiến từng sống và gắn bó nhiều năm với Việt Bắc, nay từ biệt chiến khu Việt Bắc để về xuôi. Bài thơ được viết trong buổi chia tay lưu luyến đó.

*b. Kết cấu của bài thơ*

- Đối đáp giữa Việt Bắc và người cán bộ kháng chiến từ giã Việt Bắc. Đây là cuộc chia tay mang ý nghĩa lịch sử, cuộc chia tay giữa những người đã từng gắn bó dài lâu, đầy tình nghĩa sâu nặng, mặn nồng, từng chia sẻ mọi đắng cay, ngọt bùi, nay trong giờ phút chia tay, cùng nhau gợi lại bao kỉ niệm đẹp đẽ, cùng cất lên nỗi hoài niệm tha thiết về những ngày đã qua, khẳng định nghĩa tình bền chặt và hẹn ước trong tương lai.

- Lời đối đáp gần gũi, thân thuộc như trong ca dao, dân ca.

- Bài thơ vì thế mà như lời tâm tình chan chứa yêu thương của những người yêu nhau.

- Trong đối đáp Tố Hữu sử dụng đại từ mình – ta với ý nghĩa vừa là ngôi thứ nhất, vừa là ngôi thứ hai. Tình cảm chan chứa yêu thương vì thế mà như được nhân lên. Chuyện nghĩa tình cách mạng, kháng chiến đến với lòng người bằng con đường của tình yêu.

- Nhìn sâu hơn vào kết cấu bài thơ thì đối thoại chỉ là lớp kết cấu bên ngoài, còn ở chiều sâu bên trong chính là lời độc thoại của chính nhân vật trữ tình đang đắm mình trong hoài niệm về quá khứ gian khổ mà tươi đẹp ấm áp nghĩa tình, nghĩa tình nhân dân, nghĩa tình kháng chiến và cách mạng, khát vọng về tương lai tươi sáng. Kẻ ở- người đi; lời hỏi- lời đáp có thể xem là sự phân thân để tâm trạng được bộc lộ đầy đủ hơn trong sự hô ứng, đồng vọng, vang ngân.

*c. Nội dung*

*\*. Tám câu đầu: những phút giây đầu tiên của buổi chia tay đầy bâng khuâng, lưu luyến giữa kẻ ở người đi.*

*- Bốn câu đầu: lời ướm hỏi của người ở lại.*

+ Câu hỏi ngọt ngào, khéo léo “mười lăm năm” cách mạng gian khổ hào hùng, cảnh và người VB gắn bó nghĩa tình với những người kháng chiến; đồng thời khẳng định tấm lòng thủy chung của mình.

+ Nghĩa tình của kẻ ở- người về được biểu hiện qua các đại từ mình- ta quen thuộc trong thơ ca dân gian gắn liền với tình yêu đôi lứa, cách xưng hô: mình- ta tạo nên sự thân mật, gần gũi. Điệp từ nhớ, láy đi, láy lại cùng với lời nhắn nhủ “mình có nhớ ta”, “mình có nhớ không” vang lên day dứt khôn nguôi.

+ Các từ thiết tha, mặn nồng thể hiện bao ân tình gắn bó.

*- Bốn câu sau: tiếng lòng của người cán bộ về xuôi*

+ Tuy không trả lời trực tiếp câu hỏi của người ở lại nhưng tâm trạng bâng khuâng, bồn chồn, cùng với cử chỉ ‘cầm tay nhau” xúc động bồi hồi đã nói lên tình cảm : chưa xa đã nhớ, sự bịn rịn luyến lưu của người cán bộ với cảnh và người Việt Bắc.

+ Lời hỏi của người ở lại đã khéo nhưng câu trả lời còn khéo léo hơn thế. Không phải là câu trả lời có hay không mà là những cử chỉ. Câu thơ bỏ lửng “cầm tay…” diễn tả thái độ nghẹn ngào không nói lên lời của người cán bộ giã từ Việt Bắc về xuôi.

+ Hình ảnh “áo chàm”- nghệ thuật hoán dụ, trang phục quen thuộc của người dân Việt Bắc. Rất có thể đó là hình ảnh thực, nhưng cũng có thể là hình ảnh trong tưởng tượng của người cán bộ kháng chiến để rồi mỗi lần hình ảnh áo chàm bay về trong tâm trí của người cán bộ là mỗi lần bao nỗi nhớ thân thương lại dội về về khúc dạo đầu của bản tình ca về nỗi nhớ.

*\*. Mười hai câu tiếp: gợi lại những kỉ niệm chiến khu gian khổ mà nghĩa tình:*

- Nhớ về thiên nhiên, cuộc sống, tình người VB:

+ Nhớ một thiên nhiên khắc nghiệt: “mưa nguồn, suối lũ, mây cùng mù”

+ Nhớ một chiến khu đầy gian khổ, nhưng sẵn lòng căm thù giặc sâu sắc: cơm chấm muối, mối thù nặng vai.

+ Nhớ những sản vật miền rừng: trám bùi, măng mai.

+ Nhớ những mái nhà nghèo nàn nhưng ấm áp tình người, tình cách mạng.

+ Nhớ những năm đầu kháng Nhật với những địa danh lịch sử: Tân Trào Hồng Thái mái đình cây đa.

- Nỗi nhớ ấy được thể hiện bằng những dòng thơ lục bất đâm chất dân gian, những cặp câu thơ lục bát có sự phối hợp thanh điệu hài hòa. Sáu dòng lục tào thành một điệp khúc âm thanh: nó đan dày thành những cấu trúc thanh bằng- trắc- bằng tạo ra nhạc điệu ngân nga trầm bổng nhẹ nhàng, khoan thai.

- Hầu hết các câu thơ ngắt theo nhịp 4/4 làm nên những tiểu đối cân xứng, hô ứng về câu trúc, nhạc điệu: Mưa nguồn suối lũ/những mây cùng mù; Miếng cơm chấm muối mối thù nặng vai… Có những cặp tiểu đối khắc ghi những sự kiện, có những cặp tiểu đối vế đầu nói về hiện thực gian khổ, vế còn lại khắc sâu vẻ đẹp tâm hồn của con người Việt Bắc gắn bó son sắt cùng với lối sống ân nghĩa thủy chung. Người đọc như gặp lại hồn xưa dân tộc nương náu trong những trang thơ lục bát của Tố Hữu.

- Câu thơ “Mình đi mình lại nhớ mình”: nhớ mình- tức nhớ người ở lại nhưng cũng như là nhắc nhở chính mình hãy nhớ về quá khứ gian khổ nhưng thấm đẫm nghĩa tình.

*\*.Từ câu 25 đến câu 42: Nỗi nhớ những kỉ niệm sinh hoạt nghèo khổ mà ấm áp nghĩa tình.*

*Nhớ gì như nhớ người yêu*

*……  
Chày đêm nện cối đều đều suối xa*

- Nỗi nhớ được so sánh với nhớ người yêu: Nỗi nhớ mãnh liệt và da diết.

- Từ nỗi nhớ như nhớ người yêu, Việt Bắc hiện lên với những nét đẹp rất riêng: Trăng đầu núi, nắng lưng nương cùng những tên gọi, địa danh cụ thể.

- Điệp từ “nhớ từng” lặp đi lặp lại làm cho nỗi nhớ thêm da diết. Trong kí ức của người đi còn in dấu khoảnh khắc thời gian (trăng đấu núi, nắng chiều lưng nương), từng khoảng không gian của cây, sông, suối (Nhớ từng rừng nứa… vơi đầy). Vẻ đẹp thiên nhiên nên thơ sẽ còn đọng mãi trong nỗi nhớ nhung của người ra đi.

- Tuy nhiên, da diết và đậm sâu hơn cả vẫn là nỗi nhớ về con người, về ân tình Việt Bắc: bình thường, giản dị mà ân nghĩa thủy chung:

+ Nhớ Việt Bắc là nhớ đến tấm lòng biết sẻ chia: bát cơm sẻ nửa, chăn sui đắp cùng.

+ Nhớ đến nghĩa tình:người mẹ địu con, bẻ từng bắp ngô.

+ Nhưng cũng là nhớ đến đồng chí, đồng đội với bao gian nan vất vả: Nhớ sao … núi đèo.

- Việt Bắc vì thế tuy gian khổ, vất vả nhưng trong kí ức vẫn thanh bình, đẹp đẽ: Nhớ sao tiếng mõ … suối xa

=>Đoạn thơ đủ sức gợi ra thật rõ nét và thấm thía khung cảnh bản làng, tình người, tình quân dân của chiến khu những năm kháng Pháp với tất cả những dáng nét, âm thanh, không khí, tâm tình. Những câu thơ cất lên nghe sao trìu mến, nói về mẹ, về trẻ thơ, về người thương yêu dấu.

*\*. Từ câu 43 đến câu 52: bức tranh tứ bình về thiên nhiên, con người Việt Bắc.*

*Ta về mình có nhớ ta*

*.....*

*Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung*

- Hai dòng thơ đầu là lời khẳng định vể nỗi nhớ thương da diết và tình cảm thủy chung của người ra đi dành cho quê hương Việt Bắc. Nỗi nhớ đã làm sống dậy trong tâm tưởng hình ảnh thiên nhiên, con người nơi chiến khu cách mạng.

- Thiên nhiên Việt Bắc đẹp trong sự đan cài với vẻ đẹp của con người “hoa” cùng “người”: Đoạn thơ có bốn cặp câu lục bát: câu 6 miêu tả thiên nhiên, câu 8 miêu tả con người.

- Thiên nhiên Việt Bắc hiện lên trong vẻ đẹp bốn mùa:

+ Mùa đông trên nền xanh bạt ngàn cây lá bỗng bất ngờ hiện lên sắc màu đỏ tươi của hoa chuối. Màu đỏ ấy làm ấm cả không gian

+ Mùa xuân với sắc trắng của hoa mơ- loài hoa đặc trưng của Việt Bắc, 1 màu trắng miên man, tinh khiết, đẹp đến nao lòng.

+ Mùa hè, với tiếng ve kêu vang ngân và sắc vàng của rừng phách.

+ Mùa thu với ánh trăng chan hòa trên mặt đất, đem lại không khí bình yên.

- Hình ảnh con người đã trở thành tâm điểm của bức tranh tứ bình, tạo nên sức sống của thiên nhiên cảnh vật. Những con người Việt Bắc hiện về trong nỗi nhớ thật thân quen, bình dị, thầm lặng trong những công việc của đời thường:

+ Mùa đông trở nên ấm áp với “ánh nắng dao giài thắt lưng”.

+ Bức tranh mùa xuân hòa cùng với dáng vẻ cần mẫn chút chăm của “người đan nón”

+ Bức tranh màu hè hoá dịu dàng với hình ảnh cô em gái hái măng một mình

+ Mùa thu là tiếng hát nghĩa tình thủy chung của con người cất lên giữa đêm trăng

- Đoạn thơ mang nét đẹp cổ điển mà hiện đại

+ Vẻ đẹp cổ điển: Bức tranh tứ bình hiện lên qua những nét gợi tả

+ Vẻ đẹp hiện đại: Hình ảnh con người đã trở thành tâm điểm, tạo nên vẻ đẹp, sức sống của bức tranh.

*\* Từ câu 53 đến câu 83: khung cảnh Việt Bắc kháng chiến, lập nhiều chiến công, vai trò của Việt Bắc trong cách mạng và kháng chiến.*

*\*.1.Từ câu 53 - 74*

*“Nhớ khi giặc đến giặc lùng*

*………………..*

*Vui lên Việt Bắc, đèo De, núi Hồng”*

- Trong hoài niệm bao trùm có ba mảng thống nhất hòa nhập đó là: nỗi nhớ thiên nhiên- nỗi nhớ con người cuộc sống ở Việt Bắc- nỗi nhớ về cuộc chiến đấu anh hùng chống TDP xâm lược. Theo dòng hồi tưởng, người đọc được sống lại những giây phút của cuộc kháng chiến với không gian rộng lớn, những hoạt động tấp nập, sôi động được vẽ bằng bút pháp của những tráng ca. Cảnh Việt Bắc đánh giặc được miêu tả bằng những bức tranh rộng lớn, kì vĩ.

- Rừng núi mênh mông hùng vĩ trở thành bạn của ta, chở che cho bộ đội ta, cùng quân và dân ta đánh giặc.

- Chiến khu là căn cứ vững chắc, đầy nguy hiểm với quân thù.

- Nghệ thuật so sánh, nhân hoá: núi giăng…luỹ sắt, rừng che, rừng vây…

- Những cái tên, những địa danh ở chiến khu Việt Bắc: phủ Thông, đèo Giàng, sông Lô, Cao- Lạng…vang lên đầy mến yêu, tự hào, cũng trở thành nỗi nhớ của người cán bộ kháng chiến về xuôi.

- Không khí chiến đấu sôi nổi hào hùng, khí thế hừng hực trào sôi:

+ Sức mạnh của quân ta với các lực lượng bộ đội, dân công… sự hợp lực của nhiều thành phần tạo thành khối đoàn kết vững chắc.

+ Các từ: Rầm rập, điệp diệp, trùng trùng…thể hiện khí thế dồn dập.

+ Hình ảnh người chiến sĩ được gợi lên qua chi tiết giàu chất tạo hình: “ánh sao đầu mũ bạn cùng mũ nan”-> ánh sáng của sao dẫn đường, ánh sáng của niềm tin, của lí tưởng.

+ Thành ngữ “Chân cứng đá mềm” đã được nâng lên thành một bước cao hơn “bước chân nát đá muôn tàn lửa bay”.

- Chiến công tưng bừng vang dội khắp nơi: Hoà Bình, Tây Bắc, Điện Biên, đèo De, núi Hồng… Niềm vui chiến thắng chan hoà bốn phương: Vui từ…vui về…vui lên…

- Đoạn thơ ngập tràn ánh sáng: ánh sao, ánh đuốc, ánh đèn pha… như ánh sáng của niềm tin tưởng, niềm vui tràn ngập.

- Nhịp thơ dồn dập gấp gáp, ấm hưởng hào hùng náo nức tạo thành khúc ca chiến thắng.

*\*.2.Từ câu 75- câu 83.*

- Đoạn thơ phác họa hình ảnh giản dị mà trang trọng của một cuộc họp Chính phủ trong hang núi mà vẫn rực rỡ dưới ánh cờ đỏ sao vàng trong nắng trưa và kết thúc bằng sự thâu tóm hình ảnh Việt Bắc quê hương cách mạng, đầu não của cuộc kháng chiến, nơi đặt niềm tin tưởng và hy vọng của con người Việt Nam từ mọi miền đất nước, đặc biệt là những nơi còn “u ám quân thù”.

*d. Nghệ thuật*

- Việt Bắc là một trong những đỉnh cao của thơ ca cách mạng Việt Nam. Tiếng thơ trữ tình- chính trị của Tố Hữu đậm đà tính dân tộc.

- Những bức tranh chân thực, đậm đà bản sắc dân tộc về thiên nhiên và con người Việt Bắc được tái hiện trong tình cảm tha thiết , gắn bó sâu sắc của tác giả.

- Tình nghĩa của người cán bộ và đồng bào Việt Bắc với cách mạng, kháng chiến, với Bác Hồ là những tình cảm cách mạng sâu sắc của thời đại mới. Những tình cảm ấy hòa nhập và tiếp nối mạch nguồn tình cảm yêu nước, đạo lí ân tình thủy chung vốn là truyền thống sâu bền của dân tộc.

*+ Thể thơ:* thể thơ lục bát truyền thống đã được vận dụng tài tình trong một bài thơ dài, vừa tạo âm hưởng thống nhất mà lại biến hóa đa dạng.

*+ Kết cấu:* lối kết cấu đối đáp trong ca dao dân ca được vận dụng một cách thích hợp, tài tình.

+ Những lối nói giàu hình ảnh, các cách chuyển nghĩa truyền thống (so sánh, ẩn dụ, tượng trưng, ước lệ)

+ Giọng thơ ngọt ngào, tâm tình, cách xưng hô mình- ta quen thuộc trong ca dao khiến bài thơ như một bản tình ca về lòng thủy chung son sắt của người cách mạng với người dân Việt Bắc

e. Chủ đề

Việt Bắc là một câu chuyện lớn, một vấn đề tư tưởng được diễn đạt bằng một cảm nhận mang tính chất riêng tư. Bài thơ gợi về những ân nghĩa, nhắc nhở sự thủy chung của con người đỗi với con người và đối với quá khứ cách mạng nói chung.

g.Ý nghĩa văn bản :

Bài thơ Việt Bắc là bản anh hùng ca về cuộc kháng chiến ; bản tình ca về nghĩa tình cách mạng và kháng chiến.

PHẦN II: LUYỆN ĐỀ

ĐỀ SỐ 1 :

Cho đoạn thơ sau:

"Mình về mình có nhớ ta

Mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng

Mình về mình có nhớ không

Nhìn cây nhớ núi, nhìn sông nhớ nguồn

- Tiếng ai tha thiết bên cồn

Bâng khuâng trong dạ, bồn chồn bước đi

Áo chàm đưa buổi phân li

Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay"

(*Trích* “Việt Bắc” – Tố Hữu)

Cảm nhận của anh/chị về tình cảm đẹp đẽ giữa bộ đội miền xuôi và người dân Việt Bắc qua đoạn thơ trên. Từ đó, nhận xét về tính dân tộc được thể hiện qua đoạn thơ.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

a. Mở bài:

- Giới thiệu về tác giả, tác phẩm.

- Bàn luận về tính dân tộc của thơ Tố Hữu qua đoạn thơ.

b. Thân bài:

\* Khái quát chung:

- Hoàn cảnh sáng tác , kết cấu, thể thơ...

- Sơ lược về tính dân tộc trong thơ Tố Hữu:

+ Tính dân tộc là những dấu ấn độc đáo, không lặp lại, biểu hiện những gì là bản sắc, là những nét riêng biệt đặc thù của một dân tộc. Tính dân tộc trong văn học được thể hiện ở phương diện nội dung và nghệ thuật.

+ Tính dân tộc trong thơ Tố Hữu:

 > Ở phương diện nội dung: phản ánh những vấn đề của hiện thực đời sống cách mạng, những tình cảm chính trị có sự gắn bó, hòa nhập với truyền thống tình cảm và đạo lí của dân tộc.

> Ở phương diện nghệ thuật: sử dụng các thể thơ dân tộc, lối nói truyền thống của dân tộc (cách so sánh, ẩn dụ, hiện tựợng chuyển nghĩa, cách diễn đạt gần với ca dao dân ca).

\* Phân tích tính dân tộc của thơ Tố Hữu qua đoạn thơ:

\*.1. Ở phương diện nội dung: Đoạn thơ tái hiện cuộc chia tay lưu luyến giữa người dân Việt Bắc và người cán bộ cách mạng.

 - Bốn câu thơ đầu là lời ướm hỏi dạt dào tình cảm của người ở lại, khơi gợi kỉ niệm về một giai đoạn đã qua, về không gian nguồn cội nghĩa tình, thể hiện tâm trạng nhớ thương, tình cảm gắn bó, thủy chung của quê hương Việt Bắc, con người Việt Bắc dành cho người về xuôi:

*Mình về mình có nhớ ta*

*Mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng*

*Mình về mình có nhớ không*

*Nhìn cây nhớ núi nhìn sông nhớ nguồn ?*

Đoạn thơ mở ra với cảnh chia tay lưu luyến đầy xúc động của những người đã từng gắn bó suốt mười lăm năm ấy, có biết bao kỉ niệm ân tình. Ở bốn câu đầu này, người Việt Bắc hỏi người cán bộ có nhớ Việt Bắc không. Lời hỏi cũng là lời nhắc nhở, nhắn gửi người về đừng quên Việt Bắc.Bao trùm trong tâm trạng kẻ ở người đi là nỗi nhớ da diết mênh mang với nhiều sắc thái khác nhau.

- Bốn câu thơ tiếp là lời người cán bộ về xuôi. Đáp lại lời của người Việt Bắc,người cán bộ cất tiếng thiết tha:

*Tiếng ai tha thiết bên cồn*

*Bâng khuâng trong dạ bồn chồn bước đi*

*Áo chàm đưa buổi phân li*

*Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay.*

Bốn câu sau là tiếng lòng của người cán bộ cách mạng về xuôi: tâm trạng bâng khuâng, bồn chồn đầy lưu luyến, bịn rịn của người kháng chiến đối với cảnh và người Việt Bắc. Nghĩa tình sâu nặng của người kháng chiến đối với chiến khu Việt Bắc, của quần chúng đối với cách mạng trong thơ Tố Hữu là sự kế thừa tình cảm, đạo lý sống của con người Việt Nam “Uống nước nhớ nguồn”, ân nghĩa thủy chung.

\*.2. Ở phương diện nghệ thuật:

 - Thể thơ lục bát: Tố Hữu đã vận dụng và phát huy được ưu thế của thể thơ lục bát, một thể thơ dân tộc có nhạc điệu nhẹ nhàng, uyển chuyển rất phù hợp để bộc lộ tình cảm, cảm xúc của kẻ ở, người về.

 - Kết cấu đối đáp quen thuộc của ca dao.

 - Sử dụng tài tình đại từ mình – ta.

 + Lối nói truyền thống được thể hiện qua biện pháp hoán dụ. Câu thơ giàu nhạc điệu với hệ thống từ láy, cách ngắt nhịp…

    - Tất cả đã làm nên giọng thơ tâm tình ngọt ngào, tha thiết. Đoạn thơ là khúc hát ru kỉ niệm, khúc hát ân nghĩa, ân tình.

\* Nhận xét:

- Qua đoạn thơ, ta thấu hiểu và trân trọng nghĩa tình cách mạng của những con người Việt Bắc và những người cán bộ Cách mạng miền xuôi. Đó chính là nguồn sức mạnh đặc biệt giúp Cách mạng của ta giành thắng lợi dù phải trải qua muôn vàn gian khó.

– Tính dân tộc là một trong những đặc điểm nổi bật làm nên phong cách thơ Tố Hữu. Thơ Tố Hữu mang vẻ đẹp của thơ ca truyền thống nhưng vẫn mang đậm hồn thơ của thời đại Cách mạng.

c. Kết bài:

- Đoạn thơ nói riêng và bài thơ Việt Bắc nói chung là minh chứng cho sự thành công của thơ Tố Hữu trong việc kết hợp hai yếu tố: Cách mạng và Dân tộc trong hình thức đẹp đẽ của thơ ca.

ĐỀ SỐ 2:

*“-Mình đi, có nhớ những ngày*

*Mưa nguồn suối lũ, những mây cùng mù?*

*Mình về, có nhớ chiến khu*

*Miếng cơm chấm muối, mối thù nặng vai?*

*Mình về, rừng núi nhớ ai*

*Trám bùi để rụng, măng mai để già.*

*Mình đi, có nhớ những nhà*

*Hắt hiu lau xám, đậm đà lòng son*

*Mình về, còn nhớ núi non*

*Nhớ khi kháng Nhật, thuở còn Việt Minh*

*Mình đi, mình có nhớ mình*

*Tân Trào, Hồng Thái, mái đình cây đa?*

*- Ta với mình, mình với ta*

*Lòng ta sau trước mặn mà đinh ninh*

*Mình đi, mình lại nhớ mình*

*Nguồn bao nhiêu nước nghĩa tình bấy nhiêu...*

(Trích *Việt Bắc*,Tố Hữu, *Ngữ văn 12*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020, tr.110)

Cảm nhận về đoạn thơ trên. Từ đó, nhận xét đặc điểm phong cách nghệ thuật thơ Tố Hữu.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

a. Mở bài:

- Tố Hữu là lá cờ đầu của thơ ca cách mạng, với phong cách trữ tình chính trị, đậm đà tính dân tộc.

- *Việt Bắc* là bài thơ xuất sắc của ông, tác phẩm được viết vào tháng 10/1954 nhân một sự kiện có tính lịch sử, các cơ quan trung ương Đảng dời chiến khu Việt Bắc trở về Hà Nội sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp. Bài thơ là một bản hùng ca đồng thời là khúc tình ca về cuộc kháng chiến và con người kháng chiến.

- Những câu thơ sau mang đến cho người đọc ấn tượng sâu sắc và thể hiện rõ phong cách thơ Tố Hữu: “ Mình đi...nhiêu”

b. Thân bài:

\* Khái quát chung:

- Hoàn cảnh sáng tác.

- Thể thơ, kết cấu...

*\* Cảm nhận về đoạn thơ:*

*- Lời người ở lại ( 12 câu đầu).*

+ Không gian, địa điểm biểu hiện từ mờ xa “*mưa nguồn, suối lũ, mây mù”* đến gần gũi, xác định: “*chiến khu”;* rồi gợi lên sức mạnh tranh đấu khi : “*kháng Nhật”;* trải ra mênh mang với những địa danh một thời ghi dấu: “*Tân Trào, Hồng Thái, mái đình, cây đa”.*

+ Cách nói đảo ngữ, tương phản đối lập “ *hắt hiu lau xám- đậm đà lòng son”* càng làm bật lên tình cách mạng. Càng khổ cực, gian lao (*bát cơm chấm muối, hắt hiu lam xám)* càng ngọt bùi bao kỷ niệm, đậm đà những tấm chân tình chao gửi cho nhau.

+ Nghệ thuật nhân hóa (*rừng núi nhớ ai),* hàng loạt điệp từ “*mình, có nhớ”,* nhịp ngắt đều đặn kết hợp cùng bao nhiêu hoài niệm tha thiết nhất, nguồn cội tình cảm sâu rộng nhất tập trung khắc họa hình ảnh một người đang bâng khuâng thương nhớ với cảm giác chưa nguôi lưu luyến trong phút chia li. .

- *Lời người ra đi (4 câu sau).*

+ Sự tinh tế một lần nữa được nhấn mạnh khi người ra đi cảm nhận sâu sắc nỗi lòng người ở lại và đang hòa nhịp nhớ thương cùng Việt Bắc. Cách so sánh “*bao nhiêu- bấy nhiêu”* mang đậm màu sắc ca dao và tô đậm nghĩa tình son sắt. Sự tương đồng này rất lớn lao, không thể đong đếm được. Thêm vào đó, hai từ “*mặn mà- đinh ninh”* khiến tình cảm càng thêm sâu nặng.

+ Câu thơ *“Mình đi mình lại nhớ mình”* như một lời khẳng định không bao giờ đánh mất những tình cảm quý giá một thời đã qua. Sự hoán đổi vị trí “*mình – ta”* thể hiện tình cảm quấn quýt, hòa quyện, gắn bó, sâu nặng, bền chặt; đồng thời củng cố niềm tin cho người ở lại.

*\* Đánh giá chung:*

- Đoạn thơ thể hiện được tình cảm thủy chung son sắt giữ người ra đi và người ở lại. Những tình cảm trong sáng đó rất tiêu biểu cho chủ nghĩa yêu nước anh hùng của nhân dân trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

- Bằng lối đáp và cách sử dụng đại từ “*mình – ta”* cùng nhiều yếu tố gợi ra âm hưởng ca dao, dân ca, những câu thơ lục bát trau chuốt biến thành những lời đối thoại và cả độc thoại nội tâm, mở ra thế giới cảm xúc phong phú của chủ thể trữ tình. Giọng thơ, ngôn ngữ, nhịp điệu cùng bộc lộ cảm xúc nhớ thương day dứt khiến đoạn thơ giống như một lời hát giao duyên .

\* *Nhận xét về đặc điểm phong cách nghệ thuật thơ Tố Hữu:*

- Đoạn thơ tiêu biểu cho phong cách nghệ thuật thơ Tố Hữu. Yếu tố trữ tình chính trị, âm hưởng ca dao, dân ca, tính dân tộc đậm đà.

- Đoạn thơ thể hiện tình cảm thủy chung son sắt giữ người ra đi và người ở lại. Đó là tình cảm gắn bó sâu nặng của người cán bộ cách mạng về xuôi với Việt Bắc.

- Tính dân tộc đậm đà của thơ Tố Hữu cũng được thể hiện thành công trong đoạn thơ từ cách sử dụng ngôn từ, các biện pháp nghệ thuật đến thể thơ lục bát truyền thống...đằm thắm, thiết tha.

c. Kết bài:

- Khẳng định giá trị của đoạn trích, tác phẩm.

- Liên hệ mở rộng.

ĐỀ SỐ 3:

*Phân tích đoạn thơ sau đây:*

*“Ta với mình, mình với ta*

*… Chày đêm nện cối đều đều suối xa”.*

*(Trích “Việt Bắc” - Tố Hữu)*

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

*a. Mở bài:*

*- Tố Hữu là một tên tuổi lớn của nền văn học Việt Nam.*

*- Việt Bắc là một trong những bài thơ xuất sắc trong sự nghiệp sáng tác của nhà thơ cách mạng này.*

*- Bài thơ bày tỏ tấm lòng son sắt của người kháng chiến với quê hương Việt Bắc. Tình cảm ấy được thể hiện đặc sắc trong đoạn thơ sau.*

*- Trích dẫn thơ.*

*b. Thân bài:*

*\* Khái quát:*

*- Chiến dịch Điện Biên Phủ kết thúc thắng lợi. Tháng 7-1954,Hiệp định Giơ – ne – vơ về Đông Dương được kí kết. Hoà bình lập lại, miền Bắc nước ta được giải phóng và bắt tay vào xây dựng cuộc sống mới. Một trang sử  mới của dân tộc được mở ra.*

*- Tháng 10-1954, những người kháng chiến từ căn cứ miền núi trở về miền xuôi, Trung ương Đảng và Chính phủ rời chiến khu Việt Bắc về lại Thủ đô. Nhân sự kiện thời sự có tính lịch sử ấy, Tố Hữu sáng tác bài thơ Việt Bắc.*

*\* Phân tích cụ thể:*

*\*.1.. Người ra đi khẳng định lòng chung thủy của mình:*

*“Ta với mình, mình với ta*

*Lòng ta sau trước mặn mà đinh ninh*

*Mình đi, mình lại nhớ mình*

*Nguồn bao nhiêu nước, nghĩa tình bấy nhiêu”*

 - Ở đoạn đầu của bài thơ, người Việt bắc trong nỗi niềm của người ở lại: Sợ người ra đi trở về thành thị sẽ quên mất mình (Sáng đèn có nhớ mảnh trăng giữa rừng). Niềm phấp phỏng ấy được diễn tả bằng một câu hỏi: “Mình về mình có nhớ …”, “Mình đi có nhớ … “. Vì vậy 4 câu thơ trên là câu trả lời, sự khẳng định của người ra đi.

- Lời thơ óng ả, dịu dàng, tình tứ với lối xưng hô thân mật, ngọt ngào của ca dao, dân ca “ta - mình”. Nỗi nhớ của người cách mạng về quê hương Biệt Bắc giống như nỗi nhớ của những đôi lứa yêu nhau. Sự sắp xếp từ liền đôi, thành cặp trong câu đã có đảo trật tự từ “Ta với mình, mình với ta” vừa gợi ra sự bịn rịn, lưu luyến, quấn quýt không muốn rời xa của “ta” và “mình”, vừa khéo léo khẳng định tấm lòng của “ta” cũng giống như “mình”.

- Những từ ngữ chỉ thời gian mãi mãi “sau, trước” chỉ tình cảm trước sau như một, không nhạt phai, đinh ninh “mặn mà” xuất hiện liên tiếp trong một câu thơ đã khẳng định một cách chắc chắn lòng son sắt của những người kháng chiến về xuôi. Câu thơ “Lòng ta sau trước mặn mà” đinh ninh vừa là lời an ủi, vỗ về vừa là lời thề thủy chung sâu nặng.

- Mượn cách so sánh, ví von quen thuộc của ca dao để giãi bày nỗi nhớ da diết, không vơi cạn:

“Nguồn bao nhiêu nước, nghĩa tình bấy nhiêu”

*\*.2.. Nỗi nhớ Việt Bắc được diễn tả cụ thể:*

(“Nhớ gì như nhớ người yêu

… Chày đêm nện cối đều đều suối xa”)

- Nỗi nhớ thiên nhiên Việt Bắc:

+ Hàng loạt hình ảnh liệt kê, cụ thể, gần gũi, gợi cảm: trăng, núi, nắng, khói, sương, rừng nứa, bờ tre, ngòi Thia, sông Đáy, suối Lê … làm hiện lên một thiên nhiên thơ mộng, trữ tình và mang đậm nét đặc trưng của Việt Bắc.

+ Nỗi nhớ có hình ảnh, có thời gian và không gian. Đó là một nỗi nhớ sâu đậm và quá đỗi chân thành.

- Nỗi nhớ con người Việt Bắc:

+ Nét đặc sắc cao quí của Việt Bắc chính là ở chỗ nghèo cực mà chân tình, rộng mở, son sắt, thủy chung với cách mạng:

“Thương nhau chia củ sắn lùi

Bát cơm sẻ nửa, chăn sui đắp cùng”.

+ Thiên nhiên Việt Bắc thơ mộng, trầm tĩnh, thâm u, con người Việt Bắc giản dị, mộc mạc, dù cuộc sống lao động gian khổ nhưng họ lạc quan yêu đời.

+ Hình ảnh người mẹ vất vả, nhọc nhằm nhưng ấm áp cảm động, địu con trên lưng dưới cái nắng cháy da để bẻ bắp nuôi bộ đội:

“Nhớ người mẹ nắng cháy lưng

Địu con lên rẫy, bẻ từng bắp ngô”.

+ Trong kí ức của Tố Hữu, Việt Bắc không chỉ kiên cường trong kháng chiến chống giặc ngoại xâm mà còn nhẫn nại, cương quyết đương đầu với giặc dốt. Đêm rừng Việt Bắc bập bùng đuốc sáng của những lớp học i tờ. Niềm vui, sự lạc quan chiến thắng sự gian nan, người Việt Bắc vẫn ca vang núi đèo:

“Nhớ sao lớp học i tờ

Đồng khuya đuốc sớm những giờ liên hoan

Nhớ sao ngày tháng cơ quan

Gian nan đời vẫn ca vang núi đèo”.

+ Việt Bắc trở thành quê hương của những người kháng chiến - tình yêu đã “làm đất lạ hóa quê hương (Chế Lan Viên). Cả những âm thanh của đời thường cũng đi vào nỗi nhớ của người ra đi: đó là tiếng mõ gọi trâu về làng, tiếng chày giã gạo đêm đêm:

“Nhớ sao tiếng mõ rừng chiều

Chày đêm nên cối đều đều suối xa”.

Nỗi nhớ dội vào nỗi nhớ, điệp từ “nhớ” và kiểu câu bắt đầu bằng “Nhớ sao” khiến nỗi nhớ như trải dài vô tận

\* Đánh giá chung:

- Đoạn thơ bộc lộ nỗi nhớ của người cách mạng về xuôi với quê hương Việt Bắc. Không chỉ nhớ thiên nhiên, nhớ những ngày kháng chiến gian khổ mà nhớ người Việt Bắc ân tình, thủy chung.

- Ngôn ngữ thơ bình dị, giọng điệu ngọt ngào tha thiết mang đậm chất trữ tình, chính trị, tính dân tộc.

c. Kết bài:

- Tóm lại, đoạn thơ là bốn bức tranh, bốn cảnh sắc, bốn dáng điệu...Tố Hữu đã thâu tóm được những gì là đặc trưng nhất của quê hương cách mạng. Tất cả đều hiện lên trong điệp khúc nhớ thương, mặn mà, da diết*.*

**ĐỀ SỐ 4:**

**Cảm nhận đoạn thơ sau.** T**ừ đó nhận xét về tính dân tộc của bài thơ.**

Ta về, mình có nhớ ta

Ta về, ta nhớ những hoa cùng người.

Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi,

Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng.

Ngày xuân mơ nở trắng rừng,

Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang.

Ve kêu rừng phách đổ vàng,

Nhớ cô em gái hái măng một mình.

Rừng thu trăng rọi hòa bình,

Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung.

(*Việt Bắc* - Tố Hữu, Ngữ văn 12, Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2012)

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

a. Mở bài :

- TốHữu được đánh giá là lá cờ đầu của thơ ca cách mạng Việt Nam hiện đại. Thơ ca của Tố Hữu là thơ trữ tình chính trị, mang đậm tính dân tộc, chất truyền thống.

- VB là đỉnh cao của thơ Tố Hữu và cũng là một sáng tác xuất sắc của thơ ca Việt Nam thời kháng chiến chống Pháp.

- Đoạn trích là bức tranh đẹp về thiên nhiên và con người, thể hiện đặc trưng phong cách thơ TH : Đậm đà tính dân tộc.

b. Thân bài:

\* Khái quát chung:

- Hoàn cảnh sáng tác.

- Thể thơ, kết cấu...

*\* Cảm nhận về đoạn thơ:* **Cảm nhận** bức tranh tứ bình

- *Hai câu đầu*

+ Những câu thơ trong bức tranh tứ bình là lời của người ra đi gửi đến người ở lại.

+ Hai câu thơ đầu của đoạn thơ là lời ướm hỏi của người ra đi băn khoăn về tình cảm ở lại với mình để từ đó giãi bày tâm tư, nỗi nhớ về thiên nhiên và con người Việt Bắc.

***- Bức tranh mùa đông***

+ “Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi”: sử dụng bút pháp chấm phá: nổi bật trên nền xanh rộng lớn của núi rừng là màu đỏ của hoa chuối (màu đỏ hoa chuối gợi liên tưởng đến hình ảnh ngọn đuốc xua đi cái lạnh của của núi rừng mùa đông) và màu vàng của những đốm nắng.

+ “Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng”: hình ảnh tia nắng ánh lên từ con dao gài thắt lưng gợi dáng vẻ khỏe khoắn, lớn lao của người lao động, với tâm thế làm chủ thiên nhiên, cuộc sống.

***- Bức tranh mùa xuân***

+ “Ngày xuân mơ nở trắng rừng”: màu trắng tinh khôi của hoa mơ tràn ngập không gian núi rừng, thiên nhiên tràn đầy nhựa sống khi xuân về.

+ Người lao động hiện lên với vẻ đẹp tài hoa, khéo léo và cần mẫn: “Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang”, “*chuốt từng sợi giang*”: hành động chăm chút, tỉ mỉ với từng thành quả lao động của mình.

***- Bức tranh mùa hạ***

+ “Ve kêu rừng phách đổ vàng”: toàn bộ khung cảnh thiên nhiên như đột ngột chuyển sang sắc vàng qua động từ “đổ”

+ “Nhớ cô em gái hái măng một mình”: “*cô em gái”* - cách gọi thể hiện sự trân trọng, yêu thương của tác giả với con người Việt Bắc, hình ảnh cô gái hái măng một mình thể hiện sự chăm chỉ, chịu thương chịu khó của con người Việt Bắc.

***- Bức tranh mùa thu***

+ “Rừng thu trăng rọi hòa bình”: ánh trăng nhẹ nhàng chiếu sáng núi rừng Việt Bắc, đó là ánh sáng của “*hòa bình*”, niềm vui và tự do.

+ Con người say sưa cất tiếng hát, mộc mạc, chân thành, có tấm lòng thủy chung, nặng ân tình.

 \* Đánh giá chung:

+ Bức tranh tứ bình đẹp, mỗi mùa có màu sắc, cảnh vật riêng.

+ Người dân Việt Bắc luôn trong tư thế làm chủ thiên nhiên, cần cù lao động, góp sức mình vào cuộc kháng chiến.

+ Sự hòa quyện giữa thiên nhiên và con người.

+ Giọng thơ tâm tình, ngọt ngào, tha thiết, đậm đà tính dân tộc, tiêu biểu cho phong cách thơ Trữ tình – chính luận của Tố Hữu

\* Nhận xét **về tính dân tộc của bài thơ**

- Về nội dung: Thơ Tố Hữu đã phản ánh đậm nét hình ảnh, con người Việt Nam, Tô quốc Việt Nam trong thời đại cách mạng, với truyền thống tinh thần, tình cảm, đạo lí của dân tộc. Bài thơ đã làm sống lại vẻ đẹp của thiên nhiên và con người Việt Bắc, vẻ đẹp của cuộc sống chiến đấu gian khổ nhưng âm áp tình người, vẻ đẹp của lịch sử cách mạng Việt Nam một thời không quên.

**- Về nghệ thuật:**Kế thừa xuất sắc thơ ca dân tộc: thể thơ lục bát. Bài thơ sử dụng cách nói "mình – ta" và lối đối đáp của ca dao dân ca. Sử dụng các biện pháp tu từ so sánh, nhân hoá, phép điệp…. Phát huy nhạc điệu qua việc láy vần, phối thanh.

c. Kết bài:

- Khẳng định giá trị của đoạn trích, tác phẩm.

- Liên hệ mở rộng.

ĐỀ SỐ 5 :

Trong bài thơ Việt Bắc, nhà thơ Tố Hữu đã tái hiện những tháng ngày kháng chiến gian khổ:

*Mình đi có nhớ những ngày*

*...  Miếng cơm chấm muối mối thù nặng vai*

và tái hiện những chiến thắng lịch sử hào hùng của quân dân Việt Bắc:

                                   Tin vui chiến thắng trăm miền

                             ... Vui lên Việt Bắc đèo De núi Hồng.

( *Việt Bắc,* SGK Ngữ văn 12, tập một, trang 110, 112)

Anh (chị) hãy phân tích bức tranh Việt Bắc trong hai đoạn thơ trên, từ đó làm nổi bật sự vận động của cảm xúc thơ Tố Hữu.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

*a. Mở bài*

– Tố Hữu là nhà thơ lớn của nền thơ ca Việt Nam hiện đại, là lá cờ đầu của thơ ca cách mạng Việt Nam.

– Tập thơ Việt Bắc là đỉnh cao trong sự nghiệp thơ Tố Hữu. Trong đó “Việt Bắc” là thành công xuất sắc. Tác phẩm là bản *hùng ca*về cuộc kháng chiến 9 năm gian lao mà anh dũng, là bản *tình ca*ân nghĩa thủy chung giữa cán bộ miền xuôi và đồng bào Việt Bắc.

– Hai đoạn thơ trích dẫn dưới đây là đoạn đặc sắc, thể hiện rõ nét cảm xúc thơ, phong cách thơ Tố Hữu

b. Thân bài

\* Khái quát chung:

- Hoàn cảnh sáng tác

- Kết cấu bài thơ...

\* Cảm nhận về hai đoạn thơ

- Đoạn thơ thứ nhất:Tái hiện những tháng ngày kháng chiến thiếu thốn gian khổ nhưng vẫn ngời sáng ý chí và tinh thần quyết tâm của quân  dân Việt Bắc

+ Cặp đại từ “mình – ta” thể hiện tình cảm thương mến, ngọt ngào, tha thiết

+ Điệp từ “có nhớ” gợi sự hồi tưởng, gợi nhớ những tháng ngày kháng chiến gian khổ đồng bào VB và cán bộ miền xuôi cùng nhau chia sẻ,ý chí sắt đá, quyết tâm cao độ của quân dân.

=> Nhà thơ bộc lộ tâm trạng bồi hồi xúc động, từ đó tri công tri ân đồng bào Việt Bắc đã đồng cam cộng khổ, hết lòng vì cách mạng vì kháng chiến

-Đoạn thơ thứ hai:Tái hiện những tháng ngày quân dân Việt Bắc quật khởi hào  hùng, những chiến thắng dồn dập dội về.

+ Một loạt địa danh được gọi tên gợi nhớ những chiến công lừng lẫy của quân và dân Việt Bắc dội về từ muôn nẻo đường

+ Giọng điệu thơ nhanh, dồn dập thể hiện niềm vui sướng tự hào

+ Nghệ thuật điệp linh hoạt biến hóa: Điệp từ “vui” được lặp đi lặp lại nhiều lần gợi lên những đợt sóng tình cảm trào dâng cho thấy niềm vui bao trùm không gian Việt Bắc và ngân nga trong lòng quân và dân cả nước.

=> Bộc lộ cảm xúc hân hoan phấn chấn tự hào, tinh thần đoàn kết, đồng cam cộng khổ, ý chí quyết tâm sắt đá đã tạo nên sức mạnh để quân dân Việt Bắc chiến đấu và chiến thắng.

\* Nhận xét về sự vận động cảm xúc thơ Tố Hữu qua hai đoạn thơ :

+ Qua hai đoạn thơ cảm xúc thơ có sự vận động rõ nét: từ trữ tình sâu lắng đến hân hoan hào hùng, từ xúc động ngậm ngùi đến tươi vui rạng rỡ, từ cảm  nhận sự gian khổ đến niềm vui chiến thắng ngập tràn.

+ Từ đó độc giả hình dung được về sự vận động phát triển của cách mạng Việt Nam, về các giai đoạn của cuộc kháng chiến...

+ Nhận ra đặc điểm thơ Tố Hữu: Lối thơ trữ tình – chính trị. Mọi cung bậc cảm xúc tâm trạng đề xuất phát từ những vấn đề chính trị, cách mạng của dân tộc của thời đại

+ Nghệ thuật thể hiện: Bút pháp từ trữ tình sâu lắng đến sử thi hào hùng, giọng điệu từ bồi hồi xúc động đến lạc quan tin tưởng...

c. Kết bài

– Hai đoạn thơ đặc sắc góp  phần tạo nên thành công của Việt Bắc, góp phần sáng tỏ ý nghĩa *hùng ca*– *tình ca*của Việt Bắc

– Tố Hữu xứng đáng được vinh danh là lá cờ đầu của thơ ca cách mạng Việt Nam.

LUYỆN KĨ NĂNG ĐỌC- HIỂU VĂN BẢN VH HIỆN ĐẠI

PHẦN I: CÁCH ĐỌC- HIỂU CÁC VĂN BẢN VH HIỆN ĐẠI

**1. Yêu cầu phương pháp đọc-hiểu tác phẩm thơ:**

**. Khi đọc hiểu tác phẩm thơ, cần tiến hành các bước sau:**

- Cần biết rõ tên bài thơ, tên tác giả, thời gian hoàn cảnh sáng tác, đó là cơ cở ban đầu để tiếp cận tác phẩm.

- Đọc và quan sát bước đầu để nắm bắt bài thơ. Qua việc đọc, phải xác định được chủ đề, chủ thể trữ tình ( chủ thể trữ tình thườngng xuất hiện hai dạng:  Cái tôi trữ tình và chủ thể trữ tình ẩn, đối tượng trữ tình, hình tượng trữ tình và giọng điệu chủ đạo của bài thơ.

- Cảm nhận nội dung và ý nghĩa bài thơ  qua câu chữ, hình ảnh , nhịp điêu, kết cấu, biện pháp tu từ…

- Lí giái, đánh giá toàn bộ bài thơ cả về hai phương diện nội dung và nghệ thuật. Đặc biệt là phải chỉ ra phương pháp đóng góp tác phẩm của tác giả ( thể hiện qua tác phẩm) cho thơ và cho cuộc sống.

2. Cách làm bài nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ

a. **Mở bài**

– Giới thiệu ngắn gọn về những nét chính về tác giả, tác phẩm.

– Giới thiệu những vấn đề nghị luận và trích dẫn.

**b. Thân bài**

– Giới thiệu hoàn cảnh sáng tác, vị trí đoạn thơ, bài thơ,…

– Phân tích cụ thể khổ thơ, đoạn thơ

+ Phân tích theo bố cục của bài hoặc từng câu (bổ ngang)

+ Phân tích theo hình tượng hoặc nội dung xuyên suốt bài thơ (bổ dọc).

– Nêu đặc sắc nghệ thuật của đoạn thơ, bài thơ: những hình ảnh giàu ý nghĩa, biểu tượng, cấu tứ, nhịp điệu.

**c. Kết bài**

Đánh giá khái quát và khẳng định giá trị riêng, đặc sắc của bài thơ, đoạn thơ nghị luận.

PHẦN II: LUYỆN ĐỀ

ĐỀ SỐ 1 :

Phân tích đoạn thơ sau đây trong bài Việt Bắc của Tố Hữu: Từ đó nhận xét về **khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn qua đoạn thơ :**

*Những đường Việt Bắc của ta,*

*Đêm đêm rầm rập như là đất rung.*

*Quân đi điệp điệp trùng trùng,*

*Ánh sao đầu súng, bạn cùng mũ nan.*

*Dân công đỏ đuốc từng đoàn,*

*Bước chân nát đá, muôn tàn lửa bay.*

*Nghìn đêm thăm thẳm sương dày,*

*Đèn pha bật sáng như ngày mai lên.*

*Tin vui chiến thắng trăm miền,*

*Hòa Bình, Tây Bắc, Điện Biên vui về.*

*Vui từ Đồng Tháp, An Khê,*

*Vui lên Việt Bắc, đèo De, núi Hồng.*

*( Việt Bắc- Tố Hữu)*

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

a. Mở bài:

Tố Hữu ( 1920-2002) được đánh giá là lá cờ đầu của nền văn nghệ cách mạng Việt Nam. Ông để lại một sự nghiệp văn chương phong phú, giàu giá trị và một phong cách nghệ thuật độc đáo mang tính trữ tình-chính trị sâu sắc, đậm đà tính dân tộc. “Việt Bắc” là một trong những đỉnh cao của thơ Tố Hữu. Bài thơ như một khúc hát tâm tình, gợi lại những kỉ niệm gắn bó thủy chung giữa Việt Bắc và Cách mạng. Bài thơ là sự hòa quyện giữa khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn, tiêu biểu trong đoạn thơ:....

b. Thân bài

\* Khái quát chung:

- Hoàn cảnh sáng tác.

- Thể thơ, kết cấu...

### - Nét chính của khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn trong văn học Việt Nam 1945-1975

+ Khuynh hướng sử thi: văn học phản ánh những sự kiện, những vấn đề có ý nghĩa lịch sử lớn lao, tập trung thể hiện chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Nhân vật chính thường là những con người tiêu biểu cho lí tưởng chung của dân tộc, kết tinh phẩm chất cao quý của cộng đồng, gắn bó số phận mình với số phận của đất nước. Lời văn mang giọng điệu trang trọng hào hùng thiên về ngợi ca ngưỡng mộ.

+ Cảm hứng lãng mạn: cảm hứng lãng mạn chủ yếu được thể hiện trên phương diện lí tưởng của cuộc sống mới và vẻ đẹp của con người mới, ca ngợi chủ nghĩa anh hùng cách mạng và tin tưởng vào tương lai tươi sáng của dân tộc.

### \* Cảm nhận khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn qua đoạn thơ: “Những đường Việt Bắc của ta…”

- Với chất thơ trữ tình cách mạng, thật sôi nổi, hào hùng, thiết tha, nhà thơ Tố Hữu, trong đoạn thơ đã thể hiện nổi bật khí thế hào hùng của quân và dân ta trong cuộc kháng chiến chống Pháp ở Việt Bắc; đồng thời đoạn thơ còn thể hiện niềm lạc quan cách mạng, ý chí chiến đấu và chiến thắng kẻ thù, làm nên những chiến thắng vẻ vang, mang niềm vui về cho dân tộc. Đoạn thơ điển hình cho sự kết hợp giữa khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn trong thơ Tố Hữu.

- Mạch cảm xúc chung: Bài thơ là khúc ca ân nghĩa, là hồi tưởng đầy xúc động và ân tình của Tố Hữu về chặng đường kháng chiến gian khổ mà anh hùng đã qua của đất nước, từ đó mà hướng về tương lai tươi sáng, nhắc nhở tâm nguyện thủy chung.

\* .1. Trong tám câu đầu, nhà thơ vẽ lại rất sống động hình ảnh những đêm Việt Bắc trong mùa chiến dịch. Ban ngày kẻ thù đánh phá ác liệt, nhưng ban đêm thì ưu thế thuộc về chúng ta. Hai từ “của ta” nằm cuối câu thứ nhất thể hiện rõ ý thức làm chủ của người kháng chiến đối với quê hương, đất nước.

- 2 câu đầu: Bức tranh toàn cảnh quân dân ta ra trận chiến đấu với khí thế hào hùng, sôi sục, khẩn trương:

“Những đường Việt Bắc của ta

Ðêm đêm rầm rập như là đất rung.

+ Đại từ sở hữu “của ta” được vang lên một cách dõng dạc khẳng định niềm tự hào của những con người ở vị thế làm chủ đất nước. Đồng thời, đại từ sở hữu “của ta” cũng khẳng định sự thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp, khẳng định chiến khu Việt Bắc là chiến khu tự do.

+ Hai chữ “rầm rập” vừa gợi âm thanh, vừa tạo hình ảnh, gợi sức mạnh của đoàn quân trong kháng chiến.

- 6 câu tiếp: Sự phối hợp các lực lượng chiến đấu:

“Quân đi điệp điệp trùng trùng

Ánh sao đầu súng bạn cùng mũ nan

Dân công đỏ đuốc từng đoàn

Bước chân nát đá, muôn tàn lửa bay.

Nghìn đêm thăm thẳm sương dày

Ðèn pha bật sáng như ngày mai lên”.

+ Hình ảnh bộ đội ta trong những đêm hành quân: Từ láy điệp điệp trùng trùng, hình ảnh Ánh sao đầu súng bạn cùng mũ nan.

+ Các từ láy “rầm rập”, “điệp điệp” và “trùng trùng” và hình ảnh so sánh “như là đất rung”: vừa tái hiện không khí sôi nổi trong những ngày chiến dịch của cuộc kháng chiến, vừa gợi lên sự đông đảo, vừa gợi lên sức mạnh, khí thế hào hùng của đoàn quân ra trận. Đoàn quân ra mặt trận hùng tráng, mang cả sức mạnh của lòng yêu nước, của lí tưởng cách mạng, khát khao chiến đấu và chiến thắng quân thù. Qua câu thơ, giúp ta cảm nhận hình ảnh những đoàn quân đầy khí thế đang ngày đêm tiến về mặt trận.

⇒ Mỗi bước đi của đoàn quân ra trận mang theo sức mạnh của lòng yêu nước, của lí tưởng cách mạng, khát khao chiến đấu và quyết tâm chiến thắng quân thù.

+ Cùng hành quân với bộ đội là những đoàn dân công phục vụ chiến đấu: Hình ảnh đỏ đuốc từng đoàn, cách nói thậm xưng Bước chân nát đá.

+ Bằng một cách nói cường điệu “dấu chân nát đá ”, nhà thơ đã làm nổi bật sức mạnh yêu nước, yêu lí tưởng cách mạng, ý chí quyết tâm đánh thắng quân thù của người nông dân lao động. Người nông dân lao động (lực lượng nòng cốt của cách mạng) là lực lượng góp phần rất lớn để đưa cuộc kháng chiến chống Pháp đến thắng lợi hoàn toàn sau này.

> Họ là những người nông dân hồn hậu, chất phác, lớn lên từ bờ tre, gốc lúa nhưng họ đi vào cuộc kháng chiến với tất cả những tình cảm và hành động cao đẹp, họ bất chấp những hi sinh, gian khổ, chấp mưa bom bão đạn của quân thù, đạp bằng mọi trở lực để đi theo tiếng gọi của lòng yêu nước và lí tưởng cách mạng như nhà thơ Nguyễn Đình Thi đã nói trong bài Đất Nước:

Ôm đất nước những người áo vải

Đã đứng lên thành những anh hùng.

+ Hai hình ảnh “dấu chân nát đá” và “muôn tàn lửa bay” đã thể hiện cái khí thế hào hùng đó của nhân dân.

+ Những đoàn xe ra trận và niềm tin tưởng lạc quan: Hình ảnh Đèn pha bật sáng như ngày mai lên.

⇒ Đoạn thơ vừa đậm chất sử thi hào hùng, vừa giàu tính lãng mạn đã diễn tả thành công khí thế kháng chiến ở Việt Bắc. Qua đó Tố Hữu đã khắc hoạ sâu sắc hình ảnh dân tộc Việt Nam anh hùng trong cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kì kháng chiến đầy gian khổ hi sinh nhưng nhất định thắng lợi.

***- 4 câu cuối: tin vui chiến thắng trăm miền:***

+ Dù có trải qua bao nhiêu gian khổ, có nghìn đêm đi trong “thăm thẳm sương dày” nhưng niềm lạc quan tin tưởng vào ngày mai thắng lợi vẫn sáng ngời. Như “ngọn đèn pha bật sáng” giữa cái “nghìn đêm thăm thẳm sương dày” ấy, mang một ý nghĩa biểu tượng sâu sắc, đó chính là ánh sáng của lí tưởng cách mạng soi đường cho dân tộc ta bước qua đêm trường nô lệ để đến một ngày mai tươi sáng, một thời đại thắng lợi huy hoàng của cách mạng – một thời đại độc lập, tự do:

Nghìn đêm thăm thẳm sương dày

Đèn pha bật sáng như ngày mai lên.

– Chính những sức mạnh ấy, niềm tin ấy đã đem lại những niềm vui chiến thắng:

“Tin vui chiến thắng trăm miền

Hoà Bình, Tây Bắc, Ðiện Biên vui về

Vui từ Ðồng Tháp, An Khê

Vui lên Việt Bắc, đèo De, núi Hồng”.

– Điệp từ “vui” được lặp đi lặp lại nhiều lần gợi lên những đợt sóng tình cảm trào dâng, đợt sóng này kế tiếp đợt sóng kia cứ dâng lên, dâng lên mãi, tràn ngập tâm hồn nhà thơ, trong lòng quân dân cả nước. Đó cũng là niềm vui chung của dân tộc, của đất nước.

\* Nhận xét về **khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn qua đoạn thơ**

- Đoạn thơ thể hiện rõ phong cách thơ Tố Hữu : Sự kết hợp giữa khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn.

- Thơ Tố Hữu: tập trung khắc họa những bối cảnh rộng lớn, những biến cố quan trọng tác động mạnh mẽ đến vận mệnh dân tộc. Hình tượng trung tâm là con người của sự nghiệp chung, kết tinh số phận, vẻ đẹp của cộng đồng. Cảm hứng chủ đạo là cảm hứng lịch sử – dân tộc. Đoạn thơ là cảm xúc của Tố Hữu và cũng là cảm xúc của toàn dân tộc: ca ngợi sức mạnh dân tộc, hướng tới niềm tin chiến thắng, thể hiện tinh thần lạc quan.

c. Kết bài:

- Đoạn thơ đã thực sự làm sống dậy không khí hào hùng của một thời kì lịch sử không thể nào quên.

- Qua đoạn thơ, ta thấy rõ Tố Hữu quả là người chép sử trung thành của cách mạng và là nhà thơ có khả năng tạo dựng những bức tranh hoành tráng về lịch sử dân tộc.

ĐỀ SỐ 2:

Phân tích khổ thơ sau:

“Tây Tiến người đi không hẹn ước

Đường lên thăm thẳm một chia phôi

.......Ai lên Tây Tiến mùa xuân ấy

Hồn về Sầm Nứa chẳng về xuôi”

( Tây Tiến- Quang Dũng)

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

**a. Mở bài**

Bài thơ “Tây Tiến” là một trong những bài thơ đặc sắc nhất của Quang Dũng và để lại ấn tượng sâu sắc cho người đọc. Cảm xúc bao trùm toàn bộ bài thơ là một nỗi nhớ. Qua nỗi nhớ ấy, hình ảnh núi rừng Tây Bắc hùng vĩ hiểm trở và dữ dội hiện lên như một bức tranh hoành tráng. Và trong bài thơ, ông cũng không quên lột tả trần trụi những gian khổ hi sinh của người lính Tây Tiến. Chỉ có điều nó thể hiện bằng một ngòi bút lãng mạn. Qua cái nhìn của nhà thơ, cái bi bỗng trở thành cái hùng tráng. Khổ cuối bài thơ cũng rất đặc sắc, gói gọn tình cảm của nhà thơ vào những câu chữ:

“Tây Tiến người đi không hẹn ước

Đường lên thăm thẳm một chia phôi

Ai lên Tây Tiến mùa xuân ấy

Hồn về Sầm Nứa chẳng về xuôi”

**b. Thân bài**

**\* Khái quát:**

- “Tây Tiến” được xem là tác phẩm đỉnh cao của đời thơ Quang Dũng.

- Hoàn cảnh sáng tác: Bài thơ được viết năm 1948, tại Phù Lưu Chanh, trong nỗi nhớ nồng nàn với Tây Tiến – đơn vị chiến đầu cũ – cũng là nỗi nhớ núi rừng rải về miền Tây Tổ quốc có vẻ tuyệt kì mà Quang Dũng một thời gắn bó.

- Xuất xứ: tập “Mây đầu ô” (1986)

- Nội dung: Không khí lãng mạn rất riêng của những ngày đầu kháng chiến, tư thế dấn thân đầy kiêu hùng, quả cảm của người con Hà Nội hào hoa, đa tình đã được thể hiện đậm nét ở từng câu thơ chưa đầy chất nhạc, chất họa, vừa trang trọng, cổ kính, vừa tươi tắn, trẻ trung.

- Vị trí đoạn 4: đoạn cuối cùng của bài thơ, là lời hẹn ước của tác giả

**\* Phân tích đoạn cuối:**

**\*.1. Hai câu đầu:** Tinh thần của đoàn quân

Nhắc lại lời hẹn ước của đoàn quân Tây Tiến thuở lên đường: “Người đi không hẹn ước”

- “Chí lớn chưa về bàn tay không” => Mang theo chí làm trai của những chinh phu tráng sĩ thời xưa, ra đi không hẹn ngày trở về, ra đi vì nghĩa lớn (Liên hệ với “Tống biệt hành” – Thâm Tâm).

“Đường lên thăm thẳm một chia phôi”: ý niệm của chung cả một thời kì, một thế hệ con người về ý niệm của những bậc nam nhi quyết chí vì lí tưởng.

**\*.2. Hai câu sau:**

“Mùa xuân ấy”:

+ Thời điểm đoàn quân Tây Tiến được thành lập

+ Mùa xuân của đời người: một thời gian khổ mà ân nghĩa, khó khăn mà hào hùng.

+ Mùa xuân của những chiến thắng, của niềm vui lớn đất nước

- Một từ “ấy” mất đi chút rõ ràng nhưng mở ra mênh mông tình nghĩa

“Hồn về Sầm Nứa chẳng về xuôi”

+ Những người chiến sĩ đã bỏ mình trên đường hành quân, không còn cơ hội trở về

+ Tấm lòng, linh hồn vẫn mãi thuộc về mảnh đất ấy, nơi đậm tình đậm nghĩa ấy. Dù ở nơi nào, những kỉ niệm, ân tình về đồng đội, anh tôi có nhau vẫn luôn ở trong trái tim người lính.

Vừa là lời tự nhắc nhở vừa là sự duyệt lại của kí ức để đi đến khẳng định: không thể quên những chặng đường đã qua, người dù có đi nơi đâu vẫn gửi hồn về Sầm Nứa. Bởi vì chặng đường đã qua là kỉ niệm, là đồng đội, là sự hiến dâng, là cuộc đời riêng có dịp phát sáng trong cuộc đời chung của dân tộc, cách mạng.

**\* Đánh giá**

- Nội dung: “Tây Tiến” tràn đầy nỗi nhớ, hay nói đúng hơn chính là nỗi nhớ. Đó cũng có thể coi là lời nguyện ước của một thế hệ thanh niên sẵn sàng hiến dâng cả tuổi xanh của mình cho đất nước thân yêu.

- Nghệ thuật:

+ Thể “Cổ phong trường thiên” (một thể loại hành) để những tình cảm, cảm xúc không bị bó buộc mà có thể trải dài theo đầu ngọn bút, trong những con chữ.

+ Hình ảnh thơ giản dị, quen thuộc nhưng khi được ứng hiện vào nhau trong sự sắp xếp của Quang Dũng lại đem đến hiệu quả không ngờ.

Nếu nói “thi trung hữu họa”, “thi trung hữu nhạc” thì “Tây Tiến” là một dẫn chứng tiêu biểu. Với sự tài hoa trong cách sử dụng và sáng tạo từ ngữ, Quang Dũng khiến người đọc như “ngậm nhạc trong miệng”, như thưởng tranh trong chữ.

Đó chính là phong vị rất riêng của thơ Quang Dũng: vừa dung dị, vừa bay bổng, không đẽo gọt cầu kì mà mới lạ đến đáng ngạc nhiên!

**c. Kết bài**

Khổ thơ đã sử dụng bút pháp lãng mạn để nói về lí tưởng và tinh thần hi sinh cao đẹp của những người lính Tây Tiến đồng thời hoàn thiện cho bức chân dung đẹp đẽ, đáng trân trọng của những người lính trong kháng chiến.

**ĐẤT NƯỚC - Nguyễn Khoa Điềm**

1. Tác giả :

- Nguyễn Khoa Điềm thuộc thế hệ những nhà thơ trưởng thành trong khói lửa kháng chiến chống Mỹ

- Thơ ông giàu chất suy tư, cảm xúc dồn nén, thể hiện tâm tư người trí thức tham gia chiến đấu.

2. Đoạn trích “Đất Nước”

2.1.Hoàn cảnh ra đời, xuất xứ

- Trường *ca « Mặt đường khát vọng »* được tác giả hoàn thành ở chiến khu Trị -Thiên năm 1971, in lần đầu năm 1974, viết về về sự thức tỉnh của tuổi trẻ đô thịvùng tạm chiếm miền Nam về non sông đất nước, về sứ mệnh của thế hệ mình, xuống đường đấu tranh hòa nhịp với cuộc chiến đấu chống đế quốc Mỹ xâm lược.

- “Đất Nước” thuộc phần đầu của chương V trong trường ca *Mặt đường khát vọng* , thể hiện tư tưởng : « Đất nước của nhân dân » – tác phẩm được hoàn thành ở chiến khu Trị – Thiên năm 1971, viết về sự thức tỉnh của tuổi trẻ vùng đô thị tạm chiếm miền Nam về non sông đất nước, về sứ mệnh của thế hệ mình, xuống đường đấu tranh chống đế quốc Mỹ xâm lược.

2.2. Nội dung

.Phần 1: Cảm nhận độc đáo về quá trình hình thành, phát triển của Đất Nước. Từ đó khơi dậy ý thức về trách nhiệm thiêng liêng với nhân dân, đất nước.

*-* Đất nước thậtdung dị, đời thường: Đất Nước hiện lên qua câu chuyện cổ tích mẹ kể, miếng trầu bà ăn, những dãy tre làng, “bới” tóc của mẹ, gừng cay, muối mặn, cái kèo, cái cột, hạt gạo...

- Đất nước “đã có” từ thưở rất xa xưa và rất gần gũi thân thương đối với mỗi con người.

*-* Nét độc đáo trong nghệ thuật thể hiện: Đoạn thơ là sự kết tinh đặc sắc giữa chất liệu văn hoá dân gian với hình thức thơ trữ tình- chính luận.

- Về không gian địa lý :

+ Đất nước là ko gian mênh mông, là 1 dải sơn hà của tổ quốc.

+ Đất nước là nơi rất gần gũi với cuộc sống mỗi người ( *nơi anh đến trường... nơi em tắm*).

+ Đất Nước tồn tại ngay cả trong những không gian riêng tư của tình yêu đôi lứa : “*Đất Nước là nơi ta hò hẹn. Đất Nước là nơi em đánh rơi chiếc khăn trong nỗi nhớ thầm*”.

+ Đất Nước còn là không gian sinh tồn hết sức đời thường của nhân dân qua bao thế hệ “*Những ai đã khuất. Những ai bây giờ. Yêu nhau và sinh con đẻ cái. Gánh vác phần người đi trước để lại…*”).

- Về thời gian lịch sử : Đất Nước được cảm nhận suốt chiều dài thời gian lịch sử từ quá khứ đến hiện tại và tương lai.

+ Đó là một Đất Nước thiêng liêng, hào hùng trong quá khứ (gắn liền với huyền thoại Lạc Long Quân và Âu Cơ, truyền thuyết về các vua Hùng dựng nước).

+ Đó là một Đất nước giản dị, gần gũi trong hiện tại (“*Trong anh và em hôm nay. Đều có một phần Đất Nước*”)

+ Và một Đất Nước triển vọng sáng tươi trong tương lai (“*Mai này con ta lớn lên. Con sẽ mang Đất Nước đi xa. Đến những tháng ngày mơ mộng*”).

- Từ cách cảm nhận và lí giải Đất Nước như thế nhà thơ suy nghĩ về trách nhiệm của mọi người :

+ Đất nước kết tinh, hoá thân trong cuộc sống của mỗi con người, vì thế mọi người phải có tinh thần cống hiến, có trách nhiệm đối với sự trường tồn của quê hương, xứ sở.

+ Cần biết gắn bó biết san sẻ : sự sống của mỗi con người không chỉ là của riêng cá nhân mà còn thuộc về Đất nước.

+ Lời nhắn nhủ với thế hệ trẻ, lời tự nhủ với chính bản thân đầy chân thành tha thiết.

Phần 2 : Tư tưởng “Đất nước của nhân dân” được thể hiện qua ba chiều cảm nhận về đất nước.

*-*Từ không gian địa lý : nhà thơ đã nhìn ngắm Đất Nước mình qua các danh thắng trải dài từ Bắc chí Nam. Tất cả các địa danh được nhắc đến đều gắn liền với một huyền thoại, huyền tích và sự thật về nhân dân trong lịch sử. Nói cách khác, chính những huyền thoại, huyền tích và sự thật lịch sử về nhân dân đã làm nên tên tuổi của các địa danh ấy, biến chúng thành danh thắng, thành di tích lịch sử văn hóa được mọi người thừa nhận và biết đến :

+ những người vợ nhớ chồng – núi Vọng Phu;

+ cặp vợ chồng yêu nhau – hòn Trống Mái;

+ người học trò nghèo – núi Bút, non Nghiên;

+ Ông Đốc, Ông Trang, Bà Đen, Bà Điểm…

Trong con mắt của nhà thơ, mỗi danh thắng không chỉ là một nét vẽ tô điểm vào bức “tranh họa đồ” Đất Nước mà còn ẩn chứa những nét đẹp tâm hồn của nhân dân trong mấy nghìn năm lịch sử : sự thủy chung; tình nghĩa vợ chồng; tinh thần yêu nước; ý thức hướng về tổ tông, nguồn cội; tinh thần hiếu học, ý chí vượt khó vươn lên; tinh thần xả thân vì cộng đồng, dân tộc… Tựu chung lại, đúng như nhà thơ đã khái quát : “*Và ở đâu trên khắp ruộng đồng gò bãi. Chẳng mang một dáng hình, một ao ước, một lối sống ông cha*. *Ôi Đất Nước sau bốn nghìn năm đi đâu ta cũng thấy. Những cuộc đời đã hóa núi sông ta*”.

-Từ thời gian lịch sử : khi nhìn vào “bốn nghìn năm Đất Nước”, Nguyễn Khoa Điềm nhấn mạnh đến “lớp lớp” những con người “*giản dị và bình tâm. Không ai nhớ mặt đặt tên. Nhưng họ đã làm ra Đất Nước*”. Không ai khác mà chính họ đã gìn giữ và truyền lại cho các thế hệ mai sau mọi giá trị văn hóa vật chất và tinh thần của Đất Nước: hạt lúa, ngọn lửa, tiếng nói, ngôn ngữ dân tộc, bản sắc văn hóa các vùng miền… Cũng chính họ “*Có ngoại xâm thì chống ngoại xâm. Có nội thù thì vùng lên đánh bại*” tạo dựng chủ quyền, đắp nền xây móng cho ngôi nhà Đất Nước để các thế hệ mai sau kế thừa và tiếp tục dựng xây, phát triển.

-Từ bản sắc văn hóa : khi khẳng định “*Đất Nước của Nhân dân*”, tác giả đã trở về với ngọn nguồn phong phú, đẹp đẽ của văn hóa, văn học dân gian mà tiêu biểu là ca dao. Ca dao chính là diện mạo tinh thần, là nơi lưu giữ đời sống tâm hồn tình cảm của nhân dân qua bao thế hệ. Nguyễn Khoa Điềm đã chọn ra từ kho tàng thơ ca dân gian ba nét đẹp tiêu biểu nhất của tâm hồn Việt, của bản sắc văn hóa Đất Nước: thật say đắm trong tình yêu, quý trọng tình nghĩa và kiên trì, bền bỉ trong đấu tranh cho đến ngày toàn thắng.

3. Nghệ thuật

- Thể thơ tự do.

- Sử dụng chất liệu văn hóa dân gian: ngôn từ, hình ảnh bình dị, dân dã, giàu sức gợi

- Giọng thơ thủ thỉ, tâm tình, biến đổi linh hoạt

- Sức truyền cảm lớn từ sự hòa quyện của chất chính luận và chất trữ tình.

4. Chủ đề

Bằng sự vận dụng đầy sáng tạo hình thức thơ trữ tình- chính trị, đoạn trích *Đất Nước* đã quy tụ mọi cảm nhận, mọi cái nhìn và vốn liếng sách vở cũng như những trải nghiệm cá nhân của người nghệ sĩ để làm nên một tuyên ngôn về tư tưởng, về nhận thức của cả một thế hệ nghệ sĩ, ấy là tư tưởng “Đất Nước của Nhân dân”

5. Ý nghĩa văn bản

Một cách cảm nhận mới về đất nước, qua đó khơi dậy lòng yêu nước, tự hào dân tộc, tự hào về nền văn hóa đậm đà bản sắc Việt Nam.

PHẦN II : LUYỆN ĐỀ

ĐỀ SỐ 1 :

*Khi ta lớn lên Đất nước đã có rồi*

*Đất Nước có trong những cái “ngày xửa ngày xưa …..” mẹ*

*thường hay kể*

*Đất Nước bắt đầu với miếng trầu bây giờ bà ăn*

*Đất Nước lớn lên khi dân mình biết trồng tre mà đánh giặc*

*Tóc mẹ thì bới sau đầu*

*Cha mẹ thương nhau bằng gừng cay muối mặn*

*Cái kèo, cái cột thành tên*

*Hạt gạo, phải một nắng hai sương xay, giã, giần, sàng*

*Đất Nước có từ ngày đó …*

(Trích *Đất nước* – Nguyễn Khoa Điềm, Ngữ văn 12, tập 1, trang 118, NXB Giáo dục, 2010 )

Cảm nhận của Anh(chị) về đoạn thơ trên. Từ đó, bình luận ngắn gọn về việc vận dụng chất liệu văn học dân gian trong đoạn thơ.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

a. Mở bài :

- Nguyễn Khoa Điềm, thuộc thế hệ nhà thơ trưởng thành trong kháng chiến chống đế quốc Mĩ. Thơ ông hấp dẫn bởi sự kết hợp giữa suy tư và cảm xúc dồn nén, mang đậm chất chính luận.

- Trường ca Mặt đường khát vọng được tác giả hoàn thành ở chiến khu Trị Thiên năm 1971 nhằm thức tỉnh tuổi trẻ.

- Đoạn trích này thể hiện cảm nhận sâu sắc, mới mẻ của nhà thơ về Đất Nước.Từ đó ta thấy

được sự tinh tế trong việc vận dụng chất liệu văn học dân gian của NKĐ

b. Thân bài:

\* Khái quát chung

\* Cảm nhận đoạn thơ:

\*.1.Cảm nhận: Cội nguồn Đất Nước

Những từ ngữ mang ý nghĩa khẳng định *“đã có rồi, lớn lên, bắt đầu từ đó”* xác nhận Đất Nước đã có từ rất lâu đời với một loạt hình ảnh đậm chất dân gian:

- Đất Nước có từ trong thần thoại, truyền thuyết, cổ tích, từ *“những cái ngày xửa ngày xưa mẹ thường hay kể ”*

*-* Đất Nước gắn liềnvới phong tục tập quán xa xưa của người Việt “*tóc mẹ thì bới sau đầu”; “miếng trầu bà ăn”* gợi tình gia tộc thắm thiết

- Đất Nước gắn liền với ý chí quật cường, từ khi *“dân mình biết trồng tre mà đánh giặc”* gợi ý thức yêu nước, tinh thần bất khuất, ý chí quật cường của cha ông thể hiện qua chiến công Thánh Gióng.

- Đất Nước gắn liền với tình nghĩa thủy chung của con người *“ gừng cay muối mặn”*

- Đất Nước bắt nguồn từ lối sống lao động cần cù chịu thương chịu khó và đậm tình nặng nghĩa“*cái kèo cái cột thành tên” “hạt gạo một nắng hai sương xay giã giần sàng…”*

\* Đánh giá chung:

- Đoạn thơ nêu lên cách cảm nhận độc đáo mới lạ sâu sắc về quá trình hình thành phát triển của Đất Nước; từ đo khơi dậy ý thức và trách nhiệm thiêng liêng của cá nhân với tổ quốc thiêng liêng

- Qua cách cảm nhận của tác giả, Đất Nước hiện lên vừa thiêng liêng vùa sâu sắc, vừa lớn lao gần gũi thân thiết với mọi người. Bên cạnh đó, giọng thơ chính luận trữ tình ngọt ngào da diết khiến người đọc cảm giác như đây là một lời tự dặn mình.

\* Bình luận về việc sử dụng chất liệu văn học dân gian trong đoạn thơ.

- Chất liệu dân gian được sử dụng rất đậm đặc, đa dạng (có phong tục, lối sống, tập quán sinh hoạt, vận dụng quen thuộc, có ca dao, dân ca, tục ngữ, các truyện cổ tích). Hơn thế, chất liệu dân gian được sử dụng rất sáng tạo (chỉ gợi ra bằng một vài chỗ hay một hình ảnh, một chi tiết…. nhưng vẫn đầy đủ ý nghĩa, thậm chí rất sâu sắc, mới mẻ)

- Điều này đã tạo nên một không khí, giọng điệu, không gian nghệ thuật vừa bình dị, gần gũi, hiện thực lại vừa giàu tưởng tượng, bay bổng, mơ mộng.

c. Kết bài:

Nhiều năm tháng qua đi nhưng đoạn thơ cùng với bản trường ca “Mặt đường khát vọng” vẫn giữ nguyên vẹn những giá trị tốt đẹp ban đầu của nó và để lại ấn tượng đẹp đẽ, đọng lại trong tâm tư của bao thế hệ con người Việt Nam trước đây, bây giờ và cả sau này. Bản trường ca của tác giả Nguyễn Khoa Điềm làm ta thêm hiểu và yêu Đất nước đồng thời thôi thúc bản thân hành động để bảo vệ và phát triển đất nước này.

ĐỀ SỐ 2 :

Cảm nhận đoạn thơ sau trích trong bài thơ “Đất  Nước” (trích trường ca “Mặt đường khát vọng” của Nguyễn Khoa Điềm:

“Trong anh và em hôm nay...........

........................................................

Em ơi em

Đất Nước là máu xương của mình

Phải biết gắn bó và san sẻ

Phải biết hóa thân cho dáng hình xứ sở

Làm nên Đất Nước muôn đời…”

(Ngữ văn 12, tập 1, Nxb Giáo dục, 2008, trang 119-120)

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

a. Mở bài

– Nguyễn Khoa Điềm (1943) thuộc thế hệ nhà thơ chống Mỹ cứu nước.Đất nước, nhân dân, cách mạng luôn là nguồn cảm hứng phong phú của thơ ông.

– “Đất Nước”là một đọan trích thuộc chương V trong bản trường ca “Mặt đường khát vọng” của Nguyễn Khoa Điềm, sáng tác năm 1971, tại chiến trường Bình Trị Thiên.  
– Đọan thơ sau đây là những lời nhắn nhủ tâm tình về sự gắn bó và trách nhiệm của mỗi người với ĐN :….

b.Thân bài :

\* Khái quát chung: Hoàn cảnh sáng tác, vị trí đoạn thơ

\*Phân tích đoạn thơ( trọng tâm):

- Về nội dung:

+ Đất nước có trong cuộc sống của mỗi người, trong anh và em, trong mỗi cá thể đều có một phần Đất Nước. Khi có sự kết hợp giữa các cá thể lại với nhau thì tạo nên sự bền chặt đầy sức sống.

+ Đất nước sẽ được thế hệ mai sau (con ta lớn lên) sẽ mang Đất nước đi xa để làm cho đất nước tốt đẹp hơn, phồn vinh hơn.

+ Đất nước chính là sinh mệnh, là máu xương của mình, phải biết quí, phải biết giữ gìn, phải biết “gắn bó và san sẻ”, hi sinh cái riêng hòa vào cái chung “hóa thân cho dáng hình xứ sở”. Có vậy Đất Nước mới bền vững muôn đời.

- Về Nghệ thuật: Thể thơ tự do, vận dụng chất liệu văn hóa dân gian, nhịp điệu thơ linh hoạt, kết hợp chính luận và trữ tình, suy tưởng và cảm xúc…

\* Đánh giá chung:

- Đoạn trích thể hiện những suy ngẫm mới mẻ, sâu sắc của Nguyễn Khoa Điềm về Đất Nước. Hình tượng Đất Nước được thể hiện bằng thể thơ tự do, linh hoạt với chất liệu thi ca được lấy từ kho tàng văn hóa, văn học dân gian, góp phần khẳng định tư tưởng “Đất Nước của Nhân dân”.

c. Kết bài.

Có thể nói, đây là một trong những đọan thơ hay và sâu sắc trong “Đất Nước” của Nguyễn Khoa Điềm .Bởi lẽ, qua đọan thơ, nhà thơ đã giúp cho chúng ta hiểu hơn về sự gắn bó giữa mỗi người với đất nước.Từ đó, ý thức hơn về trách nhiệm của mỗi người với đất nước quê hương.Đồng thời, đọan thơ cũng giúp ta thấy được vẻ đẹp trong phong cách thơ trữ tình- chính luận của nhà thơ.

# ĐỀ SỐ 3 :

Cho đoạn thơ:

“Họ giữ và truyền cho ta hạt lúa ta trồng

Họ truyền lửa cho mỗi nhà từ hòn than qua con cúi

Họ truyền giọng điệu mình cho con tập nói

Họ gánh theo tên xã, tên làng trong mỗi chuyến di dân

Họ đắp đập be bờ cho người sau trông cây hái trái

Có ngoại xâm thì chống ngoại xâm

Có nội thù thì vùng lên đánh bại

Để Đất Nước này là Đất Nước Nhân dân

Đất Nước của Nhân dân, Đất Nước của ca dao thần thoại

Dạy anh biết “yêu em từ thuở trong nôi”

Biết quý công cầm vàng những ngày lặn lội

Biết trồng tre đợi ngày thành gậy

Đi trả thù mà không sợ dài lâu”

(Trích Đất nước (Mặt đường khát vọng), Nguyễn Khoa Điềm, SGK Ngữ văn 12, tập một,013, trang 121, 122)

Anh/ chị hãy phân tích hình tượng Đất Nước qua đoạn thơ trên. Từ đó, làm rõ tư tưởng mới mẻ của Nguyễn Khoa Điềm về Đất Nước.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

a. Mở bài

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm, đoạn trích.

- Nêu vấn đề nghị luận và trích dẫn đoạn thơ.

b. Thân bài :

\*. Khái quát về hoàn cảnh sáng tác và xuất xứ đoạn trích:…..

\* Phân tích đoạn thơ :

\*.1. Tư tưởng Đất nước qua đoạn thơ.

- Về nội dung: Trong sự nghiệp dựng nước, nhân dân là người kiến tạo và bảo tồn những giá trị văn hoá tinh thần, truyền thống của dân tộc:

+ Cách dùng từ “họ”: đại từ xưng hô số nhiều chỉ nhân dân –> những con người bé nhỏ, bình thường thuộc đám đông trong xã hội, chứ không phải là các cá nhân anh hùng

+ Hệ thống các từ: giữ, truyền, gánh, đắp, be, dạy… được sử dụng đan cài trong đoạn thơ ghi nhận sự đóng góp lớn lao của nhân dân đối với sự nghiệp kiến quốc.

+ Các hình ảnh gắn với chuỗi động từ này: hạt lúa, lửa, giọng nói, tên xã, tên làng, đập, bờ… khẳng định nhân dân chính là lực lượng đông đảo vừa kiến tạo bảo tồn, lưu giữ truyền thống giàu tình nghĩa, giàu tình yêu thương, cần cù lao động

Đất Nước của Nhân dân, Nhân dân cũng chính là người góp phần mở mang bờ cõi Đất Nước, khai sông, lấn biển qua mỗi chuyến di dân đầy gian khổ.

–> Đoạn thơ có sự đan dệt của những ca dao, tục ngữ, hàng loạt truyện cổ và vô vàn những tập quán, phong tục một cách sáng tạo. Người viết có khi chỉ trích nguyên văn một câu ca dao: “yêu em từ thuở trong nôi“, song phần lớn chỉ sử dụng ý, hình ảnh ca dao: “Biết quý công cầm vàng những ngày lặn lội; biết trồng tre đợi ngày thành gậy/ Đi trả thù mà không sợ dài lâu”.

\*.2. Về nghệ thuật:Thể thơ tự do, vận dụng linh hoạt, nhuần nhuyễn, sáng tạo chất liệu văn hoá, văn học dân gian, giọng điệu thơ có sự kết hợp giữa chính luận và trữ tình, suy tưởng và cảm xúc

\* Nhận xét Tư tưởng mới mẻ của Nguyễn Khoa Điềm về Đất Nước:

**- Đất nước của Nhân dân, của ca dao thần thoại, của đời thường:** Nhân dân chính là người đã sáng tạo ra dòng chảy văn hóa cho cả một dân tộc, nhiều giá trị vật chất và tinh thần đã được nhân dân giữ lại và truyền đạt cho đời sau, để con cháu phát huy và kế thừa những

truyền thống tốt đẹp của cha ông xây dựng bao đời.

- Điểm mới trong sáng tác của Nguyễn Khoa Điềm đều xuất phát từ tư tưởng tiến bộ trong thời kỳ Cách mạng ấy là tư tưởng Đất Nước của dân, do dân và vì dân.

**Qua đó, tác giả thể hiện tình yêu, niềm tự hào về Đất Nước, Nhân dân, thức tỉnh mọi người ý thức trách nhiệm xây dựng, bảo vệ Đất Nước.**

c. Kết bài :

Đoạn trích đã thể hiện một cách rất thành công tư tưởng lớn của thời đại “Đất Nước của nhân dân”. Khổ thơ cũng như toàn bộ bài thơ “Đất Nước” đã mang đến những cảm nhận không lẫn về đất nước cùng tư tưởng tiến bộ. Bài thơ không chỉ có giá trị thức tỉnh thời bấy giờ mà còn là lời nhắc cho hàng triệu lớp con cháu hôm nay và mai sau.Cảm ơn nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm đã mang đến cho ta một giọng thơ tài hoa và những câu thơ giàu tính triết lý để ta thêm hiểu, thêm yêu, thêm tin vào sức mạnh của nhân dân và tin vào tình yêu Đất Nước của chính mình:

                                            Ôi Tổ Quốc, ta yêu như máu thịt

                                            Như mẹ cha ta, như vợ như chồng

                                            Ôi Tổ Quốc, nếu cần, ta chết

                                            Cho mỗi ngôi nhà, ngọn núi, con sông.

( Chế Lan Viên)

**ĐÀN GHI TA CỦA LOR- CA- THANH THẢO**.

ĐỀ BÀI : PHÂN TÍCH BÀI THƠ ĐÀN GHI TA CỦA LOR- CA( THANH THẢO)

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

**a. Mở bài**

- Giới thiệu tác giả: Thanh Thảo là nhà thơ luôn có nhiều suy tư, trăn trở về các vấn đề xã hội, ông là một trong số những nhà thơ luôn nỗ lực cách tân thơ Việt bằng việc đề cao trực cảm, đổi mới hình thức diễn đạt của thơ.

- Giới thiệu tác phẩm: là bài thơ tiêu biểu cho phong cách thơ nhuốm màu sắc tượng trung, siêu thực của Thanh Thảo. Bài thơ thể hiện sự đồng cảm của tác giả với Lor – ca, người nghệ sĩ tự do và cô đơn, dù bị chết oan khuất vẫn hiên ngang.

**b. Thân bài**

\*. Nhan đề và lời đề từ

- Nhan đề: Đàn ghi ta là niềm tự hào của Tây Ban Nha (hay còn gọi là Tây Ban Cầm), nó là hình ảnh của Lor – ca và những sáng tạo nghệ thuật của ông – một người nghệ sĩ thực thụ dùng lời thơ và tiếng đàn để ngợi ca tự do.

- Lời đề từ được trích trong bài thơ Ghi nhớ của Lor – ca, thể hiện sự gắn bó của Lor – ca với cây đàn - nghệ thuật, mặt khác Lor- ca muốn người đời sau hãy vượt qua những thành tựu nghệ thuật của mình sáng tạo những điều mới hơn.

\*. Người nghệ sĩ tự do đơn độc – Lor – ca (6 dòng đầu)

- Hai câu thơ đầu gợi liên tưởng đến không gian Tây Ban Nha với những nét đặc trưng: tiếng đàn truyền thống, những trận đấu bò tót.

+ Tuy nhiên hình ảnh “tiếng đàn” đặt cạnh hình ảnh “bọt nước”: nghệ thuật của Lor – ca lung linh như bọt nước, nhưng lại có thể vỡ tan bất cứ lúc nào, đó cũng là số phận ngắn ngủi của Lor – ca.

+ “áo choàng đỏ gắt”, gợi hình ảnh đấu trường, cuộc đấu tranh gay gắt giữa một bên là khát vọng tự do, một bên là bọ phát xít độc tài.

- Trong cuộc đấu tranh, Lor – ca như một người hùng đơn độc đi trên hành trình đấu tranh cho tự do với vũ khí là nghệ thuật và lòng yêu tự do.

- Chuỗi âm thanh “li la li la li la”: đây có thể là âm thanh tiếng đàn, cũng có thể là hình ảnh những vòng hoa li – la (tử đinh hương) của thảo nguyên Tây Ban Nha.

***\*. Cái chết oán khuất và bi phẫn của Lor – ca (12 câu tiếp)***

- “Tây Ban Nha/ hát nghêu ngao”: hình ảnh người nghệ sĩ Lor – ca say sưa với ca từ ngợi ca tự do trên quê hương.

- “bỗng kinh hoàng/ áo choàng bê bết đỏ”: cái chết bi thảm đột ngột ập đến với Lor – ca. Cái chết ấy khiến cả “Tây Ban Nha” “kinh hoàng” bởi bọn phát xít độc tài đã giết chết một người hùng đấu tranh cho tự do, dân chủ của đất nước Tây Ban Nha.

- “Lor – ca bị điệu về bãi bắn/ chàng đi như người mộng du”: hình ảnh hiên ngang của Lor – ca khi cận kề cái chết, chàng chỉ say mê với những cách tân nghệ thuật chân chính.

***\*. Hình ảnh tiếng ghi – ta***

- Nghệ thuật ẩn dụ chuyển đổi cảm giác, kết hợp từ ngữ, hình ảnh độc đáo

- “tiếng ghi – ta nâu bầu trời cô gái ấy”: màu nâu là màu của vỏ đàn, của đất đai quê hương, màu của làn da, mái tóc, đôi mắt của cô gái. Câu thơ là ẩn dụ về tình yêu thương.

- “tiếng ghi ta lá xanh”: sức sống mãnh liệt của nghệ thuật, tiếng ghi ta tròn bọt nước vỡ tan” -> sự lung linh mong manh của nghệ thuật, cuộc đời người nghệ sĩ.

- “tiếng ghi ta ròng ròng/ máu chảy”: cái chết bi thảm, đau đớn của nghệ thuật, thể hiện sự phẫn uất với chế độ phát xít độc tài và sự thương xót với người nghệ sĩ.

***\*. Sự vĩnh hằng của nghệ thuật***

- “không ai chôn cất ... mọc hoang”: có thể hiểu không ai có thể vượt qua nghệ thuật Lor –ca, không ai bước tiếp trên hành trình cách tân mà bỏ “hoang” nghệ thuật. Mặt khác, có thể hiểu, đó là sự bất diệt của nghệ thuật chân chính, dù Lor – ca chết nhưng nghệ thuật của chàng vẫn sinh sôi, phát triển.

- “giọt nước mắt” là sự tiếc thương, “vầng trăng” là niềm tin nghệ thuật, dù ở nơi tối tăm sâu thẳm thì tâm hồn trong sáng của người nghệ sĩ vẫn soi tỏ cho thế hệ sau.

- Lor - ca đã mất “đương chỉ tay đã đứt”, chàng giã từ cuộc đời hữu hạn để đến thế giới vô hạn bằng phương tiện “chiếc ghi ta” – nghệ thuật.

- “ném lá bùa”, “ném trái tim”: chính là sự giải thoát của Lor – ca sau khi chết. Người nghệ sĩ chân chính ý thức được “cái chết” của bản thân là để nghệ thuật được tái sinh mạnh mẽ, để hệ sau tiếp tục cách tân.

- “li la li la ...”: tiếng ghi ta bất tử dùng người nghệ sĩ đã chết, có thể là vòng hoa tử đinh hương viếng linh hồn Lor – ca.

**c. Kết bài**

- Nêu cảm nghĩ của bản thân về bài thơ.

- Nghệ thuật: thể thơ tự do, mới lạ, đậm chất tượng trung siêu thực, kết hợp nhuần nhuyễn giữa thơ ca và âm nhạc, kết hợp ngôn từ, hình ảnh độc đáo.

- Đây là bài thơ giàu chất suy tư, mãnh liệt, phóng túng trong xúc cảm, thể hiện sự xót thương trước cái chết bi thảm của Lor – ca thiên tài, là thông điệp, khát khao cách tân nghệ thuật của Thanh Thảo.

**SÓNG- XUÂN QUỲNH**

**ĐỀ SỐ 1 :**

*“Dữ dội và dịu êm*

*Ồn ào và lặng lẽ*

*Sông không hiểu nổi mình*

*Sóng tìm ra tận bể*

*Ôi con sóng ngày xưa*

*Và ngày sau vẫn thế*

*Nỗi khát vọng tình yêu*

*Bồi hồi trong ngực trẻ*

*Trước muôn trùng sóng bể*

*Em nghĩ về anh, em*

*Em nghĩ về biển lớn*

*Từ nơi nào sóng lên?*

*Sóng bắt đầu từ gió*

*Gió bắt đầu từ đâu?*

*Em cũng không biết nữa*

*Khi nào ta yêu nhau…”*

(*Sóng* – Xuân Quỳnh, Ngữ văn 12, Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam)

Cảm nhận của anh/chị về hình tượng sóng trong đoạn thơ trên. Từ đó nhận xét về tình cảm của người con gái khi yêu.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

a. Mở bài :

- Xuân Quỳnh là cây bút xuất sắc của nền văn học Việt Nam hiện đại và là một trong số những nhà thơ tiêu biểu nhất của thế hệ các nhà thơ trẻ thời kì chống Mĩ.

- Thơ Xuân Quỳnh là tiếng lòng của một tâm hồn phụ nữ nhiều trắc ẩn, vừa hồn nhiên tươi tắn, vừa chân thành đằm thắm và luôn da diết trong khát vọng về hạnh phúc bình dị đời thường.

- Sóng là một trong những thi phẩm đặc sắc của nữ sĩ.

- Đoạn thơ trên không chỉ cho ta thấy những cung bậc cảm xúc trong tình yêu qua thế giới cảm nhận của tác giả mà còn cho thấy vẻ đẹp tâm hồn , tình cảm của người phụ nữ trong tình yêu .

b. Thân bài :

\* Khái quát chung :

- “*Sóng”* được Xuân Quỳnh sáng tác năm 1967 tại biển Diêm Điền trong giai đoạn kháng chiến chống Mỹ. Bài thơ được in trong tập “*Hoa dọc chiến hào”*.

- Nhịp điệu của bài thơ Sóng là âm điệu, của những con sóng ngoài biển khơi, lúc ào ạt, dữ dội lúc nhẹ nhàng, khoan thai. Âm điệu đó được tạo nên bởi: Thể ngũ ngôn với những câu thơ được ngắt nhịp linh hoạt.

- Bài thơ có hai hình tượng là “sóng” và “em” - lúc phân tách, soi chiếu vào nhau, lúc nhập hòa làm một trong một cái tôi trữ tình duy nhất là Xuân Quỳnh. Sóng với những cung bậc cảm xúc trong tình yêu và khát vọng muốn hiểu về tình yêu của người con gái khi yêu.

\* *Cảm nhận về đoạn thơ:*

- Hình tượng sóng gắn liền với khát vọng ra đi và tìm đến tình yêu:

+ Những tính từ mang nghĩa trái ngược: “dữ dội – dịu êm, ồn ào – lặng lẽ”. Đó là những đặc tính đối nghịch đến bất ngờ của sóng, cũng là những cung bậc cảm xúc khi yêu của người con gái.

+Điệp từ “và” để thể hiện quan hệ cộng hưởng, nối tiếp của những trạng thái đối lập trong tình yêu để tạo nên chỉnh thể thống nhất về cảm xúc.

+ Quan điểm hiện đại khi yêu của nhân vật trữ tình: mạnh mẽ dữ dội để đi tìm lời giải đáp cho tình yêu: *Sóng tìm ra tận bể*. Đó là một sự mạnh mẽ và hiện đại: dứt khoát ra đi tìm đến biển, đến những chân trời mới bao la, tự do để thể hiện tình cảm của mình.

- Tình yêu của sóng, cũng là tình yêu của em, luôn luôn là khát vọng muôn đời:

+ Từ trái nghĩa: *ngày xưa, ngày sau* cho thấy người con gái dù ở thời đại nào cũng vẫn khao khát được yêu.

*+ “Bồi hồi”* là từ ngữ miêu tả trực tiếp cảm xúc của người con gái khi yêu.

- Nhân vật trữ tình nghĩ về tình yêu của mình:

+ Điệp ngữ: *Em nghĩ về…* là những suy tư, trăn trở của người con gái. Đó là những rạo rực, mãnh liệt, một lòng nghĩ về tình yêu của mình.

+ Nhân vật trữ tình băn khoăn về nơi tình yêu bắt đầu.

- Những câu hỏi giàu chất suy tưởng: *“Từ nơi nào sóng lên?”;* “Gió bắt đầu từ đâu?”, ... đó là nhịp lòng, là những cảm xúc dâng trào của nhân vật.

- “*Em cũng không biết nữa, Khi nào ta yêu nhau”* Người phụ nữ, nhân vật em trong bài thơ cũng không thể cắt nghĩa được tình yêu. Một sự bất lực đáng yêu của một trái tim yêu không chỉ đòi hỏi cảm xúc mà còn đòi hỏi nhận thức mãnh liệt.

\* Đánh giá nghệ thuật của tác phẩm:

Sử dụng thể thơ năm chữ, cách ngắt nhịp, phối âm, ngôn ngữ thơ giản dị, tự nhiên, giàu xúc cảm đã thể hiện một trái tim yêu nồng nàn, say đắm.

\* Nhận xét về tình cảm của người con gái khi yêu:

- Người con gái khi yêu luôn xuất hiện cùng lúc nhiều trạng thái cảm xúc, đôi khi có thể mâu thuẫn nhau.

- Khi yêu, họ sẽ luôn muốn hiểu được người yêu, hiểu mình và hiểu tình yêu của mình dù biết rằng tất cả những băn khoăn đều không dễ dàng giải đáp.

-Tình yêu của họ luôn nồng nàn, say đắm, vừa mang vẻ đẹp truyền thống, vừa mang vẻ đẹp hiện đại.

c. Kết bài:

Đoạn thơ đã giúp chúng ta hiểu được về tình cảm và hồn thơ của Xuân Quỳnh. Dù sống trong hoàn cảnh nào tiếng thơ của Xuân Quỳnh vẫn hồn nhiên tươi tắn với những khát vọng hạnh phúc đời thường. Đúng như lời chị viết:

“Chỉ riêng điều được sống cùng nhau

Niềm vui sướng với em là có thật

Trái tim nhỏ nằm trong lồng ngực

Giây phút nào tim chẳng đập vì anh”

ĐỀ SỐ 2 : Về bài thơ “ Sóng” của Xuân Quỳnh, có ý kiến cho rằng: “ Bài thơ thể hiện quan niệm rất mới mẻ và hiện đại của Xuân Quỳnh về tình yêu”. Nhưng lại có ý kiến khác cho rằng “Bài thơ thể hiện quan niệm về tình yêu mang tính truyền thống”. Từ cảm nhận về bài thơ “ Sóng” hãy bình luận những ý kiến trên?

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

**a. Mở bài :**

- Xuân Quỳnh là một trong những nhà thơ tiêu biểu nhất của thế hệ các nhà thơ trẻ thời chống Mĩ. Thơ Xuân Quỳnh là tiếng lòng của một tâm hồn phụ nữ nhiều trắc ẩn, vừa hồn nhiên, tươi tắn, vừa chân thành, đằm thắm và luôn da diết trong khát vọng về hạnh phúc đời thường.

- Bài thơ “Sóng” được sáng tác năm 1967 trong chuyến đi thực tế ở vùng biển Diêm Điền (Thái Bình), lúc đó XQ mới 25 tuổi trẻ trung, yêu đời. Đây là một bài thơ đặc sắc viết rất hay về tình yêu, rất tiêu biểu cho phong cách thơ Xuân Quỳnh thể hiện vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ trong tình yêu hiện lên qua hình tượng sóng: tình yêu thiết tha, nồng nàn, đầy khát vọng và sắt son chung thuỷ, vượt lên mọi giới hạn của đời người.

**b. Thân bài :**

**\*. Giải thích ý kiến**

 - Ý kiến thứ nhất: “ Bài thơ thể hiện quan niệm rất mới mẻ và hiện đại của Xuân Quỳnh về tình yêu”

 Quan niệm mới mẻ, hiện đại là quan niệm ngày nay, quan niệm của những người có đời sống văn hóa, tinh thần không bị ràng buộc bới ý thức hệ tư tưởng phong kiến. Về tình yêu, sự mới mẻ, hiện đại thể hiện ở: chủ động bày tỏ những khát khao yêu đương mãnh liệt, khát vọng mạnh mẽ táo bạo về những rung động rạo rực cảm xúc trong lòng, tin vào sức mạnh của tình yêu.

 - Ý kiến thứ hai: “bài thơ thể hiện quan niệm về tình yêu mang tính truyền thống”

Quan niệm truyền thống là quan niệm có từ xa xưa, được bảo tồn trong đời sống hiện đại. Trong tình yêu, nó được thể hiện ở những nét đẹp truyền thống: đằm thắm, dịu dàng, thủy chung,…

**=> Khẳng định**: hai ý kiến không đối lập mà bổ sung cho nhau làm nên vẻ đẹp cảu bài thơ: bài thơ thể hiện quan niệm của Xuân Quỳnh về tình yêu rất mực mới  mẻ, hiện đại lại mang vẻ đẹp truyền thống.

**\* Cảm nhận về bài thơ**

\*.1. Bài thơ thể hiện quan niệm mới mẻ hiện đại của Xuân Quỳnh về tình yêu:

- Đó là một tình yêu với nhiều cung bậc phong phú, đa dạng: dữ dội, ồn ào, dịu êm, lặng lẽ

 - Đó là sự mạnh bạo, chủ động bày tỏ những khát khao yêu đương mãnh liệt và rung động rạo rực trong lòng mình "Sông không hiểu nổi mình/ Sóng tìm ra tận bể". So sánh: không còn sự thụ động, chờ đợi tình yêu mà chủ động, khao khát kiếm tìm một tình yêu mãnh liệt.

- Người con gái dám sống hết mình cho tình yêu, hòa nhập tình yêu cá nhân vào tình yêu rộng lớn của cuộc đời.

**\*.2. B**ài thơ thể hiện quan niệm về tình yêu mang tính truyền thống

- Nỗi nhớ thương trong tình yêu được thể hiện qua hình tượng sóng và em “Ôi con sóng nhớ bờ/ Ngày đêm không ngủ được/ Lòng em nhớ đến anh/ Cả trong mơ còn thức”. Nỗi nhớ thường trực, da diết, mãnh liệt suốt đêm ngày.

-  Tình yêu gắn liền với sự chung thủy: Với em không chỉ có phương Bắc, phương Nam mà còn có cả “phương anh”. Đó là phương của tình yêu đôi lứa, là không gian của tương tư.

-  Tình yêu gắn với khát vọng về một mái ấm gia đình hạnh phúc: Cũng như sóng, dù muôn vàn cách trở  rồi cuối cùng cũng đến được bờ, người phụ nữ trên hành trình đi tìm hạnh phúc cho dù lắm chông gai nhưng vẫn tin tưởng sẽ cập bến.

>>.Nghệ thuật

- Thể thơ năm chữ, nhịp điệu thơ đa dạng, linh hoạt tạo nên âm hưởng của những con sóng: lúc dạt dào sôi nổi, lúc sâu lắng dịu êm rất phù hợp với việc gởi gắm tâm tư sâu kín và những trạng thái tình cảm phức tạp của tâm hồn.

- Cấu trúc bài thơ được xác lập theo kiểu đan xen giữa hình tượng sóng-bờ, anh-em cũng góp phần làm nên nét đặc sắc cho bài thơ.

**\*. Đánh giá:**

- Hai ý kiến đều đúng, thể hiện những vẻ đẹp , những khía cạnh khác nhau trong tâm hồn người phụ nữ khi yêu, thể hiện rõ những quan niệm mang tính mới mẻ, hiện đại, thậm chí táo bạo, chân thực, mãnh liệt, nồng nàn, đắm say của Xuân Quỳnh về tình yêu. Nhưng mặt khác. Quan niệm về tình yêu của Xuân Quỳnh có cốt rễ sâu xa trong tâm thức dân tộc vì thế thơ Xuân quỳnh nói chung và bài thơ “Sóng” nói riêng tạo sự đồng điệu trong nhiều thế hệ độc giả.

- Hai ý kiến không đối lập mà bổ sung cho nhau, giúp người đọc cảm nhận bài thơ ở cả bề mặt, chiều sâu và có những phát hiện thú vị, mới mẻ trong mĩ cảm. “Sóng” xứng đáng là một trong những bài thơ hay nhất của Xuân Quỳnh nói riêng và thơ tình hiện đại Việt Nam nói chung.

**NGƯỜI LÁI ĐÒ SÔNG ĐÀ- NGUYỄN TUÂN**

PHẦN I: KIẾN THỨC CHUNG VỀ TÁC PHẨM

1.Hoàn cảnh sáng tác

+ “*Người lái đò sông Đà »* là một áng văn trong tập tùy bút *Sông Đà* (1960) – thành quả nghệ thuật đẹp đẽ của Nguyễn Tuân trong chuyến đi gian khổ và hào hùng tới miền Tây Bắc rộng lớn của Tổ quốc. *Sông Đà* gồm 15 thiên tùy bút và một bài thơ ở dạng phác thảo.

+ Mục đích chính của chuyến đi tới Tây Bắc của nhà văn đồng thời cũng là cảm hứng chủ đạo của cả tập bút ký là tìm kiếm chất vàng của thiên nhiên Tây Bắc và nhất là chất vàng mười – “thứ vàng đã được thử lửa” ở tâm hồn những con người lao động, chiến đấu trên miền núi sông hùng vĩ và thơ mộng.

2.Nội dung :

a. Hình tượng con sông Đà

- Sông Đà trên trang văn của Nguyễn Tuân hiện lên như một “nhân vật” có hai tính cách trái ngược: Hung bạo, dữ dội và trữ tình, thơ mộng

\* Hung bạo, dữ dội :

\* Vẻ trữ tình, thơ mộng : .

🡪Qua hình tượng sông Đà, Nguyễn Tuân thể hiện tình yêu mến tha thiết đối với thiên nhiên, đất nước. Với ông, thiên nhiên cũng là một tác phẩm nghệ thuật vô song của tạo hóa. Cảm nhận và miêu tả sông Đà, Nguyễn Tuân đã chứng tỏ sự tài hoa, uyên bác và lịch lãm. Hình tượng sông Đà là phông nền cho sự xuất hiện và tôn vẻ đẹp của người lao động trong chế độ mới.

b. Hình tượng người lái đò :

- Là người tinh thạo trong nghề nghiệp

- Là người trí dũng tuyệt vời:

- Là người tài hoa nghệ sĩ:

3. Nghệ thuật

- Những ví von, so sánh, liên tưởng, tưởng tượng độc đáo, bất ngờ và rất thú vị của tác giả.

- Ngôn ngữ đa dạng, sống động, giàu hình ảnh và có sức gợi cảm cao.

- Câu văn đa dạng , nhiều tầng, giàu nhịp điệu, lúc thì hối hả, gân guốc, khi thì chậm rãi trữ tình...

4.Ý nghĩa:

Qua tác phẩm, tác giả muốn giới thiệu, khẳng định, ngợi ca vẻ đẹp của thiên nhiên và con người lao động ở miền Tây Bắc của Tổ quốc; thể hiện tình yêu mến, sự gắn bó thiết tha của Nguyễn Tuân đối với đất nước và con người Việt Nam.

PHẦN II. LUYỆN ĐỀ

ĐỀ SỐ 1 :

Phân tích hình tượng người lái đó sông Đà trong tùy bút *Người lái đò sông Đà* của nhà văn Nguyễn Tuân.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

a. Mở bài

- Nguyễn Tuân là một tác giả tài hoa, uyên bác, luôn kiếm tìm cái đẹp. Trước cách mạng ông tìm kiếm vẻ đẹp trong quá khứ, khi cách mạng thành công ông tìm kiếm vẻ đẹp ngay trong cuộc sống hiện tại. người lái đò sông Đà là tùy bút tiêu biểu cho những sáng tác sau cách mạng của ông.

- Ông lái đò chính là chất vàng mười đã được thử lửa mà Nguyễn Tuân tìm kiếm, người anh hùng trong thời kì xây dựng chủ nghĩa xã hội. Liên hệ hình ảnh người anh hùng trong thơ ca Nguyễn Tuân trước cách mạng (Huấn Cao – Chữ người tử tù).

2. Thân bài

\* Khái quát chung :

- Hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ.

- Cảm hứng chủ đạo của nhà văn NT sau CMT8….

\* Hình tượng người lái đò sông Đà :

- Công việc: lái đò trên sông Đà, hằng ngày đối diện với thiên nhiên hung bạo.

- Về lai lịch: tác giả xóa mờ xuất thân, tập trung miêu tả ngoại hình để ngợi ca những con người vô danh âm thầm cống hiến: “tay lêu nghêu như cái sào. Chân ông lúc nào cũng khuỳnh khuỳnh,... chất mun”, đó là ngoại hình khỏe khoắn của con người lao động luôn gắn bó với nghề. Tuổi ngoài 70 nhưng thân hình vạm vỡ như chất sừng mun, giọng nói vẫn khỏe, cặp mắt vẫn tinh tường. Có thể nói ông lái đò là con người của sông nước.

- Ông là người hiểu biết sâu rộng về dòng sông:

     + Đó là một người lái đò lão luyện: “Trên dòng sông Đà, ông xuôi, ông ngược hơn một trăm lần rồi chỉnh tay giữ lái độ sáu chục lần...” trong thời gian hơn chục năm làm cái nghề đầy nguy hiểm và gian khổ này.

     + Ông hiểu biết sâu rộng và rất thành thạo, thành thạo đến mức sông Đà “đối với ông lái đò ấy, như một trường thiên anh hùng ca mà ông đã thuộc đến cả cái chấm than, chấm câu và những đoạn xuống dòng. Trên dòng sông Đà, ông xuôi, ông ngược hơn một trăm lần rồi, chỉnh tay giữ lái độ sáu chục lần... Cho nên ông có thể bằng cách lấy mắt mà nhớ tỉ mỉ như đóng đanh vào lòng tất cả những luồng nước của tất cả những con thác hiểm trở.”

     + Ông có trình độ lái đò hết sức điêu luyện và là vị chỉ huy dày dạn kinh nghiệm. Giờ đây khi đã rời xa nghề chèo đò nhưng ông vẫn hoài niệm về những ngày tháng gian nan mà vui vẻ đó.

*- Là người tinh thạo trong nghề nghiệp*

+ Ông lão nắm vững qui luật khắc nghiệt của dòng thác sông Đà “N*ắm chắc quy luật của thần sông thần đá”.*

+ Ông thuộc lòng những đặc điểm địa hình của Sông Đà “ nhớ tỉ mỉ như đóng đinh vào tất cả các luồng nước của tất cả những con thác hiểm trở”, Sông Đà *“như một thiên anh hùng ca mà ông đò thuộc đến cả những cái chấm than, chấm câu và những đoạn xuống dòng”.*

- Là người trí dũng tuyệt vời: Ông sẵn sàng đối mặt với thác dữ, chinh phục “cửa tử”, “cửa sinh”, vượt qua trận thuỷ chiến với đá chìm, đá nổi, với những trùng vi thạch trận và phòng tuyến đầy nguy hiểm. Ông lái đò vượt qua bằng những hành động táo bạo và chuẩn xác. Ông hiện lên như một vị chủ huy dày dạn kinh nghiệm:

+ Ở trùng vây thứ nhất:thần sông dàn ra năm cửa đá thì có đến bốn cửa tử, cửa sinh duy nhất nằm sát bờ trái và huy độg hết sức mạnh của sóng thác đánh vỗ mặt con thuyền. Luồng song hung tợn “liều mạng vào sát nách mà đá trái, mà thúc gối vào bụng và hông thuyền”. Thậm chí còn đánh đòn tỉa, đánh đòn âm… nhưng người lái đò bình tĩnh giữ chắc mái chèo giúp con thuyền “khỏi bị hất khỏi bờm song trận địa phóng thẳng vào mình”. Ngay cả lúc bị trúng đòn hiểm, mặt méo bệch đi nhưng ông vẫn tỉnh táo chỉ huy con thuyền lướt đúng vào luồng sinh.

+ Ở trùng vây thứ hai, dòng sông đã thay đổi sơ đồ phục kích và cả chiến thuật. Vòng vây thứ 2 này tăng thêm nhiều cửa tử để đánh lừa con thuyền vào. Cửa sinh lại bố trí lệch qua phía bờ hữu ngạn. Nhưng ông đò đã “nắm chắc quy luật của thần sông thần đá” nên lập tức cũng thay đổi chiến thuật theo, nhận ra cạm bẫy của bọn thuỷ quân nơi cửa ải nước này. Ông không né tránh mà đưa con thuyền cưỡi lên sóng thác”*“cưỡi lên thác Sông Đà, phải cưỡi đến cùng như là cưỡi hổ”.* “Nắm chắc được cái bờm sóng đúng luồng rồi, ông đò ghì cương lái, bám chắc lấy luồng nước đúng mà phóng nhanh vào cửa sinh, mà lái miết một đường chéo vào cửa đá ấy”. Người lái đò tả xung, hữu đột như một chiến tướng dày dạn kinh nghiệm trận mạc có thừa lòng quả cảm đã đưa được con thuyền vượt qua tập đoàn cửa tử khiến cho những bộ mặt đá hung hăng dữ tợn phải xanh lè, thất vọng.

+ Ở trùng vây thứ ba, thạch trận ít cửa sinh hơn nhưng bên phải bên trái đều là luồng chết cả, cửa sinh lại nằm giữa lòng sông và bọn đá hậu vệ canh giữ. Nhưng ông đò không hề bất ngờ trước mưu mô hiểm độc của bọn chúng, tiếp tục chỉ huy con thuyền vượt qua trùng vây thứ ba.

- Là người tài hoa nghệ sĩ:

+ Ông đối đầu với ghềnh thác cuồng bạo bằng sự tự tin, ung dung nghệ sĩ. Tay lái linh hoạt, khéo léo, tài hoa như một nghệ sĩ trên sông nước : *“ông đò vẫn nhớ mặt bọn này, đứa thì ông tránh mà rảo bơi chèo lên, đứa thì ông đè sấn lên mà chặt đôi ra để mở đường tiến”, “Vút, vút…thuyền như một mũi tên tre xuyên nhanh qua hơi nước”.* Dưới bàn tay chèo lái điêu luyện của ông con thuyền đã hoá thành con tuấn mã hiểu ý chủ- khi thì khéo léo né tránh luồng sóng dữ, khi thì phóng thẳng vào cửa đá có 3 tầng cổng “cánh mở, cánh khép”. Con thuyền như bay trong không gian, ông đò luôn nhìn thử thách bằng cái nhìn giản dị mà lãng mạn.

+ Sau cuộc vượt thác gian nan, ông đò lại có phong thái ung dung của một nghệ sĩ *“Đêm ấy nhà đò đốt lửa trong hang đá, nước ống cơm lam và toàn bàn tán về cá anh vũ, cá dầm xanh…”.*

🡪 Đây là hình ảnh về một người lao động mới mang vẻ đẹp khác thường. Người lái đò hiện lên như là vị chỉ huy dày dạn kinh nghiệm, tài trí và luôn có phong thái ung dung pha chút nghệ sĩ. Ông chỉ huy cuộc vượt thác một cách tài tình, khôn ngoan và biết nhìn thử thách đó qua bằng cái nhìn giản dị mà không thiếu vẻ lãng mạn. Ông đò là người anh hùng, người nghệ sĩ trong công việc chèo đò, vượt thác. Ông đại diện cho con người Tây Bắc và là chất vàng mười của đất nước ta.

. \* Đánh giá chung :

- Đoạn văn tập trung khắc họa hình tượng ông lái đò một lần nữa cho thấy sự uyên bác, lịch lãm của Nguyễn Tuân. ở đây có tri thức, có ngôn ngữ sống động của quân sự, thể thao, võ thuật, điện ảnh…

- Hình ảnh ông lái đò cho thấy Nguyễn Tuân đã tìm được nhân vật mới cho mình, những con người đáng trân trọng, đáng ngợi ca, không thuộc tầng lớp thượng lưu đài các *một thời vang bóng* mà ngay trong quần chúng lao động bình thường xung quanh ta. Qua hình tượng người lái đò sông Đà, nhà văn muốn phát biểu quan niệm : người anh hùng không phải chỉ có trong chiến đấu mà còn có trong cuộc sống lao động thường ngày.

c. Kết bài:

- Nhân vật ông lái đò là đại diện cho con người lao động Tây Bắc trong giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội.

- *Người lái đò sông Đà* là tùy bút xuất sắc miêu tả chân thực vẻ đẹp vừa hung bạo vừa trữ tình của thiên nhiên Tây Bắc, giữa nền thiên nhiên nổi bật lên là vẻ đẹp của những người lao động bình dị…

ĐỀ SỐ 2 :

Phân tích hình tượng con sông Đà trong Người lái đò sông Đà của Nguyễn Tuân.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

a. Mở bài

- Là một nhà văn tài hoa, độc đáo, Nguyễn Tuân thích miêu tả những cái gì dữ dội, mãnh liệt hoặc đẹp một cách tuyệt đỉnh. Những trang viết hay nhất của ông thường là những trang tả đèo cao, vực sâu, thác nước

- Nguyễn Tuân yêu thiên nhiên tha thiết, ông có nhiều phát hiện tinh tế về vẻ đẹp của núi sông, cỏ cây trên đất nước mình. Tùy bút Người lái đò sông Đà đã thể hiện đậm nét phong cách Nguyễn Tuân. Cảm hứng về dòng sông Đà hung bạo và trữ tình chảy trên trang văn của Nguyễn Tuân biến vùng sông nước ấy thành một hình tượng nghệ thuật đặc sắc.

b.Thân bài:

\* Khái quát:

- Người lái đò sông Đà rút từ tập tùy bút Sông Đà của Nguyễn Tuân.

- Tác phẩm là kết quả của nhiều dịp ông đến với Tây Bắc trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, đặc biệt là kết quả của chuyến đi thực tế Tây Bắc năm 1958.

- Nguyễn Tuân đến với nhiều vùng khác nhau, sống với bộ đội, thanh niên xung phong, công nhân cầu đường và đồng bào các dân tộc. Thực tiễn xây dựng cuộc sống mới đã đem lại cho nhà văn nguồn cảm hứng sáng tạo.

- Đến với những tác phẩm của Nguyễn Tuân là ta đang đến với một tâm hồn vô cùng phong phú, với những phát hiện hết sức tinh tế, độc đáo về quê hương. Nguyễn Tuân là một nhà văn yêu nước, giàu lòng tự hào dân tộc. Tình yêu nước ấy cũng chính là tình yêu thiên nhiên tha thiết. Khám phá về sông Đà dòng chảy dữ dội của núi rừng Tây Bắc là một thành công đặc sắc của ông. Chỉ có N.T mới không nhọc công dò đến ngọn nguồn lạch sông, truy tìm đến tận nơi gốc tích khai sinh ra sông Đà, để biết chỗ phát nguyên của nó thuộc huyện Cảnh Đông và thoạt kì thủy, dòng sông mang những cái tên Trung Hoa khá thơ mộng: Li Tiên, Bả Biên Giang. Cũng chưa có nhà văn nào trước N.T có thể kể tên vanh vách 50/73 con thác lớn nhỏ nằm lô nhô suốt một dải sông từ Lai Châu về đến chợ Bờ. Cũng không có ai như Nguyễn, để có thể hạ bút viết đúng 3 câu về màu sắc nước sông Đà đã phải có mấy lần bay ngang qua miền sông ấy. Dòng sông Đà trong cảm nhận của nhà văn có hai nét tính cách đối lập: hung bạo và trữ tình.

\* Hình tượng con sông Đà

\*.1.Sông Đà hung bạo:

- Hướng chảy của sông Đà cho thấy đó là một dòng sông đầy cá tính “Chúng thủy giai đông ...”.

- Bờ sông dựng vách thành: lòng sông hẹp, “bờ sông dựng vách thành”, “đúng ngọ mới có mặt trời”, chỗ “vách đá ... như một cái yết hầu”

- Ở mặt ghềnh Hát Loóng: “nước xô đá, đá xô sóng, sóng xô gió” một cách hỗn độn, lúc nào cũng như “đòi nợ suýt” những người lái đó.

- Ở Tà Mường Vát: “có những cái hút nước giống như cái giếng bê tông”, chúng “thở và kêu như cửa cống cái bị sặc nước”, thuyền qua đoạn hút nước “y như ô tô ...mượn cạp ngoài bờ vực”,

- Trận địa thác đá được miêu tả từ xa đến gần:

+ Xa: âm thanh thác đá “con xa lắm” mà đã nghe tiếng thác “réo gần mãi lại, réo to mãi lên”, âm thanh ấy hiện lên với nhiều trạng thái khi “oán trách”, lúc “van xin”, khi “khiêu khích”, “chế nhạo”; cách so sánh độc đáo: “rống lên như một ngàn con trâu ... cháy bùng bùng” (lấy lửa tả nước).

+ Gần: Đá cũng đầy mưu mẹo: “nhăn nhúm”, “méo mó”, “”hất hàm”, “oai phong”, “bệ vệ”, có những hành động như “mai phục”, “chặn ngang”, “canh”, “đánh tan”, “tiêu diệt”, sóng: “đánh khuýp quật vu hồi”, “đánh giáp lá cà”, “đòn tỉa”

+ Sự biến hóa linh hoạt của trùng vi thạch trận: có 3 vòng, vòng 1 có 5 cửa sinh, một cửa tử (tả ngạn), vòng 2 có nhiều cửa tử, 1 cửa sinh (hữu ngạn), vòng 3 có ít cửa và 1 cửa sinh (giữa), gơi hình ảnh con sông Đà có tâm địa nham hiểm, mẹo lược, biến hóa khôn lường.

- Nhận xét: sông Đà mang diện mạo và tâm địa của một con thủy quái, “dòng thác hùm beo”, thứ kẻ thù số một của con người

\*. 2. Sông Đà “trữ tình”

- Khi từ tàu bay nhìn xuống:

+ Sông Đà “”tuôn dài, tuôn dài như một áng tóc trữ tình ... đốt nương xuân ”

+ Sông đà đổi màu theo từng mùa một cách độc đáo: mùa xuân xanh ngọc bích, mùa thu đỏ.

- Khi đi rừng lâu ngày bất ngờ gặp lại con sông:

+ Niềm vui vô hạn của tác giả khi bất ngờ gặp sông Đà: “như thấy nắng giòn tan sau kì mưa dầm”, “nối lại chiêm bao đứt quãng”, “như gặp lại cố nhân”.

+ Sông Đà gợi cảm như một cố nhân, có vẻ đẹp như trò chơi trẻ con tinh nghịch, có vẻ đẹp Đường thi.

- Khi đi thuyền trên sông phía hạ lưu:

+ Cảnh thiên nhiên thi vị, mơn mởn: trôi qua một nương ngô “nhú lá non”, con hươu thơ ngộ, “bờ sông hoang dại như một bờ tiền sử”.

+ Sông Đà như một “người tình nhân chưa quen biết”

- Nhận xét: Sông Đà trữ tình như một cố nhân, một tình nhân.

\* Đánh giá chung:

- Nghệ thuật: so sánh, nhân hóa, tưởng tượng độc đáo, vận dụng tri thức của nhiều lĩnh vực, xây dựng hình tượng thành công.

- Nội dung: Hình tượng sông Đà vừa mang nét hung bạo lại vừa trữ tình, thơ mộng. Qua hình tượng sông Đà đã thể hiện tình cảm của Nguyễn Tuân với thiên nhiên Tây Bắc.

c. Kết bài

- Tác phẩm là áng văn đẹp được tạo nên từ tình yêu đất nước của một con người muốn dùng văn chương để ngợi ca vẻ đẹp kì vĩ, thơ mộng của thiên nhiên và con người Tây Bắc.

- Thể hiện phong cách Nguyễn Tuân độc đáo và phong phú. Ở tùy bút Người lái đò sông Đà, chúng ta thấy phong cách giá trị của ông thể hiện rõ nhất là sự nhọn sắc của giác quan nghệ sĩ đi đôi với một kho chữ nghĩa giàu có và đầy màu sắc, lối văn rất mực tài hoa. Dòng sông Đà hung bạo và trữ tình chảy mãi trong dòng văn học nước nhà như niềm yêu mến và tự hào về cỏ cây sông núi quê hương của nhà văn Nguyễn Tuân.

ĐỀ SỐ 3 : Chất  “ vàng mười” của thiên nhiên và con người Tây Bắc trong tuỳ bút “Người lái đò sông Đà” của Nguyễn Tuân.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

a. Mở bài

- Nguyễn Tuân là một nhà văn tài hoa và uyên bác .Ông đi nhiều, và thường quan sát, khám phá vẻ đẹp của thiên nhiên và cuộc sống con người để ngợi ca , trân trọng.Tuỳ bút “ *Người lái đò sông Đà*” là một trong bài tuỳ bút thể hiện được sự tài hoa và vốn hiểu biết của  Nguyễn Tuân trong việc khám phá và ngợi ca chất “vàng mười” của của thiên nhiên và con người Tây Bắc qua hình ảnh của con sông Đà và người lái đò trên sông.

b. Thân bài

- *Trước hết*, ta phải hiểu chữ “vàng” trong câu nói của nhà văn không ứng với nghĩa đen. Ở đây, nhà văn muốn mượn của vàng vẻ đẹp và sự quý giá của nó để nói đến vẻ đẹp và quý giá của sông núi và tài trí của con người lao động. Nhưng vẻ đẹp và sự quý giá ấy không dễ tìm thấy, mà nó còn đang náu mình trong những vùng đất xa xôi. Nhà văn phải là người tìm kiếm, sàng lọc để phát hiện ra vẻ đẹp ấy , rồi bằng tài năng của mình mà bất tử hoá nó trong tác phẩm để “cống nạp”cho đời thường những “thỏi vàng mười” của thiên nhiên đất nước và con người.

\* *Thật vậy*, trong tuỳ bút “*Người lái đò sông Đà*” , Nguyễn Tuân đã phát hiện ra“chất vàng” quý báu của một dòng sông : “ *Đà giang độc bắc lưu”*là một dòng sông hung bạo, dòng sông của sức sống mãnh liệt. Tính cách hung bạo của dòng sông được cảm nhận ở những đoạn sông đầy đá chìm và thác dữ. *Nhưng*bên cạnh sự hung bạo ấy ta vẫn thấy ở sông Đà một biểu tượng về sức mạnh dữ dội và vẻ đẹp hùng vĩ của thiên nhiên đất nước. Cái dữ dội hùng vĩ của sông Đà trước hết là ở cảnh “ *đá bờ sông dựng thành*” rồi đến “ *nước xô đá, đá xô sóng, sóng xô gió, cuồn cuộn gùn ghè suốt năm”, rồi những hút nước xoáy tít”….*Đặc biệt, trong vẻ dữ dội, man dại của sông Đà , ta thấy cái quý giá của sức nước, thấy hiện ra những “*tuốc bin thuỷ điện*”.Đó chính là chất “vàng” quý giá của tài nguyên thiên nhiên đất nước.

*Cho nên* , cái quý giá ở đây chính là một tiềm năng lớn lao ngay trong vẻ hoang dại , phóng khoáng và sức mạnh bạo liệt  của dòng sông.

- Nhưng chất “vàng” của sông nước Tây Bắc không chỉ ở sự quý giá mà còn ở vẻ đẹp của sông Đà. Đó là hình ảnh của một dòng sông thơ mộng, trữ tình với hình dáng mềm mại *“tuôn dài như một áng tóc trữ tình*” , hay như một *“ áng tóc mun dài ngàn ngàn vạn vạn sải*…” .Cảnh sắc hai bên bờ sông cũng rất đỗi thơ mộng *“ như bờ tiền sử” , “hồn nhiên như nỗi niềm cổ tích tuổi xưa*”…Cái hay của nhà văn là cách dùng nghệ thuật so sánh dồn dập đã làm hiện lên một cách sinh động vẻ đẹp của dòng sông.

\* Cùng với sự quý giá của thiên nhiên là sự quý giá của người dân lao động Tây Bắc. Chất “*vàng mười*”quý giá của người lao động trong bài tuỳ bút chính là hình ảnh ông lái đò trên sông.Trong câu nói của mình, Nguyễn Tuân có dụng ý khi *dùng chữ “vàng” để nói về màu sắc sông núi và chữ “vàng mười” để chỉ vẻ đẹp và giá trị của con người lao động*.Đồng thời, nhà văn cũng ngầm ý rằng :*cái quý báu trong phẩm chất , tài năng của con người phải được tôi luyện trong cuộc sống, giống như vàng được tôi luyện trong lửa vậy*.*Vẻ  đẹp tài nguyên Tây Bắc thật quý giá.Nhưng con người Tây Bắc phải đẹp hơn, quý giá hơn*trong việc chinh phục và cải tạo thiên nhiên.

*Trong tác phẩm*, *con người mang chất “vàng mười” quý giá ấy lại là một con người lao động bình thường*, một người vô danh là nghề lái đò dọc trên sông Đà. Nhưng con người vô danh ấy nhờ lao động, nhờ chinh phục , chế ngự thiên nhiên hung bạo như sông nước Đà giang đã trở nên lớn lao , kỳ vĩ:

   + Trước hết, vẻ đẹp của người lái đò thể hiện ở tài nghệ của một “tay lái ra hoa”.Nguyễn Tuân đã rất thành công khi tung ra một “*đạo binh ngôn từ*” hùng hậu để miêu tả cho thật hấp dẫn và hùng tráng cuộc thuỷ chiến sông Đà.Trong những cuộc thuỷ chiến ấy, ông đò đã bằng sự dũng cảm, phi thường, mưu trí để vượt qua hết vòng vi này đến vòng vi khác.Ông giành thế chủ động bởi ông ông lái đã “*nắm chắc binh pháp của thần sông thần đá*”.Ông lái đò đã cưỡi lên thác ghềnh của sông Đà như một lão tướng dày dạn kinh nghiệm .Hình ảnh ông đò như mang dáng dấp của những anh hùng trong các thiên anh hùng ca thời cổ đại.

   + Chất “vàng mười” trong tài trí con người ở đây còn là sự dũng cảm , gan dạ, tài ba của người cầm lái mà đường lái đạt đến độ điêu luyện, siêu phàm: ông “*ghì cương lái miết phong nhanh vút vút cửa ngoài, cửa trong”, “thuyền như một mũi tên tre”*…Ông lái đò như một nghệ sĩ tài ba với một nghệ thuật cao cường đang luồn tránh, lái lượn trên dòng nước hung bạo của Đà giang.*Tài nghệ siêu phàm ấy chính là thứ “vàng mười”ngời ngời toả sáng giữa thiên nhiên hùng vĩ của Tổ quốc.*

 c. Kết bài

    Tóm lại, cái đẹp –cái quý giá bao giờ cũng vốn có trong thiên nhiên và con người. Nhưng biết nhìn thấy, biết cách làm cho mọi ngườicũng nhìn thấy lại không hề dễ dàng. Phải có sự kết hợp giữa cái tài và cái tâm của người nghệ sĩ mới làm được điều đó.

    Với một tình yêu lớn lao đối với Tổ quốc và nhân dân mình, Nguyễn Tuân đã đắm chìm trong cảnh và người Tây Bắc để phát hiện ra chất “vàng mười” quý giá của thiên nhiên và con người.

   Qủa vậy, bằng cảm hứng lãng mạn, bằng phép thuật ngôn từ, Nguyễn Tuân đã đem đến cho ta “chất vàng” quý giá của đời và làm giàu – làm sang cho tâm trí của chúng ta khiến ta biết yêu hơn con người và biết quý hơn thiên nhiên, đất nước mình.

**AI ĐÃ ĐẶT TÊN CHO DÒNG SÔNG ?**

(*Trích)*

*Hoàng Phủ Ngọc Tường*

PHẦN I: KIẾN THỨC CHUNG VỀ TÁC PHẨM

1. Tác giả Hoàng Phủ Ngọc Tường

- Sinh năm 1937 tại thành phố Huế

- Hoàng Phủ Ngọc Tường là nhà văn chuyên về bút ký, là “ một trong mấy nhà văn viết ký hay nhất của văn học ta hiện nay”( Nguyên Ngọc).

-Ông là một trí thức yêu nước, nhà văn gắn bó mật thiết với xứ Huế, có vốn hiểu biết sâu rộng trên nhiều lĩnh vực;

-Sáng tác của ông luôn có sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa chất trí tuệ và trữ tình, nghị luận và tư duy đa chiều với một lối hành văn hướng nội, súc tích, mê đắm, tài hoa.

- Tác phẩm tiêu biểu: (Sgk)

2. Tác phẩm:

- Xuất xứ, hoàn cảnh sáng tác: Là bài bút kí đặc sắc, viết tại Huế (1981), in trong tập sách cùng tên

- Kết cấu: Tác phẩm gồm ba phần

+ Phần 1: Sông Hương ở thượng nguồn

+ Phần 2: Sông Hương ở ngoại vi thành phố Huế

+ Phần 3: Sông Hương giữa lòng thành phố Huế.

- Vị trí văn bản: là phần thứ nhất trong bài bút kí dài về dòng sông Hương thơ mộng của xứ Huế.

3. Chất trí tuệ và chất thơ của Hoàng Phủ Ngọc Tường.

\* Chất trí tuệ:

-Hoàng Phủ Ngọc Tường vận dụng những am hiểu trong ca dao Huế vào bút kí của mình.

“ Bốn bề núi phủ mây phong

Mảnh trăng thiên cổ bóng tùng vạn niên”

cho đến câu thơ của Tản Đà “ Dòng sông trắng- lá cây xanh”, thơ của Tố Hữu, Cao Bá Quát, Bà Huyện Thanh Quan, Truyện Kiều.

-Những hiểu biết về phương diện địa lí để miêu tả vẻ đẹp của sông Hương từ thượng nguồn, đến đồng bằng, cho đến cố đô Huế.

-Những hiểu biết về lịch sử văn hoá.

-Sự liên tưởng so sánh với các công trình kiến trúc của Hi Lạp, La Mã, nền văn minh Châu Âu.

-Những tác phẩm văn học Châu Âu, những lời nhận xét của các nhà khoa học nước ngoài.

\* Chất thơ:

-Cách ví von, so sánh đầy chất thơ, mượt mà, ý vị.

“ Chiếc cầu trắng của thành phố in ngần trên nền trời, nhỏ nhắn như những vành trăng non”. Và “ giáp mặt thành phố ở Cồn Giã Viên, sông Hương uốn một cách cung rất nhẹ sang đến Cồn Hiến, đường cong ấy làm cho dòng sông mền hẳn đi như một tiếng vâng không nói ra của tình yêu. Hay “ Sông Hương là vậy, là dòng sông của sử thi viết giữa màu cỏ lá xanh biếc”.

-Những câu văn có sự mài dũa, đẽo gọt kĩ càng, nhẹ nhàng như một câu thơ

4. Nghệ thuật

- Văn phong tao nhã, hướng nội, tinh tế và tài hoa.

- Ngôn từ phong phú, gợi hình, gợi cảm; câu văn giàu ngạc điệu.

- Các biện pháp nghệ thuật ẩn dụ, nhân hóa, so sánh được sử dụng một cách hiệu quả…

5.Ý nghĩa văn bản

Thể hiện những phát hiện, khám phá sâu sắc và độc đáo về sông Hương; bộc lộ tình yêu tha thiết, sâu lắng và niềm tự hào lớn lao của nhà văn đối với dòng sông quê hương, với xứ Huế thân thương.

PHẦN II : LUYỆN ĐỀ

ĐỀ SỐ 1:

PHÂN TÍCH VẺ ĐẸP CỦA DÒNG SÔNG HƯƠNG QUA BÚT KÍ *AI ĐÃ ĐẶT TÊN CHO DÒNG SÔNG*?( TRÍCH) CỦA HOÀNG PHỦ NGỌC TƯỜNG.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

**a. Mở bài**

- Tác giả Hoàng Phủ Ngọc Tường: là nhà văn của xứ Huế, ông có sức liên tưởng tưởng tượng dồi dào, lối hành văn mê đắm, ông chuyên viết về bút kí.

- Tác phẩm là tùy bút tiêu biểu cho phong cách văn chương của tác giả: sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa chất trí tuệ và trữ tình, giữa nghị luận sắc bén và suy tư đa chiều.

- Hình tượng trung tâm của tác phẩm là hình tượng con sông Hương.

**b. Thân bài**

***\* Dòng sông thiên nhiên***

- Ở thượng nguồn:

+ Là “bản trường ca của rừng già” “rầm rộ dưới bóng cây đại ngàn”, “mãnh liệt qua những ghềnh thác”; lúc lại dịu dàng say đắm dưới dặm dài chói lọi hoa đỗ quyên ...”

+ “cô gái Di - gan”: phóng khoáng, man dại, tâm hồn tự do, trong sáng, bản tính gan dạ, có sức mạnh bản năng

+ Sắc đẹp dịu dàng và trí tuệ “người mẹ phù sa của vùng văn hóa xứ sở”.

- Sông Hương từ thượng nguồn đến Huế:

+ Sông Hương “như một người gái đẹp nằm ngủ mơ màng...” được đánh thức bởi tiếng gọi của tình yêu, bắt đầu hành trình gian truân, “tìm kiếm có ý thức” đến với Huế, lần đầu đến với tình yêu một mặt rất e lệ, một mặt táo bạo chủ động “vẫn đi trong dư vang của Trường Sơn”.

* Sông Hương có nhịp chảy chậm rãi, “mềm như tấm lụa” (liên hệ hình ảnh sông Đà như “áng tóc trữ tình”),
* Từ ngã ba Tuần đến chân đồi Thiên Mụ: mang dáng vẻ trầm mặc khi chảy qua những lăng tẩm, đổi dòng chuyển hướng liên tục.
* Từ chân đồi Thiên Mụ đến lúc gặp Huế: “vui hẳn lên”, “kéo một nét thẳng” vì tìm đúng đường về
* Giáp mặt Huế, sông Hương không gặp Huế ngay mà “uốn một cánh cung ...tình yêu” như một người con gái bẽn lẹn, ngại ngùng.

- Trong lòng Huế

+ Tác giả so sánh sông Hương với những dòng sông nổi tiếng trên thế giới, sông Hương chỉ thuộc về một thành phố duy nhất, giống như người con gái chung thủy.

+ Sông Hương mang đến cho Huế một vẻ đẹp cổ xưa dân dã: “ánh lửa thuyền chài ... xưa cũ”, trôi đi chậm như một mặt hồ.

+ Người con gái đắm say tình tứ khi bên người mình yêu, người con gái tài hoa “tài nữ đánh đàn trong đêm khuya”.

- Từ biệt Huế ra biển:

+ Như một người con gái lưu luyến, thủy chung từ biệt người yêu.

=> Tác giả chủ yếu cảm nhận vẻ đẹp sông Hương từ góc độ tình yêu khiến sông Hương hiện lên như một người con gái chung tình hết lòng vì tình yêu.

***\* Dòng sông lịch sử***

- Sông Hương là một nhân chứng lịch sử của Huế, của đất nước: “soi bóng kinh thành Phú Xuân của người anh hùng Nguyễn Huệ”, chứng kiến những mất mát đau thương của các cuộc khởi nghĩa thế kỉ XIX, ...

- Sông Hương như một công dân có ý thức trách nhiệm sâu sắc với đất nước: “biết hiến đời mình để làm nên chiến công”,...

- Là một người con gái anh hùng: cùng gắn bó với Huế qua nhiều cuộc chiến đấu anh hùng trong thời kì trung đại, đến cách mạng tháng Tám,...

\* Dòng sông văn hóa

- Sông Hương là “người mẹ phù sa của vùng văn hóa xứ sở”: toàn bộ âm nhạc cổ điển Huế, những bản đàn theo suốt cuộc đời Kiều và bản Tứ đại cảnh đều được sinh thành trên sông nước sông Hương.

- Là người tài nữ đánh đàn trong đêm khuya: không bao giờ lặp lại trong cảm hứng của các thi nhân

**C. Kết bài**

- Nêu [cảm nhận về hình tượng dòng sông Hương](https://doctailieu.com/binh-luan-ve-dep-song-huong-ai-da-dat-ten-cho-dong-song)

- Đánh giá nghệ thuật nổi bật: liên tưởng độc đáo, sử dụng từ ngữ đặc sắc, văn phong tao nhã, thành công trong nghệ thuật xây dựng hình tượng sông Hương.

- Qua tác phẩm ta cảm nhận được niềm tự hào tha thiết của tác giả với vẻ đẹp thiên nhiên xứ Huế cũng như đất nước.

ĐỀ SỐ 2 : Cảm nhận của anh/chị về vẻ đẹp của hình tượng sông Đà trong tác phẩm “Người lái đò sông Đà” – Nguyễn Tuân và hình tượng sông Hương trong tác phẩm “Ai đã đặt tên cho dòng sông?” – Hoàng Phủ Ngọc Tường. Từ đó, trình bày suy nghĩ của mình về việc bảo vệ cảnh quan thiên nhiên của quê hương, đất nước.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

a. Mở bài:

– Giới thiệu tác giả Nguyễn Tuân và Người lái đò sông Đà

– Giới thiệu tác giả Hoàng Phủ Ngọc Tường và Ai đã đặt tên cho dòng sông

– Giới thiệu vấn đề nghị luận : vẻ đẹp của sông Hương, sông Đà, và về việc bảo vệ cảnh quan thiên nhiên của quê hương, đất nước.

b. Thân bài:

\*. Nét tương đồng của 2 dòng sông:

- Sông Đà và sông Hương đều được các tác giả miêu tả như một nhân vật trữ tình có tính cách với những vẻ đẹp đặc trưng riêng biệt, thể hiện tình yêu thiên nhiên, tình yêu quê hương, đất nước.

- Sông Đà và sông Hương đều mang nét đẹp của sự hùng vĩ, dữ dội.

+ Vẻ đẹp hùng vĩ của sông Đà được thể hiện qua sự hung bạo và dữ dội của nó trên nhiều phương diện khác nhau cảnh trí dữ dội, âm thanh ghê rợn, đá sông Đà như đang bày trùng vi thạch trận.

+ Khi chảy giữa lòng Trường Sơn, sông Hương chảy dữ dội tựa 1 bản trường ca của rừng già, tựa cô gái Di-gan phóng khoáng và man dại….

- Sông Đà và sông Hương đều có vẻ đẹp thơ mộng và trữ tình:

– Sông Đà: dáng sông mềm mại tựa mái tóc tuôn dài tuôn dài, màu nước thay đổi qua từng mùa, vẻ đẹp hoang sơ, cổ kính…

– Sông Hương: với dòng chảy dịu dàng và đắm say giữa những dặm dài chói lọi màu đỏ của hoa đỗ quyên rừng. Sông Hương còn mang vẻ đẹp của người con gái ngủ mơ màng chờ người tình mong đợi đánh thức. Nó còn được ví như điệu slow tình cảm dành riêng cho Huế…

- Cả 2 đều được miêu tả qua ngòi bút tài hoa, uyên bác:

– .1.Tài hoa:

2 dòng sông đều được miêu tả trên phương diện văn hóa, thẩm mĩ:

+ Sông Đà là nơi hội tụ 2 nét tiêu biểu, đặc trưng của thiên nhiên Tây Bắc vừa hùng vĩ, uy nghiêm, dữ dội lại vừa trữ tình, thơ mộng.

+ Sông Hương là dòng sông của âm nhạc, dòng sông của thơ ca, của lịch sử gắn liền với những nét đặc sắc về văn hóa, với vẻ đẹp của người dân xứ Huế.

–.2. Uyên bác:

cả 2 tác giả đều vận dụng cái nhìn đa ngành, vận dụng kiến thức trên nhiều lĩnh vực nghệ thuật để khắc họa hình tượng 2 dòng sông. 2. Nét độc đáo riêng trong từng hình tượng dòng sông:

-.2.1. Sông Đà:

– Trong đoạn trích, nhà văn tập trung tô đạm nét hung bạo, dữ dội của sông Đà giống như 1 kẻ thù hiểm độc và hung ác

-> Thể hiện rõ nhất qua hình ảnh nước dữ, gió dữ, đá dữ đặc biệt đá bày trùng vi thạch trận chực lấy đi mạng sống của con người. – Sông Đà được cảm nhận ở chính nét dữ dội, phi thường, khác lạ: tiếng thét của sông Đà như tiếng thét của ngàn con trâu mộng, đá trên sông đà mỗi viên đều mang 1 khuôn mặt hung bạo, hiếu chiến…

– Đặc biệt, tác giả miêu tả sự hung bạo của sông Đà để làm nổi bật sự tài hoa, tài trí của người lái đò. Lúc này đây, sông Đà như 1 chiến địa dữ dội. Và mỗi lần vượt thác của người lái đò là mỗi lần ông phải chiến đấu với thần sông, thần đá… b/ Sông Hương:

– .2.2. Sông Hương được tô đậm ở nét đẹp trữ tình, thơ mộng, gợi cảm và nữ tính, luôn mang dáng vẻ của 1 người con gái xinh đẹp, mong manh có tình yêu say đắm. Khi ở thượng nguồn, nó là cô gái Digan phóng khoáng, man dại; khi ở cánh đồng Châu Hóa, nó là cô thiếu nữ ngủ mơ màng; khi lại như người tài nữ đánh đàn giữa đem khuya, hay là nàng Kiều tài hoa, đa tình mà lại chung tình, là người con gái dịu dàng của đất nước.

– Sông Hương được miêu tả qua chiều sâu văn hóa xứ Huế, nó như người mẹ phù sa bồi đắp cho vùng đất giàu truyền thống văn hóa này từ bao đời nay.

– Sông Hương được cảm nhận qua lăng kính của tình yêu: thủy trình của sông Hương là thủy trình có ý thức tìm về người tình mong đợi. Khi chảy giữa Huế, sông Hương mềm hẳn đi như 1 tiếng ” vâng” không nói ra của tình yêu. Trước khi đổ ra cửa biển, sông Hương như người con gái dùng dằng chia tay người yêu, thể hiện 1 nỗi niềm vương vấn với 1 chút lẳng lơ kín đáo.

– Thông qua hình tượng sông Hương mang nét đẹp nữ tính, nhà văn thể hiện nét đẹp lãng mạn, trữ tình của đất trời xứ Huế

\*. Trách nhiệm bản thân trong việc bảo vệ cảnh quan thiên nhiên của quê hương, đất nước

Học sinh có thể trình bày quan điểm cá nhân dựa trên những gợi ý sau : Thế hệ trẻ cần có trách nhiệm bảo vệ cảnh quan đất nước qua hành động cụ thể như: yêu quí, bảo vệ môi trường, quảng bá thắng cảnh…

c. Kết bài

Đánh giá chung về đóng góp của hai nhà văn

– Qua vẻ đẹp tương đồng của 2 dòng sông, ta bắt gặp sự tương đồng độc đáo của 2 tâm hồn có tình yêu thiên nhiên tha thiết và niềm tự hào với vẻ đẹp của non sông đất nước Việt Nam.

– Mỗi nhà văn đều có 1 phong cách nghệ thuật độc đáo trong việc thể hiện hình tượng các dòng sông, giúp người đọc có những cách nhìn phong phú, đa dạng về vẻ đẹp của quê hương.

---------------------------------------------------